

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP (HỘ KINH DOANH,,
TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ)
(CẤP XÃ - 38 THỦ TỤC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
1	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	03
2	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	07
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	21
4	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	26
5	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	32
6	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	47
7	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	51
8	Đăng ký thành lập hợp tác xã	55
9	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	75
10	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	87
11	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	90
12	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	95
13	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	101
14	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	108
15	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	113
16	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	116
17	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	123
18	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	130
19	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	138
20	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	141

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
21	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	152
22	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	168
23	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	174
24	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	180
25	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	197
26	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	204
27	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	210
28	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	214
29	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	219
30	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	223
31	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	240
32	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	257
33	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	263
34	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	284
35	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	308
36	Thông báo thành lập tổ hợp tác	311
37	Hỗ trợ dự án liên kết	320
38	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	324

1. Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh

Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)

a) Trình tự thực hiện

*** Trường hợp đăng ký trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính:**

- Hộ kinh doanh có thể dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh khi hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh chưa được chấp thuận trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh. Trong trường hợp này, chủ hộ kinh doanh gửi văn bản đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở hoặc Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bất kỳ trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét, ra thông báo về việc dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh và hủy hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Trường hợp từ chối dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối.

*** Trường hợp đăng ký qua mạng thông tin điện tử:**

- Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để đăng nhập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

- Người nộp hồ sơ kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử và thanh toán lệ phí theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử.

- Các thông tin đăng ký hộ kinh doanh trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và Cơ quan thuế.

- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện cấp đăng ký hộ kinh doanh và thông báo cho hộ kinh doanh về việc cấp đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện cấp đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo qua mạng thông tin điện tử cho hộ kinh doanh để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Công Dịch vụ công quốc gia;
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

(1) Giấy đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh (theo Mẫu tại Thông tư số 68/2025/TT-BTC).

- Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:

+ Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, kèm theo hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

+ Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, kèm theo hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh.

+ Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh thì khi thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và chủ hộ kinh doanh.

+ Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại mục

+ Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền. Người ủy quyền và người được ủy quyền phải thực hiện xác thực điện tử để được cấp đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

+ Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân còn hiệu lực của người ủy quyền.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam, tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã).

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo lý do từ chối, Thông báo về việc dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh và hủy hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

h) Lệ phí: Theo mức thu do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định (nếu có).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh (Mẫu số 06-HKD ban hành kèm theo Thông tư số 68/2025/TT-BTC).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Hộ kinh doanh có thể dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh khi hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh chưa được chấp thuận trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

- Có hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh hợp lệ.

* Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy;

- Các thông tin đăng ký hộ kinh doanh được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh;

- Có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ được kê khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

- Phải được ký số bởi chủ hộ kinh doanh hoặc người được chủ hộ kinh doanh ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 93 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại khoản 9 Điều 3 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ.

- Luật số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội.

- Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh.

- Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

TÊN HỘ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ**Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh**

Kính gửi[1]:

Tôi là[2]:

Sinh ngày:/...../.....

Giới tính:

Số định danh cá nhân (nếu có):

Điện thoại (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai thêm các thông tin cá nhân dưới đây:

Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:

Là chủ hộ kinh doanh¹[3].....

Tôi đề nghị[4]..... dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh đối với Hồ sơ có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả số do[5]..... cấp ngày ... /... /..... về việc đăng ký/thông báo của[6]..... – Mã số hộ kinh doanh..... (nếu có).

Lý do đề nghị:

Tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh này.

CHỦ HỘ KINH DOANH

(Ký và ghi họ tên)[7]

2. Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh

Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)

a. Trình tự thực hiện

**** Trường hợp đăng ký trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính***

- Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh: Chủ hộ kinh doanh hoặc người được ủy quyền đăng ký hộ kinh doanh có thể đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh mà không thuộc các trường hợp: tên hộ kinh doanh, địa chỉ trụ sở, chủ hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh, vốn kinh doanh, ngành, nghề kinh doanh, nội dung đăng ký thuế của hộ kinh doanh, trừ phương pháp tính thuế. Trong trường hợp này, hộ kinh doanh gửi giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở hoặc Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bất kỳ trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi hộ kinh doanh đặt trụ sở.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho hộ kinh doanh. Trường hợp hộ kinh doanh cập nhật, bổ sung các thông tin trong hồ sơ có trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh.

Trường hợp thay đổi địa giới hành chính làm thay đổi địa chỉ trụ sở của hộ kinh doanh thì hộ kinh doanh được tiếp tục hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đã được cấp mà không bắt buộc phải thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở. Khi có nhu cầu hoặc khi đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh, hộ kinh doanh gửi giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở hoặc Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bất kỳ trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi hộ kinh doanh đặt trụ sở để được cập nhật thông tin về địa chỉ trụ sở và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

- Bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh: Trường hợp hộ kinh doanh phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hộ kinh doanh gửi giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở hoặc Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bất kỳ trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi hộ kinh doanh đặt trụ sở. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp Giấy chứng nhận đăng

ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy đề nghị của hộ kinh doanh nếu thông tin nêu tại giấy đề nghị của hộ kinh doanh là chính xác.

Trường hợp hộ kinh doanh phát hiện thông tin đăng ký hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh bị thiếu hoặc chưa chính xác so với bản giấy của giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký thuế, hộ kinh doanh gửi giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở hoặc Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bất kỳ trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi hộ kinh doanh đặt trụ sở. Kèm theo giấy đề nghị phải có bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh nếu thông tin nêu tại giấy đề nghị của hộ kinh doanh là chính xác.

**** Trường hợp đăng ký qua mạng thông tin điện tử:***

- Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để đăng nhập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

- Người nộp hồ sơ kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử và thanh toán lệ phí theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử.

- Các thông tin đăng ký hộ kinh doanh trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và Cơ quan thuế.

- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện cấp đăng ký hộ kinh doanh và thông báo cho hộ kinh doanh về việc cấp đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện cấp đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo qua mạng thông tin điện tử cho hộ kinh doanh để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

b. Cách thức thực hiện

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Công Dịch vụ công quốc gia;
- Qua dịch vụ bưu chính.

c. Thời hạn giải quyết

- Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin: 01 ngày làm việc.

- Bổ sung, hiệu đính thông tin: 03 ngày làm việc.

d. Thành phần, số lượng hồ sơ

- * Trường hợp phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận chưa chính xác:
 - Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh .
 - * Trường hợp phát hiện sai khác trong Cơ sở dữ liệu điện tử:
 - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;
 - Bản sao giấy chứng nhận đăng ký thuế .
 - * Trường hợp ủy quyền: Kèm theo một trong các giấy tờ sau:
 - + Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, kèm theo hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.
 - + Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, kèm theo hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh.
 - + Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh thì khi thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và chủ hộ kinh doanh.
 - + Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại mục
 - + Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền. Người ủy quyền và người được ủy quyền phải thực hiện xác thực điện tử để được cấp đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.
 - + Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân còn hiệu lực của người ủy quyền.
 - Số lượng hồ sơ: 01bộ.

e. Đối tượng thực hiện: Công dân Việt Nam, tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã).

f. Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã.

g. Kết quả thực hiện

Cập nhật thông tin hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu đăng ký hộ kinh doanh; hoặc Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (nếu có thay đổi nội dung trên giấy).

Thông báo bằng văn bản trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ.

i. Phí, lệ phí

Mức thu do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC).

k. Tên mẫu đơn, tờ khai

Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh – Mẫu số 2-HKD (ban hành kèm Thông tư số 68/2025/TT-BTC).

h. Yêu cầu, điều kiện thực hiện

Thông tin kê khai phải trùng khớp với dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Hồ sơ giấy phải có đủ giấy tờ, thông tin, số điện thoại, lệ phí theo quy định.

Hồ sơ điện tử phải đầy đủ, có chữ ký số của chủ hộ hoặc người được ủy quyền.

Trường hợp không kết nối được với CSDL quốc gia về dân cư, phải kèm bản sao CCCD của cá nhân liên quan.

l. Căn cứ pháp lý:

- Thông tư 85/2019/TT-BTC;
- Luật 59/2020/QH14;
- Nghị định 168/2025/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư 68/2025/TT-BTC ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh;
- Luật số 76/2025/QH15 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp.

TÊN HỘ KINH DOANH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh**

(Dùng trong trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh, đăng ký cập nhật, bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh, đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh)

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)¹

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hộ kinh doanh/Mã số đăng ký hộ kinh doanh/Mã số thuế:

2. ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Hộ kinh doanh đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh như sau:*Lưu ý:*

- Hộ kinh doanh chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký thay đổi tại Mục này.
- Trường hợp hộ kinh doanh được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trước ngày Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp có hiệu lực thi hành thì chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký thay đổi tại Mục này và kê khai đầy đủ thông tin tại Mục C của Mẫu này.

¹ Trường hợp hộ kinh doanh đăng ký thay đổi trụ sở của hộ kinh doanh thì ghi tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh dự định đặt trụ sở mới. Các trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh khác thì ghi tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh đã đăng ký.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN HỘ KINH DOANH

Tên hộ kinh doanh viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*):

.....

Tên hộ kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (*nếu có*):

.....

Tên hộ kinh doanh viết tắt sau khi thay đổi (*nếu có*):

.....

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TRỤ SỞ CỦA HỘ KINH DOANH

Trụ sở của hộ kinh doanh sau khi thay đổi:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Thư điện tử (nếu có): Website (nếu có):

☐ Không kinh doanh tại trụ sở (đánh dấu X vào ô này nếu hộ kinh doanh không có địa điểm kinh doanh cố định)

Hộ kinh doanh cam kết trụ sở của hộ kinh doanh thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ kinh doanh và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật (hộ kinh doanh chỉ cam kết trong trường hợp kinh doanh tại trụ sở).

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI CHỦ HỘ KINH DOANH

Thay đổi chủ hộ kinh doanh do (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành viên hộ gia đình uỷ quyền cho thành viên khác làm chủ hộ kinh doanh

☐

Chủ hộ kinh doanh chết hoặc bị Tòa án tuyên bố đã chết, mất tích, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi

☐

1. Chủ hộ kinh doanh trước khi thay đổi:

Họ và tên (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Sinh ngày:/...../.....

Giới tính:

Số định danh cá nhân (nếu có):

Điện thoại (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

.....

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai thêm các thông tin cá nhân dưới đây:

Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:

2. Chủ hộ kinh doanh sau khi thay đổi:

Họ và tên (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Sinh ngày:/...../.....

Giới tính:

Số định danh cá nhân (nếu có):

Điện thoại (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai thêm các thông tin cá nhân dưới đây:

Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘ GIA ĐÌNH
ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH**

Danh sách các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh sau khi thay đổi²:

TT	Họ tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi thường trú	Nơi ở hiện tại	Chữ ký
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

² - Kê khai cả thông tin của chủ hộ tại Bảng này;

- Trường hợp chủ hộ kinh doanh và các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh kê khai số định danh cá nhân thì chỉ kê khai các cột số 1, 2, 3, 4, 5, 10, không phải kê khai các cột số 6, 7, 8, 9 của Bảng này, trừ trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN KINH DOANH

Vốn kinh doanh sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH³

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hộ kinh doanh đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành ⁴	Ngành, nghề kinh doanh chính (Trường hợp một trong các ngành, nghề kinh doanh được bổ sung là ngành, nghề kinh doanh chính thì đánh dấu X vào ô này)

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hộ kinh doanh đăng ký bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành ⁵	Ngành, nghề kinh doanh chính (Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bỏ là ngành, nghề kinh doanh chính thì đánh dấu X vào ô này)

3. Sửa đổi ngành, nghề kinh doanh chính⁶ (kê khai trong trường hợp hộ kinh doanh chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính và trong trường hợp đăng ký thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh chính):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành

Lưu ý: Trường hợp hộ kinh doanh thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, hộ kinh doanh kê khai đồng thời tại Mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh được bổ sung tại Mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh được bỏ tại Mục 2.

³ - Hộ kinh doanh đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh trong trường hợp có thay đổi về ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh.

- Đối với ngành, nghề kinh doanh chính, hộ kinh doanh ghi tên ngành và mã ngành cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

^{4,5} Ghi tên ngành và mã ngành cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam đối với ngành, nghề kinh doanh chính. Đối với các ngành, nghề kinh doanh khác, hộ kinh doanh được ghi tự do và không cần ghi mã ngành cấp bốn.

⁶ Ghi tên ngành và mã ngành cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THUẾ

Đăng ký bổ sung, thay đổi các chỉ tiêu đăng ký thuế như sau:

Chỉ tiêu	Thông tin đăng ký cũ	Thông tin đăng ký mới
- Chỉ tiêu 5.1: Địa chỉ nhận thông báo thuế -.....		

**B. ĐĂNG KÝ CẬP NHẬT, BỔ SUNG, HIỆU ĐÍNH THÔNG TIN
ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH**

Hộ kinh doanh đăng ký cập nhật, bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh như sau:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

C. ĐĂNG KÝ CẤP ĐỔI SANG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Trường hợp hộ kinh doanh được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trước ngày Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp có hiệu lực thi hành thực hiện quy định tại Điều 123 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP thì kê khai thông tin theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và giấy chứng nhận đăng ký thuế đã được cấp tại Mục này.

1. Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

2. Trụ sở của hộ kinh doanh:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:

Điện thoại:..... Fax (nếu có):

Thư điện tử (nếu có): Website (nếu có):

3. Ngành, nghề kinh doanh⁷:

STT	Tên ngành	Mã ngành ⁸	Ngành, nghề kinh doanh chính ⁹

4. Vốn kinh doanh:

Tổng số (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

5. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
5.1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở): Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Đặc khu: Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:

⁷ - Hộ kinh doanh có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;

- Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Hộ kinh doanh chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định.

⁸ Ghi tên ngành và mã ngành cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam đối với ngành, nghề kinh doanh chính. Đối với các ngành, nghề kinh doanh khác, hộ kinh doanh được ghi tự do và không cần ghi mã ngành cấp bốn.

⁹ Đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai làm ngành, nghề kinh doanh chính.

	Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có): Thư điện tử (nếu có):
5.2	Tổng số lao động:

6. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Cá nhân ☐

Các thành viên hộ gia đình ☐

7. Thông tin về các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh⁹:

STT	Họ tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi thường trú	Nơi ở hiện tại	Chữ ký
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Hộ kinh doanh cam kết về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Giấy đề nghị này.

Trường hợp thay đổi danh sách thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh mà chủ hộ kinh doanh và các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh kê khai số định danh cá nhân và đồng ý cho Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh và Cơ quan đăng ký kinh doanh khai thác, sử dụng, lưu giữ và cung cấp thông tin dữ liệu cá nhân lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phục vụ công tác đăng ký hộ kinh doanh và các công tác khác theo quy định thì ghi thêm:

Chủ hộ kinh doanh và các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh cam kết đồng ý cho Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh và Cơ quan đăng ký kinh doanh khai thác, sử dụng, lưu giữ và cung cấp thông tin dữ liệu cá nhân lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phục vụ công tác đăng ký hộ kinh doanh và các công tác khác theo quy định.

CHỦ HỘ KINH DOANH

(Ký và ghi họ tên)¹⁰

⁹ - Chỉ kê khai trong trường hợp chủ thể thành lập hộ kinh doanh là các thành viên hộ gia đình và kê khai cả thông tin của chủ hộ tại Bảng này;

- Trường hợp chủ hộ kinh doanh và các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh kê khai số định danh cá nhân thì chỉ kê khai các cột số 1, 2, 3, 4, 5, 10, không phải kê khai các cột số 6, 7, 8, 9 của Bảng này, trừ trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn

¹⁰ Chủ hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

Trường hợp thay đổi chủ hộ kinh doanh thì chủ hộ kinh doanh mới ký trực tiếp vào phần này.

3. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)

a) Trình tự thực hiện:

*** Trường hợp đăng ký trực tiếp hoặc đăng ký qua dịch vụ bưu chính:**

- Trường hợp hộ kinh doanh đã được cấp bản giấy Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh có nhu cầu được cấp lại Giấy này do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, hộ kinh doanh gửi văn bản đề nghị cấp lại đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở hoặc Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bất kỳ trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

- Trường hợp Hộ kinh doanh đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trước ngày Nghị định số 168/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành được tiếp tục hoạt động theo nội dung các giấy tờ trên. Hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 168/2025/NĐ-CP trong trường hợp sau đây:

(i) Trường hợp hộ kinh doanh thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh, hộ kinh doanh nộp hồ sơ đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở hoặc Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bất kỳ trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi hộ kinh doanh đặt trụ sở. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

(ii) Trường hợp hộ kinh doanh thực hiện thủ tục đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký, hộ kinh doanh nộp hồ sơ đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở hoặc Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bất kỳ trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi hộ kinh doanh đặt trụ sở. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp Cơ quan thuế sử dụng mã định danh cá nhân thay cho mã số thuế theo quy định của pháp luật về thuế thì hộ kinh doanh đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được tiếp tục hoạt động theo nội dung các giấy tờ trên. Hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 168/2025/NĐ-CP, trong đó ghi nhận mã số mới do Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế truyền sang khi hộ kinh doanh thực hiện các thủ tục:

(i) Trường hợp hộ kinh doanh thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh, hộ kinh doanh nộp hồ sơ đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở hoặc Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bất kỳ trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi hộ kinh doanh đặt trụ sở. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

(ii) Trường hợp hộ kinh doanh thực hiện thủ tục đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký, hộ kinh doanh nộp hồ sơ đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở hoặc Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bất kỳ trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi hộ kinh doanh đặt trụ sở. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp mua bán, tặng cho, thừa kế hộ kinh doanh được thực hiện trước ngày Nghị định số 168/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, hộ kinh doanh gửi hồ sơ đăng ký thay đổi chủ hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở hoặc Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bất kỳ trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi hộ kinh doanh đặt trụ sở. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi, bổ sung cho hộ kinh doanh.

**** Trường hợp đăng ký qua mạng thông tin điện tử:***

- Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để đăng nhập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

- Người nộp hồ sơ kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử và thanh toán lệ phí theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử.

- Các thông tin đăng ký hộ kinh doanh trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và Cơ quan thuế.

- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện cấp đăng ký hộ kinh doanh và thông báo cho hộ kinh doanh về việc cấp đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều

kiện cấp đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo qua mạng thông tin điện tử cho hộ kinh doanh để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Cổng Dịch vụ công quốc gia;
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (theo mẫu).
Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (nếu có).
+ Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục: kèm theo một trong các giấy tờ sau:
Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh; hoặc
Bản sao hợp đồng dịch vụ với tổ chức được ủy quyền thực hiện; hoặc
Phiếu gửi hồ sơ của đơn vị bưu chính có xác nhận của nhân viên bưu chính và chủ hộ kinh doanh.
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp lại cho hộ kinh doanh. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cập nhật thông tin thay đổi của hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

h) Lệ phí: Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định

i) Tên mẫu đơn, tờ khai:

Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh hợp lệ.
- Hộ kinh doanh phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

* Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

+ Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy;

+ Các thông tin đăng ký hộ kinh doanh được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh;

+ Có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ được kê khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

+ Phải được ký số bởi chủ hộ kinh doanh hoặc người được chủ hộ kinh doanh ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 93 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại khoản 9 Điều 3 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp (bao gồm hộ kinh doanh).

Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh.

Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

TÊN HỘ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ**Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh**Kính gửi: *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)*Tên hộ kinh doanh *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Mã số hộ kinh doanh:

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

Lý do đề nghị cấp lại:

Hộ kinh doanh cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

CHỦ HỘ KINH DOANH*(Ký và ghi họ tên)¹*

¹ Chủ hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

4. Đăng ký thành lập hộ kinh doanh

Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)

a) Trình tự thực hiện:

* Trường hợp đăng ký trực tiếp hoặc đăng ký qua dịch vụ bưu chính:

- Chủ hộ kinh doanh hoặc người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh gửi hồ sơ đăng ký thành lập hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở hoặc Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bất kỳ trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trao giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, kiểm tra điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 85 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và gửi thông báo về Cơ quan thuế quản lý trực tiếp hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản cho người nộp hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Thông báo phải nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

* Trường hợp đăng ký qua mạng thông tin điện tử:

- Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để đăng nhập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

- Người nộp hồ sơ kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử và thanh toán lệ phí theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử.

- Các thông tin đăng ký hộ kinh doanh trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và Cơ quan thuế.

- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện cấp đăng ký hộ kinh doanh và thông báo cho hộ kinh doanh về việc cấp đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện cấp đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo qua mạng thông tin điện tử cho hộ kinh doanh đề yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Công Dịch vụ công quốc gia;
- Qua dịch vụ bưu chính..

c) Thành phần hồ sơ:

(1) Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh;

(2) Bản sao văn bản ủy quyền của thành viên hộ gia đình cho một thành viên làm chủ hộ kinh doanh đối với trường hợp hộ kinh doanh do các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập. Văn bản ủy quyền này phải được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật.

* Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục thì hồ sơ phải kèm theo một trong những giấy tờ sau:

(i) Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, kèm theo hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

(ii) Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, kèm theo hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh.

(iii) Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh thì khi thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và chủ hộ kinh doanh.

(iv) Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại mục (ii).

(v) Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền. Người ủy quyền và người được ủy quyền phải thực hiện xác thực điện tử để được cấp đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân còn hiệu lực của người ủy quyền.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam; Nhóm cá nhân; Hộ gia đình.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

h) Lệ phí: Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

(i) Hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Ngành, nghề đăng ký kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh;
- Tên của hộ kinh doanh được đặt theo đúng quy định tại Điều 88 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP;
- Có hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh hợp lệ;
- Nộp đủ lệ phí đăng ký hộ kinh doanh theo quy định.

(ii) Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử được chấp thuận khi có đầy đủ các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy. Chủ hộ kinh doanh, các thành viên hộ gia đình hoặc cá nhân khác ký tên trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 5g (bổ sung tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT);

- Các thông tin đăng ký hộ kinh doanh được kê khai trên hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ; - Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số của chủ hộ kinh doanh hoặc người được chủ hộ kinh doanh ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 4 Điều 84 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.

k) Căn cứ pháp lý:

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025.

Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ.

Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Sinh ngày:/ /.....

Giới tính:

Số định danh cá nhân:

Điện thoại (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

.....

Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai thêm các thông tin cá nhân dưới đây:

Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:

Đăng ký hộ kinh doanh do tôi là chủ hộ với các nội dung sau:

1. Tên hộ kinh doanh:

Tên hộ kinh doanh viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên hộ kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên hộ kinh doanh viết tắt (*nếu có*):

2. Trụ sở của hộ kinh doanh:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:

Điện thoại: Fax (*nếu có*):

Thư điện tử (*nếu có*): Website (*nếu có*):

☐ Không kinh doanh tại trụ sở (*đánh dấu X vào ô này nếu hộ kinh doanh không có địa điểm kinh doanh cố định*)

3. Ngành, nghề kinh doanh⁵:

STT	Tên ngành	Mã ngành ⁶	Ngành, nghề kinh doanh chính ⁷

4. Vốn kinh doanh:

Tổng số (*bằng số, bằng chữ, VNĐ*):

5. Thông tin đăng ký thuế:

5.1. Địa chỉ nhận thông báo thuế (*chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở*):

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:

Điện thoại (*nếu có*): Thư điện tử (*nếu có*):

5.2. Ngày bắt đầu hoạt động⁸ (*trường hợp hộ kinh doanh dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thì không cần kê khai nội dung này*):/...../.....

5.3. Tổng số lao động (*dự kiến*):

5.4. Phương pháp tính thuế GTGT (*chọn 1 trong 2 phương pháp*):

☐ Phương pháp kê khai

☐ Phương pháp khoán

6. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh: (*đánh dấu X vào ô thích hợp*)

⁵ - Hộ kinh doanh có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;

- Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Hộ kinh doanh chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định.

⁶ Ghi tên ngành và mã ngành cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam đối với ngành, nghề kinh doanh chính. Đối với các ngành, nghề kinh doanh khác, hộ kinh doanh được ghi tự do và không cần ghi mã ngành cấp bốn.

⁷ Đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai làm ngành, nghề kinh doanh chính.

⁸ Trường hợp hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

☐ Cá nhân☐ Các thành viên hộ gia đình**7. Thông tin về các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh⁹:**

STT	Họ tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi thường trú	Nơi ở hiện tại	Chữ ký
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Tôi xin cam kết:

- Bản thân (*trường hợp hộ kinh doanh do một cá nhân đăng ký thành lập*)/Bản thân và các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (*trường hợp hộ kinh doanh do các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập*) đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký hộ kinh doanh theo quy định;
- Bản thân (*trường hợp hộ kinh doanh do một cá nhân đăng ký thành lập*)/Bản thân và các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (*trường hợp hộ kinh doanh do các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập*) không thuộc diện pháp luật cấm kinh doanh; không đồng thời là chủ hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh khác; không là chủ doanh nghiệp tư nhân;
- Trụ sở thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ kinh doanh và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật (*hộ kinh doanh chỉ cam kết trong trường hợp kinh doanh tại trụ sở*);
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký trên.

CHỦ HỘ KINH DOANH*(Ký và ghi họ tên)¹⁰*

⁹ - Chỉ kê khai trong trường hợp chủ thể thành lập hộ kinh doanh là các thành viên hộ gia đình và kê khai cả thông tin của chủ hộ tại Bảng này;

- Trường hợp chủ hộ kinh doanh và các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh kê khai số định danh cá nhân thì chỉ kê khai các cột số 1, 2, 3, 4, 5, 10, không phải kê khai các cột số 6, 7, 8, 9 của Bảng này, trừ trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn.

¹⁰ Chủ hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

5. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh

Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)

a) Trình tự thực hiện:

* Trường hợp đăng ký trực tiếp hoặc đăng ký qua dịch vụ bưu chính:

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi một trong các nội dung về: tên hộ kinh doanh, địa chỉ trụ sở, chủ hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh, vốn kinh doanh, ngành, nghề kinh doanh, nội dung đăng ký thuế của hộ kinh doanh, trừ phương pháp tính thuế thì chủ hộ kinh doanh có trách nhiệm đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở hoặc Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bất kỳ trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở.

Trường hợp việc thay đổi địa chỉ trụ sở dẫn đến thay đổi Cơ quan thuế quản lý trực tiếp hộ kinh doanh, hộ kinh doanh phải thực hiện thủ tục với Cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển trụ sở theo quy định của pháp luật về thuế trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Trường hợp thay đổi chủ hộ kinh doanh do các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh ủy quyền cho một trong các thành viên còn lại làm chủ hộ kinh doanh thì hộ kinh doanh gửi hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở hoặc Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bất kỳ trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở.

Trường hợp hộ kinh doanh do thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập thay đổi chủ hộ do chủ hộ chết hoặc bị Tòa án tuyên bố đã chết, mất tích, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì hộ kinh doanh gửi hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở hoặc Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bất kỳ trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở.

Trường hợp hộ kinh doanh có hai thành viên mà thành viên là chủ hộ kinh doanh chết hoặc bị Tòa án tuyên bố đã chết, mất tích, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì thành viên còn lại là chủ hộ kinh doanh. Hộ kinh doanh gửi hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở hoặc Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bất kỳ trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký thay đổi, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trao giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cập nhật thông tin thay đổi của hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho hộ kinh doanh. Trường hợp thay đổi các nội dung quy định về:

tên hộ kinh doanh, địa chỉ trụ sở, chủ hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh, vốn kinh doanh, ngành, nghề kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh.

* Trường hợp đăng ký qua mạng thông tin điện tử:

- Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để đăng nhập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

- Người nộp hồ sơ kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử và thanh toán lệ phí theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử.

- Các thông tin đăng ký hộ kinh doanh trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và Cơ quan thuế.

- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện cấp đăng ký hộ kinh doanh và thông báo cho hộ kinh doanh về việc cấp đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện cấp đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo qua mạng thông tin điện tử cho hộ kinh doanh đề yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;

- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Cổng Dịch vụ công quốc gia;

- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp hộ kinh doanh do thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập thay đổi chủ hộ do chủ hộ chết hoặc bị Tòa án tuyên bố đã chết, mất tích, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, hồ sơ gồm:

- Bản sao giấy chứng tử hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố đã chết, mất tích, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

*** Trường hợp nội dung đăng ký thay đổi về: tên hộ kinh doanh, địa chỉ trụ sở, vốn kinh doanh, ngành, nghề kinh doanh và nội dung đăng ký thuế của hộ kinh doanh, trừ phương pháp tính thuế thì hồ sơ gồm:**

- Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh do chủ hộ kinh doanh ký;

- Biên bản họp nhóm cá nhân tham gia hộ kinh doanh về việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đối với trường hợp hộ kinh doanh do nhóm cá nhân thành lập trước ngày Nghị định số 168/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

*** Trường hợp thay đổi chủ hộ kinh doanh do các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh ủy quyền cho một trong các thành viên còn lại làm chủ hộ kinh doanh thì Hồ sơ gồm các giấy tờ sau:**

- Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh;
- Bản sao văn bản ủy quyền của các thành viên hộ gia đình cho một thành viên làm chủ hộ kinh doanh. Văn bản ủy quyền này phải được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật.

*** Trường hợp thay đổi thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh, hộ kinh doanh gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Hồ sơ gồm:**

- Bản sao văn bản ủy quyền của thành viên mới cho chủ hộ kinh doanh trong trường hợp tiếp nhận thành viên mới. Văn bản ủy quyền này phải được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật.

*** Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục thì hồ sơ phải kèm theo một trong những giấy tờ sau:**

(i) Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, kèm theo hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

(ii) Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, kèm theo hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh.

(iii) Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh thì khi thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và chủ hộ kinh doanh.

(iv) Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại mục (ii).

(v) Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền. Người ủy quyền và người được ủy quyền phải thực hiện xác thực điện tử để được cấp đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân còn hiệu lực của người uỷ quyền.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam, nhóm cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cập nhật thông tin thay đổi của hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh.

h) Lệ phí: Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh do chủ hộ kinh doanh ký

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

(i) Chủ hộ kinh doanh có trách nhiệm đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh với Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi.

(ii) Hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Ngành, nghề kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh;
- Tên hộ kinh doanh được đặt theo đúng quy định tại Điều 86 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP;
- Có hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh hợp lệ;
- Nộp đủ lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

(iii) Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy;

- Các thông tin đăng ký hộ kinh doanh được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh;

- Có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ được kê khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

- Phải được ký số bởi chủ hộ kinh doanh hoặc người được chủ hộ kinh doanh uỷ quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp uỷ quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 93 Nghị

định số 168/2025/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại khoản 9 Điều 3 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

k) Căn cứ pháp lý:

Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29-11-2019 của Bộ Tài chính.

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025.

Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh.

TÊN HỘ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh**

(Dùng trong trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh, đăng ký cập nhật, bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh, đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh)

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)¹¹

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hộ kinh doanh/Mã số đăng ký hộ kinh doanh/Mã số thuế:

A. ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH**Hộ kinh doanh đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh như sau:***Lưu ý:*

- Hộ kinh doanh chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký thay đổi tại Mục này.
- Trường hợp hộ kinh doanh được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trước ngày Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp có hiệu lực thi hành thì chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký thay đổi tại Mục này và kê khai đầy đủ thông tin tại Mục C của Mẫu này.

¹¹ Trường hợp hộ kinh doanh đăng ký thay đổi trụ sở của hộ kinh doanh thì ghi tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh dự định đặt trụ sở mới. Các trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh khác thì ghi tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh đã đăng ký.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN HỘ KINH DOANH

Tên hộ kinh doanh viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*):

.....

Tên hộ kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (*nếu có*):

.....

Tên hộ kinh doanh viết tắt sau khi thay đổi (*nếu có*):

.....

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TRỤ SỞ CỦA HỘ KINH DOANH

Trụ sở của hộ kinh doanh sau khi thay đổi:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Thư điện tử (nếu có): Website (nếu có):

☐ Không kinh doanh tại trụ sở (đánh dấu X vào ô này nếu hộ kinh doanh không có địa điểm kinh doanh cố định)

Hộ kinh doanh cam kết trụ sở của hộ kinh doanh thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ kinh doanh và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật (hộ kinh doanh chỉ cam kết trong trường hợp kinh doanh tại trụ sở).

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI CHỦ HỘ KINH DOANH

Thay đổi chủ hộ kinh doanh do (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành viên hộ gia đình uỷ quyền cho thành viên khác làm chủ hộ kinh doanh

☐

Chủ hộ kinh doanh chết hoặc bị Tòa án tuyên bố đã chết, mất tích, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi

☐

1. Chủ hộ kinh doanh trước khi thay đổi:

Họ và tên (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Sinh ngày:/...../.....

Giới tính:

Số định danh cá nhân (nếu có):

Điện thoại (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai thêm các thông tin cá nhân dưới đây:

Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:

2. Chủ hộ kinh doanh sau khi thay đổi:

Họ và tên (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Sinh ngày:/...../.....

Giới tính:

Số định danh cá nhân (nếu có):

Điện thoại (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai thêm các thông tin cá nhân dưới đây:

Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘ GIA ĐÌNH
ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH**

Danh sách các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh sau khi thay đổi¹²:

TT	Họ tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi thường trú	Nơi ở hiện tại	Chữ ký
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

¹² - Kê khai cả thông tin của chủ hộ tại Bảng này;

- Trường hợp chủ hộ kinh doanh và các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh kê khai số định danh cá nhân thì chỉ kê khai các cột số 1, 2, 3, 4, 5, 10, không phải kê khai các cột số 6, 7, 8, 9 của Bảng này, trừ trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN KINH DOANH

Vốn kinh doanh sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH¹³

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hộ kinh doanh đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành ¹⁴	Ngành, nghề kinh doanh chính (Trường hợp một trong các ngành, nghề kinh doanh được bổ sung là ngành, nghề kinh doanh chính thì đánh dấu X vào ô này)

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hộ kinh doanh đăng ký bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành ⁵	Ngành, nghề kinh doanh chính (Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bỏ là ngành, nghề kinh doanh chính thì đánh dấu X vào ô này)

3. Sửa đổi ngành, nghề kinh doanh chính⁶ (kê khai trong trường hợp hộ kinh doanh chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính và trong trường hợp đăng ký thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh chính):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành

Lưu ý: Trường hợp hộ kinh doanh thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, hộ kinh doanh kê khai đồng thời tại Mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh được bổ sung tại Mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh được bỏ tại Mục 2.

¹³ - Hộ kinh doanh đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh trong trường hợp có thay đổi về ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh.

- Đối với ngành, nghề kinh doanh chính, hộ kinh doanh ghi tên ngành và mã ngành cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

^{14,5} Ghi tên ngành và mã ngành cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam đối với ngành, nghề kinh doanh chính. Đối với các ngành, nghề kinh doanh khác, hộ kinh doanh được ghi tự do và không cần ghi mã ngành cấp bốn.

⁶ Ghi tên ngành và mã ngành cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THUẾ

Đăng ký bổ sung, thay đổi các chỉ tiêu đăng ký thuế như sau:

Chỉ tiêu	Thông tin đăng ký cũ	Thông tin đăng ký mới
- Chỉ tiêu 5.1: Địa chỉ nhận thông báo thuế -.....		

B. ĐĂNG KÝ CẬP NHẬT, BỔ SUNG, HIỆU ĐÍNH THÔNG TIN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Hộ kinh doanh đăng ký cập nhật, bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh như sau:

.....

.....

.....

.....

.....

D. ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Trường hợp hộ kinh doanh được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trước ngày Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp có hiệu lực thi hành thực hiện quy định tại Điều 123 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP thì kê khai thông tin theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và giấy chứng nhận đăng ký thuế đã được cấp tại Mục này.

1. Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

2. Trụ sở của hộ kinh doanh:

Số nhà/phòng, gác/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:

Điện thoại:..... Fax (nếu có):

Thư điện tử (nếu có): Website (nếu có):

3. Ngành, nghề kinh doanh⁷:

STT	Tên ngành	Mã ngành ⁸	Ngành, nghề kinh doanh chính ⁹

4. Vốn kinh doanh:

Tổng số (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

⁷ - Hộ kinh doanh có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;

- Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Hộ kinh doanh chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định.

⁸ Ghi tên ngành và mã ngành cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam đối với ngành, nghề kinh doanh chính. Đối với các ngành, nghề kinh doanh khác, hộ kinh doanh được ghi tự do và không cần ghi mã ngành cấp bốn.

⁹ Đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai làm ngành, nghề kinh doanh chính.

5. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
5.1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở</i>): Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Đặc khu: Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương: Điện thoại (<i>nếu có</i>): Fax (<i>nếu có</i>): Thư điện tử (<i>nếu có</i>):
5.2	Tổng số lao động:

6. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh (*đánh dấu X vào ô thích hợp*):

Cá nhân ☐

Các thành viên hộ gia đình ☐

7. Thông tin về các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh⁹:

STT	Họ tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi thường trú	Nơi ở hiện tại	Chữ ký
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Hộ kinh doanh cam kết về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Giấy đề nghị này.

Trường hợp thay đổi danh sách thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh mà chủ hộ kinh doanh và các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh kê khai số định danh cá nhân và đồng ý cho Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh và Cơ quan đăng ký kinh doanh khai thác, sử dụng, lưu giữ và cung cấp thông tin dữ liệu cá nhân lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phục vụ công tác đăng ký hộ kinh doanh và các công tác khác theo quy định thì ghi thêm:

⁹ - Chỉ kê khai trong trường hợp chủ thể thành lập hộ kinh doanh là các thành viên hộ gia đình và kê khai cả thông tin của chủ hộ tại Bảng này;

- Trường hợp chủ hộ kinh doanh và các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh kê khai số định danh cá nhân thì chỉ kê khai các cột số 1, 2, 3, 4, 5, 10, không phải kê khai các cột số 6, 7, 8, 9 của Bảng này, trừ trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn

¹⁰ Chủ hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

Trường hợp thay đổi chủ hộ kinh doanh thì chủ hộ kinh doanh mới ký trực tiếp vào phần này.

Chủ hộ kinh doanh và các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh cam kết đồng ý cho Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh và Cơ quan đăng ký kinh doanh khai thác, sử dụng, lưu giữ và cung cấp thông tin dữ liệu cá nhân lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phục vụ công tác đăng ký hộ kinh doanh và các công tác khác theo quy định.

CHỦ HỘ KINH DOANH

(Ký và ghi họ tên)¹⁰

6. Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh

Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)

a) Trình tự thực hiện:

* Trường hợp đăng ký trực tiếp hoặc đăng ký qua dịch vụ bưu chính:

Trường hợp hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh từ 15 ngày trở lên hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký, hộ kinh doanh gửi hồ sơ đăng ký đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở hoặc Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bất kỳ trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trao giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho hộ kinh doanh. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp giấy xác nhận về việc hộ kinh doanh đăng ký tạm ngừng kinh doanh, giấy xác nhận về việc hộ kinh doanh đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký cho hộ.

* Trường hợp đăng ký qua mạng thông tin điện tử:

- Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để đăng nhập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

- Người nộp hồ sơ kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử và thanh toán lệ phí theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử.

- Các thông tin đăng ký hộ kinh doanh trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và Cơ quan thuế.

- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện cấp đăng ký hộ kinh doanh và thông báo cho hộ kinh doanh về việc cấp đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện cấp đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo qua mạng thông tin điện tử cho hộ kinh doanh để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;

- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Cổng Dịch vụ công quốc gia

- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị đăng ký tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký của hộ kinh doanh;

- Biên bản họp nhóm cá nhân tham gia hộ kinh doanh về việc đăng ký tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký của hộ kinh

doanh đối với trường hợp hộ kinh doanh do nhóm cá nhân thành lập trước ngày Nghị định số 168/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

* Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục thì hồ sơ phải kèm theo một trong những giấy tờ sau:

(i) Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, kèm theo hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

(ii) Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, kèm theo hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh.

(iii) Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh thì khi thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và chủ hộ kinh doanh.

(iv) Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại mục (ii).

(v) Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền. Người ủy quyền và người được ủy quyền phải thực hiện xác thực điện tử để được cấp đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân còn hiệu lực của người ủy quyền.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy xác nhận về việc hộ kinh doanh đăng ký tạm ngừng kinh doanh, Giấy xác nhận về việc hộ kinh doanh tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cập nhật tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh sang tình trạng tạm ngừng kinh doanh

h) Lệ phí: Mức lệ phí (nếu có) theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

(i) Trường hợp hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh từ 15 ngày trở lên hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký, hộ kinh doanh gửi hồ sơ đăng ký đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký.

(ii) Thời hạn tạm ngừng kinh doanh của mỗi lần đăng ký không được quá một năm.

(iii) Có hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh hợp lệ;

(iv) Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy;

- Các thông tin đăng ký hộ kinh doanh được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh;

- Có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ được kê khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

- Phải được ký số bởi chủ hộ kinh doanh hoặc người được chủ hộ kinh doanh ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 93 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại khoản 9 Điều 3 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

i) Căn cứ pháp lý:

Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính.

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025.

Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh.

TÊN HỘ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ**Đăng ký tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn
đã đăng ký của hộ kinh doanh**

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hộ kinh doanh:

**Đăng ký tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn
đã đăng ký như sau:***1. Trường hợp tạm ngừng kinh doanh thì ghi:*

Thời gian tạm ngừng kinh doanh: kể từ ngày ... / ... / ... đến hết ngày ... / ... / ...

Lý do tạm ngừng kinh doanh:

2. Trường hợp tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký thì ghi:

Thời gian tiếp tục kinh doanh: kể từ ngày tháng năm

Lý do tiếp tục kinh doanh:

Hộ kinh doanh cam kết về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Giấy đề nghị này.

CHỦ HỘ KINH DOANH(Ký và ghi họ tên)¹⁵¹⁵ Chủ hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

7. Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh

Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)

a) Trình tự thực hiện:

* Trường hợp đăng ký trực tiếp hoặc đăng ký qua dịch vụ bưu chính:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của hộ kinh doanh, hộ kinh doanh gửi hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở hoặc Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bất kỳ trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông tin về việc hộ kinh doanh đăng ký chấm dứt hoạt động cho Cơ quan thuế. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin, Cơ quan thuế gửi ý kiến về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động nếu không nhận được ý kiến của Cơ quan thuế hoặc nhận được ý kiến của Cơ quan thuế xác nhận hộ kinh doanh đã hoàn thành nghĩa vụ thuế, đồng thời đăng tải thông báo về việc chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp Cơ quan thuế có ý kiến từ chối do hộ kinh doanh chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế theo quy định thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo cho hộ kinh doanh biết.

* Trường hợp đăng ký qua mạng thông tin điện tử:

- Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để đăng nhập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

- Người nộp hồ sơ kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử và thanh toán lệ phí theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử.

- Các thông tin đăng ký hộ kinh doanh trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và Cơ quan thuế.

- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện cấp đăng ký hộ kinh doanh và thông báo cho hộ kinh doanh về việc cấp đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện cấp đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo qua mạng thông tin điện tử cho hộ kinh doanh để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;

- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Công Dịch vụ công quốc gia

- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần hồ sơ:

- Thông báo chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh.
- Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.
- Biên bản họp nhóm cá nhân tham gia hộ kinh doanh về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh đối với trường hợp hộ kinh doanh do nhóm cá nhân thành lập trước ngày Nghị định số 168/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

- Văn bản ủy quyền cho cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục (nếu có).

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn **05 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy xác nhận về việc hộ kinh doanh đăng ký tạm ngừng kinh doanh, Giấy xác nhận về việc hộ kinh doanh tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cập nhật tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh sang tình trạng tạm ngừng kinh doanh.

h) Lệ phí: Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Thông báo chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

(i) Trường hợp hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh từ 15 ngày trở lên hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký, hộ kinh doanh gửi hồ sơ đăng ký đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký.

(ii) Thời hạn tạm ngừng kinh doanh của mỗi lần đăng ký không được quá một năm.

(iii) Có hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh hợp lệ;

(iv) Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy;

- Các thông tin đăng ký hộ kinh doanh được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh;

- Có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ được kê khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

- Phải được ký số bởi chủ hộ kinh doanh hoặc người được chủ hộ kinh doanh ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 93 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại khoản 9 Điều 3 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

k) Căn cứ pháp lý:

Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính.

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025.

Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh.

TÊN HỘ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO**Về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh**

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hộ kinh doanh:

Hộ kinh doanh cam kết đã thanh toán đầy đủ các khoản nợ, gồm cả nợ thuế và nghĩa vụ tài chính khác/đã đạt được thỏa thuận với các chủ nợ về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính trước khi nộp hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh.

Hộ kinh doanh cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

CHỦ HỘ KINH DOANH/NGƯỜI THỪA KẾ(Ký và ghi họ tên)¹⁶

¹⁶ Chủ hộ kinh doanh hoặc người thừa kế/người quản lý tài sản của chủ hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh do chủ hộ kinh doanh là cá nhân thành lập chết thì người thừa kế ký trực tiếp vào phần này.

8. Đăng ký thành lập hợp tác xã

Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

a. Trình tự thực hiện:

* Trường hợp đăng ký trực tiếp:

- Trước khi hoạt động, người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đăng ký thành lập tại cơ quan đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở chính. Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kê khai đầy đủ, trung thực và chính xác các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hợp tác xã 2023 và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

* Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:

Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác thực hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử và thanh toán lệ phí theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ đăng ký trong tài khoản của người nộp hồ sơ trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Các thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện cấp đăng ký cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bằng bản giấy hoặc bản điện tử. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo trên môi trường điện tử cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Cổng Dịch vụ công quốc gia;
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:

Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

* Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:

+ Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong nghị quyết Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc ủy quyền lại để thực hiện thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

+ Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP, cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau: Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực; Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

+ Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

+ Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp hợp tác xã được chuyển đổi từ tổ hợp tác có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư:

- (1) Giấy đề nghị đăng ký thành lập;
- (2) Điều lệ;
- (3) Nghị quyết hội nghị thành lập;
- (4) Danh sách thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn;
- (5) Danh sách, số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật là người Việt Nam; danh sách, bản sao giấy tờ pháp lý của người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài;
- (6) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 của Luật Hợp tác xã 2023;

(7) Bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

- Trường hợp đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất:

(1) Giấy đề nghị đăng ký thành lập;

(2) Điều lệ;

(3) Danh sách thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn;

(4) Danh sách, số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật là người Việt Nam; danh sách, bản sao giấy tờ pháp lý của người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài;

(5) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 của Luật Hợp tác xã 2020;

(6) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tham gia thành lập bởi cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư;

(7) Nghị quyết chia hợp tác xã (trong trường hợp đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia); Nghị quyết tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tách); Hợp đồng hợp nhất, nghị quyết thông qua hợp đồng hợp nhất của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị hợp nhất (trong trường hợp đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hợp nhất).

- Trường hợp đăng ký thành lập hợp tác xã trên cơ sở chuyển đổi từ tổ hợp tác:

(1) Giấy đề nghị đăng ký thành lập;

(2) Điều lệ;

(3) Nghị quyết hội nghị thành lập;

(4) Danh sách thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn ;

(5) Danh sách, số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật là người Việt Nam; danh sách, bản sao giấy tờ pháp lý của người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn **03 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Hợp tác xã

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, Văn bản của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo lý do từ chối, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

h) Lệ phí: Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Giấy đề nghị đăng ký thành lập;

- Danh sách thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn;

- Danh sách, sổ định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật là người Việt Nam; danh sách, bản sao giấy tờ pháp lý của người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

* Trường hợp chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã: Trường hợp đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã, tổ hợp tác chấm dứt tồn tại kể từ thời điểm hợp tác xã chuyển đổi từ tổ hợp tác được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã. Hợp tác xã được chuyển đổi từ tổ hợp tác được giữ nguyên mã số của tổ hợp tác.

* Trường hợp chia hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể chia tài sản, quyền, nghĩa vụ, thành viên hiện có (sau đây gọi là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chia) để thành lập hai hoặc nhiều hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới. Thủ tục chia hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thực hiện như sau: a) Đại hội thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chia thông qua nghị quyết chia hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã 2023 và Điều lệ. Nghị quyết chia hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chia; tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới; nguyên tắc, cách thức và thủ tục chia quyền, tài sản bao gồm cả quỹ chung không chia, tài sản chung không chia; phương án sử dụng lao động; cách thức phân chia, thời hạn và thủ tục chuyển đổi vốn góp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chia sang hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới; nguyên tắc giải quyết nghĩa vụ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chia; thời hạn thực hiện chia hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Nghị quyết chia hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải được gửi đến tất cả chủ nợ, thông báo cho người lao động, Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua nghị quyết; Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chia chấm dứt tồn tại sau khi các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã. Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới phải cùng liên đới chịu trách nhiệm các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ khác của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chia hoặc thỏa thuận với chủ nợ, khách hàng và người lao động để một trong số các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đó thực hiện nghĩa vụ này. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp được phân chia theo nghị quyết chia hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Tài sản chung không chia, quỹ chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chia được chuyển thành tài sản chung không chia, quỹ chung không chia của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau khi chia theo phương án do Đại hội thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chia quyết định.

* Trường hợp tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Hợp tác xã có thể tách bằng cách chuyển một phần tài sản, quyền, nghĩa vụ, thành viên của mình (sau đây gọi là hợp tác xã bị tách) để thành lập một hoặc nhiều hợp tác xã được tách. Liên hiệp hợp tác xã có thể tách bằng cách chuyển một phần tài sản, quyền, nghĩa vụ, thành viên của mình (sau đây gọi là liên hiệp hợp tác xã bị tách) để thành lập một hoặc nhiều liên hiệp hợp tác xã được tách. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách không chấm dứt tồn tại.

- Thủ tục tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thực hiện như sau: Đại hội thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách thông qua nghị quyết tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã 2023 và Điều lệ. Nghị quyết tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách; tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tách; phương án sử dụng lao động; nguyên tắc, cách thức và thủ tục chuyển một phần tài sản, quyền, nghĩa vụ từ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách sang hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tách, bao gồm cả quỹ chung không chia, tài sản chung không chia; thời hạn thực hiện tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Nghị quyết tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải được gửi đến tất cả chủ nợ, thông báo cho người lao động, Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua nghị quyết;

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách và hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tách phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ khác của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, trừ trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tách, chủ nợ, khách hàng và người lao động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách có thỏa thuận khác. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tách đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp được phân chia theo nghị quyết tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Tài sản chung không chia, quỹ chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách được chuyển thành tài sản chung không chia, quỹ chung không chia của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau khi tách theo phương án do Đại hội thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách quyết định.

* Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hợp nhất:

- Hai hoặc nhiều hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể hợp nhất (sau đây gọi là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị hợp nhất) thành một hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới cùng loại hình (sau đây gọi là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hợp nhất), đồng thời chấm dứt tồn tại của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị hợp nhất.

- Thủ tục hợp nhất hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thực hiện như sau: Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị hợp nhất chuẩn bị dự thảo hợp đồng hợp nhất, dự thảo Điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hợp nhất. Hợp đồng hợp nhất phải bao gồm nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị hợp nhất; tên, địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hợp nhất; phương án sử dụng lao động; phương án xử lý các khoản nợ; thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi tài sản bao gồm cả quỹ chung không chia, tài sản chung không chia; thời hạn, thủ tục chuyển đổi vốn góp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị hợp nhất thành vốn góp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hợp nhất; thời hạn thực hiện hợp nhất; Đại hội thành viên của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị hợp nhất thông qua hợp đồng hợp nhất, Điều lệ, quyết định tổ chức quản trị, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên; Hợp đồng hợp nhất phải được gửi đến tất cả chủ nợ, thông báo cho người lao động, Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua;

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hợp nhất được hưởng quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ khác của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị hợp nhất. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hợp nhất đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị hợp nhất theo hợp đồng hợp nhất.

- Tài sản chung không chia, quỹ chung không chia của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị hợp nhất được chuyển thành tài sản chung không chia, quỹ chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hợp nhất.

* Khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

- Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, sổ định danh cá nhân của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp không có sổ định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải kèm theo bản sao CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

- Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

* Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt;

- Trường hợp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài;

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt được sử dụng để thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

* Người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;
 - Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;
 - Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ;

- Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử được xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hoặc người được người có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký, hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại điểm a khoản này.

- Thời hạn để hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong quá trình giải thể theo nghị quyết giải thể của Đại hội thành viên;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi:

+ Đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

+ Phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phục vụ việc giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

- Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

k) Căn cứ pháp lý:

Luật hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023.

Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ.

Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.

Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Kính gửi: *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)*

Tôi là *(ghi họ tên bằng chữ in hoa)*:

Sinh ngày:/ /.....

Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài *(đối với cá nhân là người nước ngoài)*:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại *(nếu có)*: Email *(nếu có)*:

**Đăng ký hợp tác xã do tôi là người được ủy quyền đăng ký thành lập
với các nội dung sau:**

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp và kê khai các mục 1.1, 1.2 nếu thành lập trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi từ tổ hợp tác)

Thành lập mới	☐
Thành lập trên cơ sở tách hợp tác xã	☐
Thành lập trên cơ sở chia hợp tác xã	☐
Thành lập trên cơ sở hợp nhất hợp tác xã	☐
Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ tổ hợp tác	☐

1.1. Thông tin về các hợp tác xã bị chia, bị tách, bị hợp nhất (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập hợp tác xã trên cơ sở chia, tách, hợp nhất hợp tác xã):

Thông tin về hợp tác xã bị chia/tách (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập hợp tác xã trên cơ sở chia/tách hợp tác xã)

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Thông tin về các hợp tác xã bị hợp nhất (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập hợp tác xã trên cơ sở hợp nhất hợp tác xã):

a) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hợp tác xã/mã số thuế:

b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

...

Đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất.

1.2. Thông tin của tổ hợp tác được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập hợp tác xã trên cơ sở chuyển đổi từ tổ hợp tác):

Tên tổ hợp tác:

Mã số tổ hợp tác/Mã số thuế:

Địa chỉ trụ sở:

2. Tên hợp tác xã:

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên hợp tác xã viết tắt (*nếu có*):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại:..... Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

- Hợp tác xã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo và xã, phường, thị trấn biên giới; xã, phường ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh¹: ☐ Có ☐ Không

4. Ngành, nghề kinh doanh²:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (nếu có) hay không? ☐ Có ☐ Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài, bằng số, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		

¹ Kê khai trong trường hợp có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài góp vốn, mua phần vốn góp vào hợp tác xã dẫn đến thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã.

² - Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;

- Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định.

Tổng cộng		
-----------	--	--

7. Người đại diện theo pháp luật: Gửi kèm (*kê khai theo Mẫu số 3 Phụ lục II*)

8. Số lượng thành viên:

Tổng số thành viên:..... , trong đó:

- Số thành viên chính thức:
- Số thành viên liên kết góp vốn:
- Số thành viên liên kết không góp vốn:

Danh sách thành viên gửi kèm theo Giấy đề nghị này (*kê khai theo Mẫu số 2 Phụ lục II*).

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
9.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (<i>nếu có</i>): Họ, chữ đệm và tên Giám đốc (Tổng giám đốc):..... Số định danh cá nhân: Điện thoại:.....
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>): Họ, chữ đệm và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:..... Số định danh cá nhân: Điện thoại:.....
9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: Tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Đặc khu: Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: Điện thoại (<i>nếu có</i>):..... Fax (<i>nếu có</i>):..... Email (<i>nếu có</i>):.....
9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ³ (<i>trường hợp hợp tác xã dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....
9.5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐
9.6	Năm tài chính:

³ Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

	Áp dụng từ ngày...../..... đến ngày...../..... ⁴ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
9.7	Tổng số lao động (dự kiến):
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: ☐ Có ☐ Không
9.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁵ : Khấu trừ ☐ Trực tiếp trên GTGT ☐ Trực tiếp trên doanh số ☐ Không phải nộp thuế GTGT ☐

Tôi xin cam kết:

- Trụ sở chính thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký trên;
- Là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã theo quy định của pháp luật và Điều lệ hợp tác xã.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN ĐĂNG KÝ
THÀNH LẬP HỢP TÁC XÃ**
(Ký và ghi họ tên)⁶

⁴ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.
 - Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁵ Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁶ Người được ủy quyền đăng ký thành lập ký trực tiếp vào phần này.

**c. DANH SÁCH THÀNH VIÊN CHÍNH THỨC, THÀNH VIÊN LIÊN
KẾT GÓP VỐN CỦA HỢP TÁC XÃ**

d. I. Thành viên là cá nhân, hộ gia đình

ST T	Tên thành viên ¹⁷	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân ¹⁸ hoặc Số, ngày, cơ quan cấp CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài)	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi thường trú	Nơi ở hiện tại	Vốn góp		Thời điểm hoàn thành góp vốn	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Thành viên chính thức												
II	Thành viên liên kết góp vốn												

¹⁷ Trường hợp thành viên là cá nhân thì ghi họ, chữ đệm và tên của thành viên đó. Trường hợp thành viên là hộ gia đình thì ghi "Hộ gia đình + họ, chữ đệm và tên người đại diện hộ gia đình" (VD: Hộ gia đình Nguyễn Văn A) và kê khai thông tin của người này tại các cột số 4, 5, 6, 7, 8, 9.

¹⁸ Nếu cột số 4 ghi Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 5, 6, 7, 8, 9.

f. II. Thành viên là pháp nhân Việt Nam, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân

g. 1. Thông tin thành viên

ST T	Tên thành viên	Số, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định thành lập hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức khác	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn góp		Thời điểm hoàn thành góp vốn	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Ghi chú
				Giá trị phần vốn góp (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Thành viên chính thức							
II	Thành viên liên kết góp vốn							

i. 2. Thông tin người đại diện hợp pháp của thành viên

ST T	Tên thành viên	Họ, chữ đệm và tên người đại diện	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân ¹⁹ <i>hoặc</i> Số, ngày, cơ quan cấp CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài)	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi thường trú	Nơi ở hiện tại	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Thành viên chính thức									
II	Thành viên liên kết góp vốn									

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN ĐĂNG KÝ
THÀNH LẬP HỢP TÁC XÃ
(Ký và ghi họ tên)²⁰

¹⁹ Nếu cột số 5 ghi Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 6, 7, 8, 9, 10.

²⁰ Người được ủy quyền đăng ký thành lập ký trực tiếp vào phần này.

DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA HỢP TÁC XÃ

ST T	Họ, chữ đệm và tên	Chức danh	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân ²¹ hoặc Số, ngày, cơ quan cấp CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với người đại diện là người nước ngoài)	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi thườn g trú	Nơi ở hiện tại	Địa chỉ liên lạc	Chữ ký
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP HỢP
TÁC XÃ**

(Ký và ghi họ tên)²²

²¹ Nếu cột số 5 ghi Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 6, 7, 8, 9, 10.

²² Người được ủy quyền đăng ký thành lập ký trực tiếp vào phần này.

9. Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã

Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

a) Trình tự thực hiện:

* Trường hợp đăng ký trực tiếp:

Bước 1: Nộp hồ sơ

- Khi thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi Thông báo về việc đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã tới Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh kèm theo 01 bộ hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp được ủy quyền thì phải thêm có giấy tờ sau:

(1) Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài);

(2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Nội dung Thông báo về việc đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã gồm có:

+ Tên liên hiệp hợp tác xã, địa chỉ trụ sở chính, số giấy chứng nhận đăng ký, ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã;

+ Tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh dự định thành lập; tên phải kèm theo chữ “chi nhánh” đối với đăng ký thành lập chi nhánh, chữ “văn phòng đại diện” đối với đăng ký thành lập văn phòng đại diện, chữ “địa điểm kinh doanh” đối với đăng ký thành lập địa điểm kinh doanh;

+ Họ tên, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, số hộ chiếu hoặc chứng thực hợp pháp khác của người đại diện theo pháp luật của liên hiệp hợp tác xã;

+ Địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

+ Ngành nghề kinh doanh của chi nhánh, địa điểm kinh doanh; nội dung hoạt động của văn phòng đại diện; + Họ tên, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, số hộ chiếu hoặc chứng thực hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ

- Hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận để nhập thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã khi:

+ Có đủ giấy tờ theo quy định;

+ Thông tin của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã đã được kê khai đầy đủ vào các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã theo quy định;

+ Có địa chỉ liên lạc của người nộp hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã;

+ Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ.

Bước 3: Xử lý hồ sơ

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh phải thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản cho người thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Phòng Đăng ký kinh doanh ghi toàn bộ yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong 01 Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký liên hiệp hợp tác xã

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, ngành, nghề, nội dung hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phù hợp với ngành, nghề hoạt động của liên hiệp hợp tác xã và phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan thì liên hiệp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, đồng thời cập nhật vào hồ sơ đăng ký liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp không cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã thì Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho liên hiệp hợp tác xã biết.

- Trường hợp lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài thì liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện theo quy định pháp luật của nước đó. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp giấy chứng nhận mở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, liên hiệp hợp tác xã phải thông báo bằng văn bản tới Phòng Đăng ký kinh doanh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã nơi liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính để bổ sung vào hồ sơ đăng ký liên hiệp hợp tác xã. Kèm theo thông báo là bản sao giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp. - Sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã được khắc dấu và có quyền sử dụng con dấu của mình.

* Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số công cộng (trong trường hợp được ứng dụng):

Bước 1: Nộp hồ sơ

- Người có thẩm quyền ký văn bản (người đại diện theo pháp luật của liên hiệp hợp tác xã hoặc người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) hoặc người đại diện theo ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

- Trường hợp người được cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã theo quy định ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã thì người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ

- Hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:

(1) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy;

(2) Các thông tin đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử;

(3) Hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng của một trong các chủ thể sau đây: (3a) Cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã theo quy định; (3b) Người được cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã theo quy định ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có giấy tờ sau:

(1) bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài);

(2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận

kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Thời hạn để liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của liên hiệp hợp tác xã, Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ hủy hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân có thẩm quyền đăng ký hoặc người được cá nhân có thẩm quyền ủy quyền sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử.

Bước 3: Xử lý hồ sơ

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho cá nhân có thẩm quyền ký hoặc người được cá nhân có thẩm quyền ủy quyền để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

- Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Liên hiệp hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Cổng Dịch vụ công quốc gia;
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần hồ sơ:

- * Trường hợp thông báo địa điểm kinh doanh:

- (1) Thông báo lập địa điểm kinh doanh.

- * Trường hợp đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện:

- (1) Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;

- (2) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc Đại hội thành viên (đối với tổ chức quản trị rút gọn) về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;

- (3) Bản sao hoặc bản chính quyết định của Hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc nghị quyết của Đại hội thành viên (đối với tổ chức quản trị rút gọn) về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện.

- * Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:

Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy

* Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:

+ Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong nghị quyết Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc ủy quyền lại để thực hiện thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

+ Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP, cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau: Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực; Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

+ Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

+ Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn **1,5 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

h) Lệ phí:

- Nộp trực tiếp:

- Nộp trực tuyến: 0 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Thông báo lập địa điểm kinh doanh

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, sổ định danh cá nhân của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp không có sổ định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải kèm theo bản sao CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

- Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

* Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt;

- Trường hợp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài;

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt được sử dụng để thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

* Người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;
- Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;
- Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ;

- Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử được xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hoặc người được người có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký, hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại điểm a khoản này.

- Thời hạn đề hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- + Đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong quá trình giải thể theo nghị quyết giải thể của Đại hội thành viên;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi:

+ Đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

+ Phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phục vụ việc giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

- Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

k) Căn cứ pháp lý:

Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012.

Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Hợp tác xã.

Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

Các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

**TÊN DOANH
NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

**Đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/
Thông báo lập địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

**Đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/
Thông báo lập địa điểm kinh doanh với các nội dung sau:**

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng
Việt (ghi bằng chữ in hoa):

.....

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước
ngoài (nếu có):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (nếu có):

.....

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn: ...

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:

Điện thoại (nếu có): Số fax (nếu có):

Thư điện tử (nếu có): Website (nếu có):

- Chi nhánh/Văn phòng đại diện/Địa điểm kinh doanh nằm trong (Doanh
nghiệp phải đánh dấu X vào ô vuông tương ứng với khu công nghệ cao nếu nộp
hồ sơ tới Ban quản lý khu công nghệ cao):

Khu công nghiệp ☐

Khu chế xuất ☐

Khu kinh tế ☐

Khu công nghệ cao ☐

3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (chỉ kê khai đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh)¹:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

b) Nội dung hoạt động (chỉ kê khai đối với văn phòng đại diện):

4. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ, chữ đệm và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....

Giới tính:

Số định danh cá nhân:

Địa chỉ liên lạc:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:...

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Dân tộc: Quốc tịch: Số Hộ chiếu (đối với cá nhân Việt Nam không có số định danh cá nhân)/Số Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài): Ngày cấp:/....../.... Nơi cấp: Nơi thường trú: Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:... Xã/Phường/Đặc khu: Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia:
--

5. Chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

6. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có): Họ, chữ đệm và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:..... Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....

	Giới tính: Số định danh cá nhân: Điện thoại:.....												
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh</i>): Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Đặc khu: Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương: Điện thoại (nếu có): Số fax (nếu có): Thư điện tử (nếu có):												
3	Ngày bắt đầu hoạt động ² (<i>trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....												
4	Hình thức hạch toán (<i>Đánh dấu X vào một trong hai ô “Hạch toán độc lập” hoặc “Hạch toán phụ thuộc”. Trường hợp chọn ô “Hạch toán độc lập” mà thuộc đối tượng phải lập và gửi báo cáo tài chính hợp nhất cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định thì chọn thêm ô “Có báo cáo tài chính hợp nhất”</i>): Hạch toán độc lập ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐ Có báo cáo tài chính hợp nhất ☐												
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ³ (<i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)												
6	Tổng số lao động (<i>dự kiến</i>):												
7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có ☐ Không ☐												
8	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>): <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 70%;">Khấu trừ</td><td style="width: 10%; text-align: center;">☐</td><td style="width: 20%;"></td></tr> <tr> <td>Trực tiếp trên GTGT</td><td style="text-align: center;">☐</td><td></td></tr> <tr> <td>Trực tiếp trên doanh số</td><td style="text-align: center;">☐</td><td></td></tr> <tr> <td>Không phải nộp thuế GTGT</td><td style="text-align: center;">☐</td><td></td></tr> </table>	Khấu trừ	☐		Trực tiếp trên GTGT	☐		Trực tiếp trên doanh số	☐		Không phải nộp thuế GTGT	☐	
Khấu trừ	☐												
Trực tiếp trên GTGT	☐												
Trực tiếp trên doanh số	☐												
Không phải nộp thuế GTGT	☐												

7. Thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội (chỉ kê khai đối với chi nhánh/văn phòng đại diện):

Phương thức đóng bảo hiểm xã hội (chọn 1 trong 3 phương thức):

☐ Hàng tháng ☐ 03 tháng một lần ☐ 06 tháng một lần

Lưu ý:

- Chi nhánh/văn phòng đại diện của doanh nghiệp đăng ký ngành, nghề kinh doanh chính là nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp và trả lương theo sản phẩm, theo khoán: có thể lựa chọn 1 trong 3 phương thức đóng bảo hiểm xã hội: hàng tháng, 03 tháng một lần, 06 tháng một lần.

- Chi nhánh/văn phòng đại diện của doanh nghiệp đăng ký ngành, nghề kinh doanh chính khác: đánh dấu vào phương thức đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng.

8. Chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài/Chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam:

☐ Đánh dấu X nếu là chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài/chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam và kê khai thêm các thông tin sau đây:

Giấy phép thành lập và hoạt động số: ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày: / / (nếu có)

Doanh nghiệp cam kết:

- Trụ sở chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

Người ký tại Giấy đề nghị này cam kết là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP/
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CHI NHÁNH**

(Ký và ghi họ tên)⁴

10. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã

Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

a) Trình tự thực hiện:

Khi có thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã (liên hiệp HTX) phải gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến Cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan đăng ký hợp tác xã phải thông báo bằng văn bản cho hợp tác xã biết để sửa đổi, bổ sung.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính.

Hoặc nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần hồ sơ:

Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (theo mẫu).

Nghị quyết hoặc quyết định của Đại hội thành viên hoặc Hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký.

Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Các giấy tờ, tài liệu chứng minh nội dung thay đổi, tùy theo từng trường hợp cụ thể, gồm:

- + Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính;
- + Thay đổi vốn điều lệ;
- + Thay đổi ngành, nghề, lĩnh vực hoạt động;
- + Thay đổi thành viên hợp tác xã;
- + Thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc các nội dung khác theo quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (được cấp lại).

Thông báo về việc cập nhật thay đổi nội dung đăng ký (trường hợp thay đổi không làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận).

h) Lệ phí: Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (nếu có).

i) Căn cứ pháp lý:

Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012.

Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Hợp tác xã.

Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

Các văn bản pháp luật có liên quan

TÊN HỢP TÁC XÃ**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số:.....

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày Tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/
văn phòng đại diện của hợp tác xã**Kính gửi: *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)*Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)* :

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn
phòng đại diện sau:**Tên chi nhánh/văn phòng đại diện *(ghi bằng chữ in hoa)*:Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn
phòng đại diện:

.....

Nội dung đăng ký thay đổi:

.....
.....
.....

Hợp tác xã cam kết:

- Thông tin kê khai trong Giấy đề nghị này là hợp pháp, chính xác, trung
thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Giấy đề
nghị này;- Người ký tại Giấy đề nghị này là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện
thủ tục đăng ký hợp tác xã theo quy định của pháp luật và Điều lệ hợp tác xã.**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA HỢP TÁC XÃ***(Ký, ghi họ tên)¹*

11. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nộp hồ sơ

- Khi thay đổi một hoặc một số nội dung về tên, địa chỉ, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, nội dung hoạt động, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã thì liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký đến Phòng Đăng ký kinh doanh, nơi đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh để được cấp giấy chứng nhận đăng ký mới.

- Trường hợp thay đổi địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã sang huyện hoặc tỉnh, thành phố khác với nơi liên hiệp hợp tác xã đã đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thì liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký thay đổi tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi liên hiệp hợp tác xã dự định đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh mới. Sau khi cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh mới cho liên hiệp hợp tác xã, Phòng Đăng ký kinh doanh nơi liên hiệp hợp tác xã đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh mới phải gửi bản sao giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã cấp mới cho liên hiệp hợp tác xã đến Phòng Đăng ký kinh doanh trước đây liên hiệp hợp tác xã đã đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

- Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã ở nước ngoài thì liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện theo quy định pháp luật của nước đó.

Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ

- Hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận để nhập thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã khi:

+ Có đủ giấy tờ theo quy định;

+ Thông tin của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã đã được kê khai đầy đủ vào các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã theo quy định;

+ Có địa chỉ liên lạc của người nộp hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã;

+ Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ.

Bước 3: Xử lý hồ sơ

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, cấp giấy chứng nhận đăng ký mới cho chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã.

- Liên hiệp hợp tác xã phải nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cũ khi được cấp giấy đăng ký mới.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp;
- Qua mạng điện tử trong trường hợp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã được phát triển..

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã

Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã;

Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đối với trường hợp thay đổi người đại diện. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã có chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phòng Đăng ký kinh doanh

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh.

h) Phí, lệ phí: Theo mức thu do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố quy định (nếu có).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (ban hành kèm theo Thông tư số 68/2025/TT-BTC).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không có

l) Căn cứ pháp lý:

Luật Hợp tác xã năm 2012;

Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp và hợp tác xã;

Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã;

Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp và Luật Hợp tác xã.

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

**Về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh,
văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã²³ (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (*trường hợp không có mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

²³ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Nội dung đăng ký thay đổi:

.....

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 CỦA HỢP TÁC XÃ/
 NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH**
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)²⁴

²⁴

- Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.
 - Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

12. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)

a) Trình tự thực hiện:

Trường hợp hợp tác xã có nhu cầu được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh do bị do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi văn bản đề nghị cấp lại đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi đặt trụ sở.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho người thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ghi toàn bộ yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký đối với mỗi một bộ hồ sơ do hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp trong một thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Trục tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Cổng Dịch vụ công quốc gia.
- Nộp qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- * Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:
 - Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

* Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:

- Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong nghị quyết Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc ủy quyền lại để thực hiện thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

- Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP, cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau: Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực; Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức

làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã;

Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban Nhân dân cấp xã.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) được cấp lại.

h) Phí, lệ phí: Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (nếu có).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (mẫu tại Phụ lục ban hành kèm Thông tư 68/2025/TT-BTC).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

* kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

- Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, sổ định danh cá nhân của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp không có sổ định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn

phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải kèm theo bản sao CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

- Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

* Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt;

- Trường hợp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài;

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt được sử dụng để thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

* Người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính.

Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

- Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

- Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ;

- Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử được xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hoặc người được người có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký, hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại điểm a khoản này.

- Thời hạn để hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong quá trình giải thể theo nghị quyết giải thể của Đại hội thành viên;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi:

+ Đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

+ Phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phục vụ việc giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

- Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến

chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật Hợp tác xã năm 2012;

Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã;

Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp và Luật Hợp tác xã số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025.

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ**Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã**Kính gửi: *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)*Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

Lý do đề nghị cấp lại:

Hợp tác xã cam kết:

- Thông tin kê khai trong Giấy đề nghị này là hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Giấy đề nghị này;

- Người ký tại Giấy đề nghị này là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã theo quy định của pháp luật và Điều lệ hợp tác xã.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

13. Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

a) Trình tự thực hiện:

*** Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp:**

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được nghị quyết giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do người đại diện theo pháp luật gửi đến theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Hợp tác xã 2023, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện như sau:

+ Đăng tải nghị quyết giải thể đồng thời thông báo tình trạng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang làm thủ tục giải thể, tình trạng chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

+ Chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sang tình trạng đang làm thủ tục giải thể, chuyển tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã;

+ Gửi thông tin về việc giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, thông tin về việc đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cho cơ quan thuế.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ và hoàn thành nghĩa vụ về thuế, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ đăng ký giải thể đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính.

- Trước khi nộp hồ sơ đăng ký giải thể, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký giải thể, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký giải thể, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đã giải thể nếu không nhận được ý kiến phản đối của cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Sau thời hạn 06 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được nghị quyết giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mà không nhận được hồ sơ đăng ký giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và ý kiến phản đối bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân và bên có liên quan khác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đã giải thể, đã

chấm dứt hoạt động đồng thời ra thông báo hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chấm dứt hoạt động trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên.

*** Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:**

- Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

- Người nộp hồ sơ kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác thực hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử và thanh toán lệ phí theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ đăng ký trong tài khoản của người nộp hồ sơ trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

- Các thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện cấp đăng ký cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bằng bản giấy hoặc bản điện tử. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo trên môi trường điện tử cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã;
- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã hoặc Công Dịch vụ công quốc gia;
- Nộp qua dịch vụ bưu chính.

c) Thời hạn giải quyết:

- 03 ngày làm việc đối với thông báo nghị quyết giải thể;
- 05 ngày làm việc đối với hồ sơ đăng ký giải thể;
- 03 ngày làm việc để ra thông báo sau 06 tháng kể từ ngày nhận nghị quyết giải thể (nếu không có hồ sơ đăng ký).

d) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ bao gồm:

- Thông báo về việc giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mẫu II-9/TB).
- Báo cáo về việc xử lý tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể.

- Quyết định về việc thu hồi quỹ chung không chia, tài sản chung không chia của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quỹ chung không chia, tài sản chung không chia có nguồn hỗ trợ toàn bộ từ Nhà nước.

- Báo cáo kết quả chuyển nhượng, thanh lý tài sản của hội đồng thanh lý tài sản chung không chia trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quỹ chung không chia, tài sản chung không chia có nguồn hỗ trợ một phần của Nhà nước.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

đ) Đối tượng thực hiện: Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã.

e) Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã.

g) Kết quả thực hiện thủ tục:

+ Đăng tải nghị quyết giải thể đồng thời thông báo tình trạng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang làm thủ tục giải thể, tình trạng chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

+ Chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sang tình trạng đang làm thủ tục giải thể, chuyển tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã;

+ Gửi thông tin về việc giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, thông tin về việc đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cho Cơ quan thuế.

Chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đã giải thể, đồng thời ra thông báo về việc giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

h) Phí, lệ phí: Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (nếu có).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Thông báo về việc giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mẫu II-9/TB).

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

* Kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

- Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, sổ định danh cá nhân của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp không có số định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải kèm theo bản sao CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định. - Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

* Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt;

- Trường hợp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài;

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt được sử dụng để thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

* Người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

- Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

- Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ

ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ;

- Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử được xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hoặc người được người có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký, hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại điểm a khoản này.

- Thời hạn để hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; - Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- + Đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

- + Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong quá trình giải thể theo nghị quyết giải thể của Đại hội thành viên;

- + Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi:

- + Đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

- + Phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phục vụ việc giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

- Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

k) Căn cứ pháp lý:

Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023;

Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

1. Nghị định số **125/2025/NĐ-CP** ngày 11/6/2025 của Chính phủ;
2. Thông tư số **43/2025/TT-BTC** ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính.

Mẫu II-9

TÊN HỢP TÁC XÃ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO**Về việc giải thể hợp tác xã**

Kính gửi: *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)*

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Hợp tác xã nộp hồ sơ đăng ký giải thể và bảo đảm: Đã hoàn thành thủ tục chấm dứt hoạt động tất cả các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã; Đã thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác; Không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài trước khi nộp hồ sơ đăng ký giải thể hợp tác xã.

Lý do giải thể:

Hợp tác xã cam kết:

- Thông tin kê khai trong Thông báo này là hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này;

- Người ký tại Thông báo này là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã theo quy định của pháp luật và Điều lệ hợp tác xã.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA HỢP TÁC XÃ

(Ký và ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

14. Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài

a) Trình tự thực hiện:

Trường hợp đăng ký trực tiếp:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cập nhật thông tin về chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã trong thời hạn **03 ngày làm việc** kể từ ngày nhận hồ sơ thông báo.

Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:

Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã, kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác thực và thanh toán lệ phí theo quy trình.

Sau khi gửi hồ sơ, người nộp sẽ nhận được giấy biên nhận điện tử trên tài khoản.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo điện tử yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã;
- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia;
- Nộp qua dịch vụ bưu chính.

c) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn **03 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

d) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ gồm:

- Thông báo về việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Cập nhật thông tin về chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

h) Phí, lệ phí: Theo mức lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định (nếu có).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

* Kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

- Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, sổ định danh cá nhân của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin

cá nhân trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp không có sổ định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải kèm theo bản sao CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

- Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

- * Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt;

- Trường hợp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài;

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt được sử dụng để thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- * Người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

- Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

- Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ;

- Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử được xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hoặc người được người có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký, hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại điểm a khoản này.

- Thời hạn để hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- + Đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

- + Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong quá trình giải thể theo nghị quyết giải thể của Đại hội thành viên;

- + Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi:

- + Đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

- + Phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phục vụ việc giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định. Trong trường hợp này, hồ

sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

- Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

j) Căn cứ pháp lý:

Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023;

Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

TÊN HỢP TÁC XÃ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO**Về việc thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện
của hợp tác xã ở nước ngoài**Kính gửi: *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)*Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Thông báo về việc lập chi nhánh/văn phòng đại diện ở nước ngoài như sau:**1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện** *(ghi bằng chữ in hoa)*:.....Tên chi nhánh/văn phòng đại diện viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*:Tên chi nhánh/văn phòng đại diện viết tắt *(nếu có)*:**2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện:**

.....

Điện thoại *(nếu có)*: Fax *(nếu có)*:Email *(nếu có)*: Website *(nếu có)*:**3. Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện hoặc giấy
tờ tương đương khác:**.....Do *(tên cơ quan nước ngoài cấp)*:..... cấp ngày:...../...../.....**4. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:**a) Ngành, nghề kinh doanh *(đối với chi nhánh)*:b) Nội dung hoạt động *(đối với văn phòng đại diện)*:**5. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện:**Họ, chữ đệm và tên *(ghi họ tên bằng chữ in hoa)*:

Sinh ngày:/...../.....

Số định danh cá nhân:

15. Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo

a) Trình tự thực hiện:

* Trường hợp đăng ký trực tiếp:

- Cá nhân, tổ chức gửi văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khi có căn cứ xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo.

Người đề nghị thu hồi có trách nhiệm cung cấp một trong các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 23, khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 53, khoản 2 Điều 55 và khoản 2 Điều 64 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP, cụ thể:

* Trường hợp cần xác định nội dung kê khai là giả mạo:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền để xác minh. Các cơ quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

* Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ xác minh.

* Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi là giả mạo:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký của lần đăng ký thay đổi và đăng tải thông báo vi phạm trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đồng thời cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp lệ liên kế trước.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại UBND cấp xã;
- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia;
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

d) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* **Hồ sơ gồm:**

1. Văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện;
2. Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác nhận giấy tờ bị giả mạo;

3. Bản sao văn bản trả lời của cơ quan công an về việc hồ sơ đăng ký là giả mạo (nếu có).

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

đ) Đối tượng thực hiện: Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp, tổ chức; Hợp tác xã.

e) Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ hợp tác, hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện đặt trụ sở.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Thông báo về hành vi vi phạm;
- Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện;
- Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp lệ liền kề trước (nếu có);
- Đăng tải thông báo vi phạm trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

h) Phí, lệ phí:

- Mức lệ phí (nếu có) theo quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố;
- Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.

i) Mẫu đơn, tờ khai:

Không có mẫu riêng – sử dụng văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký theo quy định.

k) Căn cứ pháp lý:

1. Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023;
2. Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
3. Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

* Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt;
- Trường hợp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài;
- Trường hợp giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt

được sử dụng để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

* Người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

- Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

- Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ;

- Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử được xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hoặc người được người có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký, hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại điểm a khoản này.

- Thời hạn để tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

16. Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã

a) Trình tự thực hiện:

*** Trường hợp đăng ký trực tiếp:**

Bước 1: Nộp hồ sơ

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã thì liên hiệp hợp tác xã phải thông báo bằng văn bản đến Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư, nơi liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính.

Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ

- Người đến làm thủ tục nộp bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực.

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có thêm giấy tờ sau:

(1) Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài);

(2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Phòng Đăng ký kinh doanh giao giấy biên nhận khi nhận thông báo và bổ sung vào hồ sơ đăng ký của liên hiệp hợp tác xã.

*** Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số công cộng (trong trường hợp được ứng dụng):**

Bước 1: Nộp hồ sơ

- Người có thẩm quyền hoặc người đại diện theo ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

- Trường hợp người được cá nhân có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã thì người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ

- Hồ sơ thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:

(1) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy;

(2) Các thông tin được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử;

(3) Hồ sơ thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng của một trong các chủ thể sau đây:

(3a) Cá nhân có thẩm quyền ký văn bản thông báo theo quy định;

(3b) Người được cá nhân có thẩm quyền ký văn bản thông báo theo quy định ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có giấy tờ sau:

(1) bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài);

(2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử, cá nhân có thẩm quyền hoặc người được cá nhân có thẩm quyền ký ủy quyền sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ qua mạng điện tử. Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện bổ sung vào hồ sơ đăng ký của liên hiệp hợp tác xã

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh;
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

d) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Hồ sơ gồm:**

- Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử: Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

- Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục, hồ sơ phải kèm theo một trong các giấy tờ sau:

+ Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong nghị quyết Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc ủy quyền lại để thực hiện thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự;

+ Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP, cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau: Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực; Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

+ Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký;

+ Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

đ) Đối tượng thực hiện: Công dân Việt Nam.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã

h) Phí, lệ phí: Theo mức lệ phí (nếu có) do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định.

i) Mẫu đơn, tờ khai:

Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp.

k) Căn cứ pháp lý:

- Thông tư số 250/2016/TT-BTC Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Luật số Hợp tác xã số 23/2012/QH13;

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT Hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

* Kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

- Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp không có số định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải kèm theo bản sao CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

- Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

* Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt;

- Trường hợp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài;

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt được sử dụng để thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

* Người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

- Có số điện thoại của người nộp hồ sơ; - Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ;

- Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử được xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hoặc người được người có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký, hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại điểm a khoản này.

- Thời hạn để hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong quá trình giải thể theo nghị quyết giải thể của Đại hội thành viên;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi:

+ Đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

+ Phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phục vụ việc giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

- Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

TÊN HỢP TÁC XÃ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO**Về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã**Kính gửi: *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)*Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã như sau (liệt kê các doanh nghiệp của hợp tác xã):**1. Doanh nghiệp ... (tên doanh nghiệp)**

Mã số doanh nghiệp:

Vốn điều lệ:

2. Doanh nghiệp ... (tên doanh nghiệp)

Mã số doanh nghiệp:

Vốn điều lệ:

Hợp tác xã cam kết:

- Việc thành lập doanh nghiệp hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật.
- Thông tin kê khai trong Thông báo này là hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này;
- Người ký tại Thông báo này là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã theo quy định của pháp luật và Điều lệ hợp tác xã.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

16. Thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

a) Trình tự thực hiện:

* Trường hợp đăng ký trực tiếp:

Bước 1: Nộp hồ sơ

- Khi tạm ngừng hoạt động liên hiệp hợp tác xã, tạm ngừng hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi thông báo bằng văn bản đến Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư, nơi đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cho liên hiệp hợp tác xã ít nhất 15 ngày trước khi tạm ngừng hoạt động.

Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ

- Người đến làm thủ tục nộp bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực.

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có thêm giấy tờ sau:

(1) Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài);

(2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Phòng Đăng ký kinh doanh giao giấy biên nhận khi nhận thông báo và lưu vào hồ sơ đăng ký của liên hiệp hợp tác xã để theo dõi.

- Sau khi hết thời hạn đã thông báo, nếu vẫn tiếp tục tạm ngừng hoạt động thì liên hiệp hợp tác xã phải thông báo tiếp cho Phòng Đăng ký kinh doanh nhưng tổng thời gian tạm ngừng hoạt động liên tiếp không được quá 01 năm.

* Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số công cộng (trong trường hợp được ứng dụng):

Bước 1: Nộp hồ sơ

- Người có thẩm quyền hoặc người đại diện theo ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của

liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

- Trường hợp người được cá nhân có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã thì người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ

- Hồ sơ thông báo về việc tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:

(1) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy;

(2) Các thông tin được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử;

(3) Hồ sơ thông báo về việc tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng của một trong các chủ thể sau đây:

(3a) Cá nhân có thẩm quyền ký văn bản thông báo theo quy định;

(3b) Người được cá nhân có thẩm quyền ký văn bản thông báo theo quy định ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có giấy tờ sau:

(1) bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài);

(2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp

hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ thông báo về việc tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử, cá nhân có thẩm quyền hoặc người được cá nhân có thẩm quyền ký ủy quyền sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ qua mạng điện tử. Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện lưu vào hồ sơ đăng ký của liên hiệp hợp tác xã để theo dõi.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Qua mạng điện tử trong trường hợp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

c) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

d) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Hồ sơ gồm:**

- Trường hợp thông báo tạm ngừng kinh doanh:

- (1) Thông báo tạm ngừng kinh doanh.
- (2) Biên bản họp Đại hội thành viên (bản sao hoặc bản chính).
- (3) Nghị quyết của Đại hội thành viên (bản sao hoặc bản chính).

- Trường hợp thông báo tiếp tục kinh doanh trở lại:

- (1) Thông báo tiếp tục kinh doanh trở lại (theo **Mẫu số II.8**).

- Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:

(1) Văn bản ủy quyền hợp pháp hoặc hợp đồng dịch vụ, giấy giới thiệu của tổ chức được ủy quyền.

- (2) Bản sao giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền.

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

đ) Đối tượng thực hiện: Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy xác nhận về việc tạm ngừng/tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

- Cập nhật tình trạng pháp lý của HTX, liên hiệp HTX trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

h) Phí, lệ phí: Mức thu do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định, căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

i) Mẫu đơn, tờ khai:

Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012.
- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013.
- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014; Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019.
- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP quy định về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

* kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, sổ định danh cá nhân của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp không có sổ định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải kèm theo bản sao CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

- Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

* Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt;

- Trường hợp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài;

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt được sử dụng để thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

* Người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

- Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

- Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ;

- Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử được xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hoặc người được người có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký, hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại điểm a khoản này.

- Thời hạn để hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp

xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong quá trình giải thể theo nghị quyết giải thể của Đại hội thành viên;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi:

+ Đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

+ Phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phục vụ việc giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

- Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

TÊN HỢP TÁC XÃ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO**Về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trở lại của hợp tác xã**Kính gửi: *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)*Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trở lại như sau:**1. Trường hợp tạm ngừng kinh doanh thì ghi:**

Thời gian tạm ngừng kinh doanh: kể từ ngày .../ .../ ... đến hết ngày .../ .../

Lý do tạm ngừng kinh doanh:

2. Trường hợp tiếp tục kinh doanh trở lại thì ghi:

Thời gian tiếp tục kinh doanh: kể từ ngày tháng năm

Lý do tiếp tục kinh doanh:

Hợp tác xã cam kết:

- Thông tin kê khai trong Thông báo này là hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Giấy đề nghị này;

- Người ký tại Thông báo này là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã theo quy định của pháp luật và Điều lệ hợp tác xã.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ*(Ký, ghi họ tên)¹*

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

18. Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã

a) Trình tự thực hiện:

*** Trường hợp đăng ký trực tiếp:**

Bước 1: Nộp hồ sơ

- Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở trong nước, hợp tác xã gửi 01 bộ hồ sơ thông báo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh.

- Kế hoạch, nơi đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cho hợp tác xã.

- Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài thì hợp tác xã phải thực hiện theo quy định pháp luật của nước đó. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hợp tác xã phải thông báo bằng văn bản cho Phòng Tài chính.

- Kế hoạch đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính để bổ sung vào hồ sơ đăng ký hợp tác xã. Kèm theo thông báo là bản sao giấy xác nhận về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp.

Bước 2: Xử lý hồ sơ

- Trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đặt tại huyện hoặc tỉnh, thành phố khác với nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy xác nhận về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hợp tác xã phải thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính để bổ sung vào hồ sơ đăng ký hợp tác xã. Kèm theo thông báo là bản sao giấy xác nhận về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

*** Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số công cộng (trong trường hợp được ứng dụng):**

Bước 1: Nộp hồ sơ

- Người có thẩm quyền hoặc người đại diện theo ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

- Trường hợp người được cá nhân có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã thì người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ

- Hồ sơ thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã qua mạng điện tử hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:

(1) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy;

(2) Các thông tin được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử;

(3) Hồ sơ thông báo về việc chấm dứt hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng của một trong các chủ thể sau đây:

(3a) Cá nhân có thẩm quyền ký văn bản thông báo theo quy định;

(3b) Người được cá nhân có thẩm quyền ký văn bản thông báo theo quy định ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có giấy tờ sau:

(1) bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài);

(2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã qua mạng điện tử, cá nhân có thẩm quyền hoặc người được cá nhân có thẩm quyền ký ủy quyền sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ qua mạng điện tử. Cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện xác nhận về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

c) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

d) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Hồ sơ gồm:**

(1) Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

(2) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc Đại hội thành viên (đối với tổ chức quản trị rút gọn) về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện;

(3) Bản sao hoặc bản chính quyết định của Hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc nghị quyết của Đại hội thành viên (đối với tổ chức quản trị rút gọn) về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

đ) Đối tượng thực hiện: Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

- Cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu đăng ký hợp tác xã.

h) Phí, lệ phí: Theo mức lệ phí (nếu có) do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định.

i) Mẫu đơn, tờ khai:

Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012.

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ.

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

* Trước khi thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện phải đăng ký với cơ quan thuế để hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

* kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, sổ định danh cá nhân của mình và của cá nhân có yêu cầu kê

khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp không có sổ định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải kèm theo bản sao CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

- Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

- * Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt;

- Trường hợp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài;

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt được sử dụng để thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- * Người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

- Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

- Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ;

- Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử được xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hoặc người được người có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký, hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại điểm a khoản này.

- Thời hạn đề hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong quá trình giải thể theo nghị quyết giải thể của Đại hội thành viên;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi:

+ Đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

+ Phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phục vụ việc giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

- Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

TÊN HỢP TÁC XÃ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO**Về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/
địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**Kính gửi: *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)*Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

**Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm
kinh doanh của hợp tác xã sau:****1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh** *(ghi bằng chữ
in hoa)*:.....Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế
của chi nhánh/văn phòng đại diện:**2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:**

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại *(nếu có)*: Fax *(nếu có)*:Email *(nếu có)*: Website *(nếu có)*:**3. Chi nhánh chủ quản** *(chỉ kê khai đối với trường hợp chấm dứt hoạt động
của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh)*:

Tên chi nhánh:.....

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

4. Lý do chấm dứt hoạt động:

.....

Hợp tác xã/Chi nhánh cam kết:

- Thông tin kê khai trong Thông báo này là hợp pháp, chính xác, trung thực
và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này;

- Người ký tại Thông báo này là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã theo quy định của pháp luật và Điều lệ hợp tác xã.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CHI NHÁNH**
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ - Trường hợp chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.
- Trường hợp chấm dứt hoạt động đối với địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoặc người đứng đầu chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

19. Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp

a) Trình tự thực hiện:

*** Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:**

- Các thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện và cơ quan thuế.

- Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử truy cập Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để kê khai, tải hồ sơ điện tử, ký xác thực và thanh toán lệ phí.

- Sau khi hoàn tất, người nộp hồ sơ nhận được giấy biên nhận điện tử trên tài khoản.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện xem xét hồ sơ và cấp đăng ký (bản giấy hoặc điện tử) nếu hợp lệ; nếu chưa hợp lệ, gửi thông báo điện tử yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

*** Trường hợp đăng ký trực tiếp:**

- Chủ thể quyền sở hữu công nghiệp gửi văn bản đề nghị đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện để yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp phải thay đổi tên.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra Thông báo yêu cầu thay đổi tên, kèm theo giấy tờ pháp lý liên quan.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

- Nộp qua dịch vụ bưu chính.

c) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

d) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:**

- Hồ sơ gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định 92/2024/NĐ-CP, thể hiện dưới dạng văn bản điện tử, có giá trị pháp lý như bản giấy.

- Số lượng: 01 bộ (bản chính điện tử).

*** Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:**

- Văn bản ủy quyền (không bắt buộc công chứng, chứng thực) hoặc hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ đăng ký.

- Giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ (nếu tổ chức làm dịch vụ).

- Trường hợp ủy quyền qua bưu chính công ích: có phiếu gửi hồ sơ do nhân viên bưu chính ký xác nhận.

- Số lượng: 01 bộ bản chính.

* Trường hợp có căn cứ về hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp:

- Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, hoặc trích lục Sổ đăng ký quốc gia về nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý được bảo hộ.

- Văn bản đề nghị gửi cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã/huyện yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tên xâm phạm phải thay đổi tên.

- Văn bản kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc sử dụng tên là hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

đ) Đối tượng thực hiện: Công dân Việt Nam, doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Thông báo yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp phải đăng ký thay đổi tên.

h) Phí, lệ phí:

Theo mức thu do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC).

- + Không thu lệ phí đối với tổ hợp tác (khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023).

- + Lệ phí không hoàn trả trong mọi trường hợp không được cấp đăng ký.

i) Mẫu đơn, tờ khai:

Không có

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật Hợp tác xã số 17/2013/QH15 ngày 20/6/2023.

- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

* Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt;

- Trường hợp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài;

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt

được sử dụng để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

* Người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

- Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

- Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ;

- Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử được xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hoặc người được người có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký, hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại điểm a khoản này.

- Thời hạn để tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

20. Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023

a) Trình tự thực hiện:

*** Trường hợp đăng ký trực tiếp:**

- Trường hợp đăng ký thành lập tổ hợp tác sau ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng hợp tác, người đại diện tổ hợp tác thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh hoặc có nhu cầu đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã nộp hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi tổ hợp tác đặt trụ sở.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trao giấy biên nhận, kiểm tra điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác quy định tại khoản 1 Điều 59 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác và gửi thông báo về cơ quan thuế quản lý cho tổ hợp tác trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

Tổ hợp tác thành lập sau khi Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành và đã thực hiện thủ tục thông báo đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn theo quy định tại Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về tổ hợp tác thay đổi nội dung hoạt động dẫn đến thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh hoặc có nhu cầu đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã thì thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi tổ hợp tác đặt trụ sở. Hồ sơ đăng ký bao gồm các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP và bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Trình tự, thủ tục đăng ký thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.

- Trường hợp tổ hợp tác đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành mà thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023:

Tổ hợp tác đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành mà thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã thì phải thực hiện thủ tục đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi tổ hợp tác đặt trụ sở. Hồ sơ đăng ký bao gồm giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác và bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Trường hợp tổ hợp tác có thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác đã thông báo tới Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, tổ hợp tác có thể đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác đồng thời với đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong một bộ hồ sơ để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác theo quy định tại Nghị định số 92/2024/NĐ-CP. Trình tự, thủ tục đăng ký thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP, cụ thể: Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác, cơ quan đăng ký kinh doanh

cấp xã trao giấy biên nhận, kiểm tra điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác quy định tại khoản 1 Điều 59 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác và gửi thông báo về cơ quan thuế quản lý cho tổ hợp tác trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

*** * Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:**

Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác thực hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử và thanh toán lệ phí theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ đăng ký trong tài khoản của người nộp hồ sơ trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Các thông tin đăng ký tổ hợp tác trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp đăng ký tổ hợp tác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện cấp đăng ký cho tổ hợp tác bằng bản giấy hoặc bản điện tử. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên tổ hợp tác yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo trên môi trường điện tử cho tổ hợp tác để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Cổng Dịch vụ công quốc gia.
- Nộp qua dịch vụ bưu chính.

c) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

d) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Trường hợp đăng ký thành lập tổ hợp tác sau ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành:

- Giấy đề nghị đăng ký thành lập tổ hợp tác (Mẫu số 13, Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT);
- Hợp đồng hợp tác;
- Danh sách thành viên tổ hợp tác (Mẫu số 14, Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).
- Bản sao hoặc bản chính văn bản ủy quyền của thành viên tổ hợp tác cho người đại diện;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế (nếu có).

* Trường hợp tổ hợp tác đã thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế;
- Các giấy tờ tương ứng nếu có thay đổi nội dung đăng ký đã thông báo với UBND cấp xã.

* Trường hợp nộp hồ sơ điện tử:

Các giấy tờ trên được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử, có giá trị pháp lý tương đương bản giấy.

* Số lượng: 01 bộ

đ) Đối tượng thực hiện: Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã).

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác

h) Phí, lệ phí: Không thu lệ phí (theo khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023)

i) Mẫu đơn, tờ khai:

Giấy đề nghị đăng ký thành lập tổ hợp tác, Danh sách thành viên tổ hợp tác.

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật Hợp tác xã số 17/2013/QH15 ngày 20/6/2023.

- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

* Tổ hợp tác được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Ngành, nghề đăng ký kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh;
- Tên của tổ hợp tác được đặt theo đúng quy định;
- Có hồ sơ đăng ký tổ hợp tác hợp lệ.

* Tổ hợp tác có quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Trường hợp tổ hợp tác đăng ký ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh sau ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác thì tổ hợp tác được quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày đã đăng ký, trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

* kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác

- Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà

nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.

- Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.

- Trường hợp không có số định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân phải kèm theo bản sao Sổ định danh cá nhân (căn cước công dân/thẻ căn cước/CMND) hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

- Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác phải kèm theo bản sao Sổ định danh cá nhân (căn cước công dân/thẻ căn cước/CMND) hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân theo quy định.

- * Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác:

- Các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác được lập bằng tiếng Việt;
- Trường hợp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài;

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt được sử dụng để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.

- * Người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi tổ hợp tác đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Tên tổ hợp tác đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;
- Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;
- Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

- * Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ

ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ;

- Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử được xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hoặc người được người có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký, hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại điểm a khoản này.

- Thời hạn để tổ hợp tác sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

- * Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác:

- Tổ hợp tác không được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- + Đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác;

- + Tổ hợp tác đang trong quá trình chấm dứt hoạt động; + Tổ hợp tác đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

- Tổ hợp tác được tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác khi:

- + Đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác;

- + Phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác để phục vụ việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của tổ hợp tác về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

- + Tổ hợp tác không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

- Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc tổ hợp tác không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký tổ hợp tác thì tổ hợp tác không được thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ TỔ HỢP TÁC

Kính gửi: *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)*

1. Trường hợp đại diện tổ hợp tác là cá nhân thì ghi:

Tôi là *(ghi họ tên bằng chữ in hoa)*:

Sinh ngày:/ /.....

Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài *(đối với cá nhân là người nước ngoài)*:

Ngày cấp: /.... /.... Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại *(nếu có)*: Email *(nếu có)*:

Đăng ký tổ hợp tác do tôi là người đại diện với các nội dung sau:

2. Trường hợp đại diện tổ hợp tác là pháp nhân thì ghi:

Tên pháp nhân:

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp: .../.../...

Nơi cấp:

Họ, chữ đệm và tên của người đại diện hợp pháp của pháp nhân:

Sinh ngày: .../.../...

Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):

Ngày cấp: /.... /.... Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (nếu có): Email (nếu có):

Đăng ký tổ hợp tác do (Tên pháp nhân) là đại diện với các nội dung sau:

1. Tên tổ hợp tác:

Tên tổ hợp tác viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên tổ hợp tác viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên tổ hợp tác viết tắt (*nếu có*):

2. Địa chỉ trụ sở¹:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại:

Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

3. Ngành, nghề kinh doanh²:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (<i>đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai</i>)

4. Tổng giá trị phần vốn góp:

Tổng giá trị phần vốn góp (*bằng số; VNĐ*):

Tổng giá trị phần vốn góp (*bằng chữ; VNĐ*):

5. Thông tin đăng ký thuế:

5.1. Địa chỉ nhận thông báo thuế (*chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác trụ sở*):

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

¹ Kê khai địa chỉ liên lạc của tổ hợp tác.

² - Tổ hợp tác có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;

- Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Tổ hợp tác chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định.

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (nếu có):

Email (nếu có):

5.2. Ngày bắt đầu hoạt động³ (trường hợp tổ hợp tác dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác thì không cần kê khai nội dung này): ... / ... /

5.3. Tổng số lao động (dự kiến):

5.4. Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp)⁴:

Khấu trừ ☐

Trực tiếp trên GTGT ☐

Trực tiếp trên doanh số ☐

Không phải nộp thuế GTGT ☐

6. Số lượng thành viên:.....

Danh sách thành viên tổ hợp tác: Gửi kèm (kê khai theo Mẫu số 14 Phụ lục II)

Người đại diện tổ hợp tác xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký trên.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ HỢP TÁC

(Ký và ghi họ tên)⁵

³ Trường hợp tổ hợp tác được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày tổ hợp tác được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác.

⁴ Tổ hợp tác căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của tổ hợp tác để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁵ Cá nhân (trong trường hợp đại diện tổ hợp tác là cá nhân) hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân (trong trường hợp đại diện tổ hợp tác là pháp nhân) ký trực tiếp vào phần này.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN TỔ HỢP TÁC

I. Thành viên là cá nhân

STT	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân ²⁵ hoặc Số, ngày, cơ quan cấp CMND/Hộ chiếu	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi thường trú	Nơi ở hiện tại	Vốn góp		Thời điểm hoàn thành góp vốn	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13

²⁵ Nếu cột số 4 ghi Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 5, 6, 7, 8, 9.

II. Thành viên là pháp nhân Việt Nam

1. Thông tin thành viên

STT	Tên thành viên	Số, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định thành lập hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức khác	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn góp		Thời điểm hoàn thành góp vốn	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Ghi chú
				Giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9

2. Thông tin người đại diện hợp pháp của thành viên là pháp nhân

S T T	Tên thành viên	Họ, chữ đệm và tên người đại diện	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân ² hoặc Số, ngày, cơ quan cấp CMND/Hộ chiếu/ Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài)	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi thường trú	Nơi ở hiện tại	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ HỢP TÁC

(Ký và ghi họ tên)³

² Nếu cột số 5 ghi Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 6, 7, 8, 9, 10.

³ Cá nhân (trong trường hợp đại diện tổ hợp tác là cá nhân) hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân (trong trường hợp đại diện tổ hợp tác là pháp nhân) ký trực tiếp vào phần này.

21. Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

a) Trình tự thực hiện

*** Trường hợp đăng ký trực tiếp:**

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã trước ngày Nghị định số 92/2024/NĐ-CP có hiệu lực, tiếp tục hoạt động theo các giấy tờ đó.

- Khi thực hiện thủ tục đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký, hoặc thủ tục tạm ngừng, tiếp tục kinh doanh, chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ tại UBND cấp xã nơi đặt trụ sở chính.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hoặc các giấy xác nhận khác theo quy định tại Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.

*** Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:**

- Người nộp hồ sơ đăng nhập bằng tài khoản định danh điện tử vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã, kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác thực và thanh toán lệ phí.

- Sau khi gửi hồ sơ, người nộp nhận Giấy biên nhận điện tử.

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bằng bản giấy hoặc bản điện tử.

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan đăng ký gửi Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung trên hệ thống.

b) Cách thức thực hiện

- Trực tiếp: Tại trụ sở UBND cấp xã nơi đặt trụ sở chính.

- Trực tuyến: Qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

d) Phí, lệ phí

- Lệ phí đăng ký: Mức cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định (theo Thông tư số 85/2019/TT-BTC và Thông tư số 106/2021/TT-BTC).

- Lệ phí không hoàn trả nếu không được cấp đăng ký.

- Có thể nộp trực tiếp, chuyển khoản, hoặc thanh toán trực tuyến qua Cổng DVCQG.

đ) Thành phần hồ sơ

* Trường hợp thực hiện thủ tục tại xã:

(1) Các giấy tờ tương ứng quy định tại Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.

(2) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã.

(3) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuê.

* Trường hợp đăng ký điện tử:

- Hồ sơ thể hiện dưới dạng văn bản điện tử, có giá trị pháp lý tương đương bản giấy.

* Trường hợp ủy quyền:

- Văn bản ủy quyền cho cá nhân hoặc tổ chức được ủy quyền.
- Hợp đồng cung cấp dịch vụ (nếu ủy quyền cho tổ chức).
- Bản sao phiếu gửi hồ sơ (nếu nộp qua dịch vụ bưu chính công ích).

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục: Công dân Việt Nam, Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã.

g) Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã

i) Mẫu đơn, tờ khai:

Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã

k) Kết quả thực hiện thủ tục

- Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (được cấp đổi).
- Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hoặc các giấy xác nhận liên quan khác.

h) Căn cứ pháp lý

- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023.
- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.

- Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện

* kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, sổ định danh cá nhân của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp không có sổ định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải kèm theo bản sao CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

- Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

* Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt;

- Trường hợp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài;

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt được sử dụng để thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

* Người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

- Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

- Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ;

- Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử được xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hoặc người được người có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký, hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định số

92/2024/NĐ-CP và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại điểm a khoản này.

- Thời hạn để hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong quá trình giải thể theo nghị quyết giải thể của Đại hội thành viên;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi:

+ Đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

+ Phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phục vụ việc giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

- Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

TÊN HỢP TÁC XÃ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ**Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Thông báo
thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã***(Dùng trong trường hợp đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký
hợp tác xã/thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, đăng ký cấp đổi
Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu mới)*Kính gửi: (Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)²⁶

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

*Lưu ý:**- Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã: Kê khai vào trang tương ứng tại Mục A của biểu mẫu này;**- Trường hợp đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu giấy quy định tại Thông tư này: Kê khai Mục B của biểu mẫu này;**- Trường hợp đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu giấy quy định tại Thông tư này đồng thời thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã: Kê khai các nội dung thay đổi tương ứng tại Mục A và kê khai Mục B của biểu mẫu này.*

²⁶ Trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trụ sở thì ghi tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hợp tác xã dự định đặt trụ sở mới. Các trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã khác thì ghi tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hợp tác xã đã đăng ký.

**B. ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ/THÔNG BÁO THAY ĐỔI
NỘI DUNG ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**

Hợp tác xã đăng ký thay đổi/thông báo thay đổi trên cơ sở *(chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi/thông báo thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã hoặc sáp nhập hợp tác xã, đánh dấu X vào ô thích hợp)*:

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã ☐

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã ☐

Thông tin về hợp tác xã được sáp nhập *(chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã)*:

a) Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

b) Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã được sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã được sáp nhập.

- Hợp tác xã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo và xã, phường, thị trấn biên giới; xã, phường ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh²⁷: ☐ Có ☐ Không

Hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã như sau:

Lưu ý: Hợp tác xã chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi tại Mục này.

²⁷ Kê khai trong trường hợp có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài góp vốn, mua phần vốn góp vào hợp tác xã dẫn đến thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN HỢP TÁC XÃ

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (*nếu có*):.....

Tên hợp tác xã viết tắt sau khi thay đổi (*nếu có*):

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã sau khi thay đổi:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

☐ Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu hợp tác xã thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính).

Hợp tác xã cam kết trụ sở hợp tác xã dự định chuyển đến thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ sau khi thay đổi (*bằng số, bằng chữ, VNĐ*):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài (*nếu có*):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (*nếu có*) hay không? ☐ Có ☐ Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Danh sách người đại diện theo pháp luật sau khi thay đổi:

STT	Họ, chữ đệm và tên	Chức danh	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân ³ hoặc Số, ngày, cơ quan cấp CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với người đại diện là người nước ngoài)	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi thường trú	Nơi ở hiện tại	Địa chỉ liên lạc	Chữ ký
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH⁴

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (*kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã*):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Chi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (*kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã*):

³ Nếu cột số 5 ghi Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 6, 7, 8, 9, 10.

⁴ - Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;

- Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định.

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú (Nếu có)

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú (Nếu có)

4. Thay đổi ngành nghề kinh doanh chính (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh chính	Mã ngành	Ghi chú (Nếu có)

Lưu ý:

Trường hợp hợp tác xã thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại Mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại Mục 2.

Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bổ sung hoặc ngành, nghề kinh doanh được bỏ ra khỏi danh sách đã đăng ký là ngành, nghề kinh doanh chính của hợp tác xã thì hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1 (hoặc Mục 2) và Mục 4 nêu trên.

☐ Đề nghị (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã cho hợp tác xã đối với các thông tin thay đổi nêu trên.

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN THÀNH VIÊN CHÍNH THỨC,
THÀNH VIÊN LIÊN KẾT GÓP VỐN LÀ TỔ CHỨC KINH TẾ
CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI, CÁ NHÂN LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC
NGOÀI**

Thông tin thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài sau khi thay đổi:

I. Thành viên là cá nhân

ST T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm	Số định danh cá nhân ⁵ hoặc Số, ngày, tháng, năm cấp Hộ	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi thường ng	Nơi ở hiện tại	Vốn góp		Thời điểm hoàn	Mã số dự án, ngày	Ghi chú
									Giá trị phần	Tỷ lệ			

⁵ Nếu cột số 4 ghi Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 5, 6, 7, 8, 9.

[illegible]

II. Thành viên là tổ chức

1. Thông tin thành viên

ST T	Tên thành viên	Số, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định thành lập hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức khác	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn góp		Thời điểm hoàn thành góp vốn	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Ghi chú
				Giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I Thành viên chính thức								
II Thành viên liên kết góp vốn								

2. Thông tin người đại diện hợp pháp của thành viên

ST T	Tên thành viên	Họ, chữ đệm và tên người đại diện	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân ⁶ hoặc Số, ngày, cơ quan cấp CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài)	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi thường trú	Nơi ở hiện tại	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I Thành viên chính thức										
II Thành viên liên kết góp vốn										

☐ Đề nghị (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã cho hợp tác xã đối với các thông tin thay đổi nêu trên.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

⁶ Nếu cột số 5 ghi Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 6, 7, 8, 9, 10.

Thông tin đăng ký thuế sau khi thay đổi:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ, chữ đệm và tên Giám đốc (Tổng giám đốc):..... Số định danh cá nhân: Điện thoại:.....
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁷ : Họ, chữ đệm và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:..... Số định danh cá nhân: Điện thoại:.....
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: Tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Đặc khu: Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: Điện thoại (nếu có):..... Fax (nếu có):..... Email (nếu có):.....
4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁸ :...../...../.....
5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐
6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày...../..... đến ngày...../..... ⁹ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
7	Tổng số lao động:.....
8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: ☐ Có ☐ Không

⁷ Trường hợp hợp tác xã kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

⁸ Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

⁹ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

☐ Đề nghị (*Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã*) cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã cho hợp tác xã đối với các thông tin thay đổi nêu trên.

B. ĐĂNG KÝ CẤP ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Đề nghị được cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu giấy quy định tại Nghị định số .../2025/NĐ-CP.

Hợp tác xã đề nghị cập nhật, bổ sung mã ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam đối với những ngành, nghề kinh doanh mà hợp tác xã đã đăng ký kinh doanh như sau¹⁰:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

¹⁰ - Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;
 - Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định;
 - Hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT không cần ghi lại ngành, nghề kinh doanh tại mục này.

Hợp tác xã cam kết:

- Thông tin kê khai trong Giấy đề nghị/Thông báo này là hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Giấy đề nghị/Thông báo này;

- Người ký tại Giấy đề nghị/Thông báo này là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã theo quy định của pháp luật và Điều lệ hợp tác xã.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA HỢP TÁC XÃ/
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/GIÁM ĐỐC**
(Ký và ghi họ tên)¹¹

¹¹ Trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi người đại diện theo pháp luật đồng thời thay đổi các nội dung đăng ký khác của hợp tác xã thì Chủ tịch Hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc Giám đốc (đối với tổ chức quản trị rút gọn) ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này. Các trường hợp còn lại, người đại diện theo pháp luật ký trực tiếp vào phần này.

22. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy

a) Trình tự thực hiện

*** Trường hợp đăng ký trực tiếp:**

Trường hợp tổ hợp tác có nhu cầu được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, tổ hợp tác gửi văn bản đề nghị cấp lại đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi đặt trụ sở.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên tổ hợp tác yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho người thành lập tổ hợp tác hoặc tổ hợp tác trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ghi toàn bộ yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký đối với mỗi một bộ hồ sơ do tổ hợp tác nộp trong một thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

*** Trường hợp trên môi trường điện tử:**

Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác thực hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử và thanh toán lệ phí theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ đăng ký trong tài khoản của người nộp hồ sơ trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Các thông tin đăng ký tổ hợp tác trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp đăng ký tổ hợp tác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện cấp đăng ký cho tổ hợp tác bằng bản giấy hoặc bản điện tử. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên tổ hợp tác yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo trên môi trường điện tử cho tổ hợp tác để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện

- Trực tiếp: Tại trụ sở UBND cấp xã nơi đặt trụ sở chính.
- Trực tuyến: Qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

d) Phí, lệ phí

- Lệ phí đăng ký: Mức cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định (theo Thông tư số 85/2019/TT-BTC và Thông tư số 106/2021/TT-BTC).
- Lệ phí không hoàn trả nếu không được cấp đăng ký.
- Có thể nộp trực tiếp, chuyển khoản, hoặc thanh toán trực tuyến qua Cổng DVCQG.

đ) Thành phần hồ sơ

- * Trường hợp đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử:
 - Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác.
- * Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:
 - Cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác như sau: Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực; Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác.
 - Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP về đăng ký tổ hợp tác.

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục: Công dân Việt Nam, Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã.

g) Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã

i) Mẫu đơn, tờ khai:

Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác.

k) Kết quả thực hiện thủ tục

- Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (được cấp đổi).
- Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hoặc các giấy xác nhận liên quan khác.

h) Căn cứ pháp lý

- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023.
- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.

- Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện

* Khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác:

- Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân của mình và của cá nhân có yêu cầu khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác. Các thông tin khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.

- Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.

- Trường hợp không có số định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác có yêu cầu khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân phải kèm theo bản sao CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

- Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân theo quy định.

* Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác:

- Các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác được lập bằng tiếng Việt;

- Trường hợp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài;

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt được sử dụng để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.

* Người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi tổ hợp tác đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Tên tổ hợp tác đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

- Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

- Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ;

- Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử được xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hoặc người được người có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký, hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại điểm a khoản này;

- Thời hạn để tổ hợp tác sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác:

- Tổ hợp tác không được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác;

+ Tổ hợp tác đang trong quá trình chấm dứt hoạt động;

+ Tổ hợp tác đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

- Tổ hợp tác được tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác khi:

+ Đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác;

+ Phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác để phục vụ việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay

đổi phải kèm theo văn bản giải trình của tổ hợp tác về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

+ Tổ hợp tác không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

- Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc tổ hợp tác không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký tổ hợp tác thì tổ hợp tác không được thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

TÊN TỔ HỢP TÁC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ**Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác**Kính gửi: *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)*

Tên tổ hợp tác (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số tổ hợp tác/Mã số thuế:

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác.

Lý do đề nghị cấp lại:

Tổ hợp tác cam kết thông tin kê khai trong Giấy đề nghị này là hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Giấy đề nghị này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ HỢP TÁC*(Ký, ghi họ tên)¹*

¹ Cá nhân (trong trường hợp đại diện tổ hợp tác là cá nhân) hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân (trong trường hợp đại diện tổ hợp tác là pháp nhân) ký trực tiếp vào phần này.

23. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác

a) Trình tự thực hiện

*** Trường hợp đăng ký trực tiếp:**

Người đại diện tổ hợp tác của tổ hợp tác đã đăng ký theo quy định tại Nghị định số 92/2024/NĐ-CP có trách nhiệm đăng ký thay đổi với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi tổ hợp tác đặt trụ sở trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi một hoặc một số nội dung sau:

- (1) Tên tổ hợp tác;
- (2) Địa chỉ trụ sở tổ hợp tác;
- (3) Ngành, nghề kinh doanh;
- (4) Tổng giá trị phần vốn góp;
- (5) Người đại diện tổ hợp tác và (6) Thông tin đăng ký thuế. Cụ thể:

- Khi thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều 60 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP (bao gồm: Tên tổ hợp tác, Ngành, nghề kinh doanh và Tổng giá trị phần vốn góp), tổ hợp tác gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi tổ hợp tác đặt trụ sở.

- Khi tổ hợp tác thay đổi địa chỉ trụ sở, tổ hợp tác gửi hồ sơ đăng ký thay đổi quy định tại khoản 2 Điều 60 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi tổ hợp tác dự định chuyển đến. Trường hợp việc chuyển địa chỉ trụ sở dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp, tổ hợp tác phải thực hiện các thủ tục với cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

- Trường hợp thay đổi người đại diện tổ hợp tác, tổ hợp tác nộp hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi tổ hợp tác đặt trụ sở.

- Trường hợp tổ hợp tác thay đổi thông tin đăng ký thuế mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, trừ thay đổi phương pháp tính thuế, tổ hợp tác gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi tổ hợp tác đặt trụ sở.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký thay đổi, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trao giấy biên nhận cho người nộp hồ sơ.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp tổ hợp tác thay đổi nội dung đăng ký quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 1 Điều 60 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP hoặc giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp tổ hợp tác thay đổi nội dung đăng ký quy định tại điểm c và điểm e khoản 1 Điều 60 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP nếu tổ hợp tác có nhu cầu; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên tổ hợp tác yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

*** Trường hợp trên môi trường điện tử:**

- Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

- Người nộp hồ sơ kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác thực hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử và thanh toán lệ phí theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ đăng ký trong tài khoản của người nộp hồ sơ trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

- Các thông tin đăng ký tổ hợp tác trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp đăng ký tổ hợp tác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện cấp đăng ký cho tổ hợp tác bằng bản giấy hoặc bản điện tử. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên tổ hợp tác yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo trên môi trường điện tử cho tổ hợp tác để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện

- Trực tiếp: Tại trụ sở UBND cấp xã nơi đặt trụ sở chính.

- Trực tuyến: Qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

d) Phí, lệ phí

- Lệ phí đăng ký: Mức cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định (theo Thông tư số 85/2019/TT-BTC và Thông tư số 106/2021/TT-BTC).

- Lệ phí không hoàn trả nếu không được cấp đăng ký.

- Có thể nộp trực tiếp, chuyển khoản, hoặc thanh toán trực tuyến qua Cổng DVCQG.

đ) Thành phần hồ sơ

* Trường hợp đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử:

Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

* Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:

- Cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác như sau: Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, kèm theo hồ sơ

phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực; Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác.

- Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP về đăng ký tổ hợp tác.

* Trường hợp thay đổi người đại diện tổ hợp tác:

- Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác;

- Bản sao hoặc bản chính biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc thay đổi người đại diện;

- Bản sao hoặc bản chính văn bản ủy quyền của thành viên tổ hợp tác cho một cá nhân hoặc một pháp nhân làm người đại diện mới của tổ hợp tác.

* Trường hợp tổ hợp tác thay đổi thông tin đăng ký thuế mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, trừ thay đổi phương pháp tính thuế:

- Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác.

* Trường hợp đăng ký thay đổi: Tên tổ hợp tác; Ngành, nghề kinh doanh; Địa chỉ trụ sở tổ hợp tác; và Tổng giá trị phần vốn góp:

- Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác;

- Bản sao hoặc bản chính biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác.

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục: Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX).

g) Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã

i) Mẫu đơn, tờ khai:

Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác;

k) Kết quả thực hiện thủ tục

Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, Thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác

h) Căn cứ pháp lý

- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023.

- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.
- Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện

* Khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác:

- Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, sổ định danh cá nhân của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác. - Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.

- Trường hợp không có sổ định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân phải kèm theo bản sao CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

- Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân theo quy định.

* Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác:

- Các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác được lập bằng tiếng Việt;

- Trường hợp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài;

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt được sử dụng để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.

* Người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác nộp hồ sơ tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi tổ hợp tác đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Tên tổ hợp tác đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

- Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

- Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ;

- Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử được xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hoặc người được người có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký, hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại điểm a khoản này.

- Thời hạn để tổ hợp tác sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

TÊN TỔ HỢP TÁC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ**Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác**Kính gửi: *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)*

Tên tổ hợp tác (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số tổ hợp tác/Mã số thuế:

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác.

Lý do đề nghị cấp lại:

Tổ hợp tác cam kết thông tin kê khai trong Giấy đề nghị này là hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Giấy đề nghị này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ HỢP TÁC*(Ký, ghi họ tên)¹*

¹ Cá nhân (trong trường hợp đại diện tổ hợp tác là cá nhân) hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân (trong trường hợp đại diện tổ hợp tác là pháp nhân) ký trực tiếp vào phần này.

24. Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác

a) Trình tự thực hiện

*** Trường hợp đăng ký trực tiếp:**

Trường hợp tổ hợp tác phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, tổ hợp tác gửi văn bản đề nghị hiệu đính thông tin đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi đặt trụ sở chính. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị nếu thông tin nêu tại văn bản đề nghị là chính xác.

Trường hợp tổ hợp tác phát hiện nội dung thông tin đăng ký trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bị thiếu hoặc chưa chính xác so với hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký thuế do quá trình chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã, tổ hợp tác gửi văn bản đề nghị bổ sung, hiệu đính đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi đặt trụ sở chính. Kèm theo văn bản đề nghị bổ sung, hiệu đính phải có bản sao thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận văn bản đề nghị hiệu đính, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký tổ hợp tác trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

*** Trường hợp trên môi trường điện tử:**

- Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

- Người nộp hồ sơ kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác thực hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử và thanh toán lệ phí theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ đăng ký trong tài khoản của người nộp hồ sơ trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

- Các thông tin đăng ký tổ hợp tác trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp đăng ký tổ hợp tác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện cấp đăng ký cho tổ hợp tác bằng bản giấy hoặc bản điện tử. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên tổ hợp tác yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo trên môi trường điện tử cho tổ hợp tác để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện

- Trực tiếp: Tại trụ sở UBND cấp xã nơi đặt trụ sở chính.

- Trực tuyến: Qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã hoặc Công Dịch vụ công quốc gia.

- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

d) Phí, lệ phí

- Lệ phí đăng ký: Mức cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định (theo Thông tư số 85/2019/TT-BTC và Thông tư số 106/2021/TT-BTC).

- Lệ phí không hoàn trả nếu không được cấp đăng ký.

- Có thể nộp trực tiếp, chuyển khoản, hoặc thanh toán trực tuyến qua Cổng DVCQG.

đ) Thành phần hồ sơ

* Trường hợp đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử:

Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy

* Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:

- Cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác như sau: Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực; Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác.

- Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP về đăng ký tổ hợp tác.

* Trường hợp tổ hợp tác phát hiện nội dung thông tin đăng ký trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bị thiếu hoặc chưa chính xác so với hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký thuế do quá trình chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã:

- Văn bản đề nghị bổ sung, hiệu đính;

- Bản sao thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đăng ký thuế.

* Trường hợp tổ hợp tác phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác:

- Văn bản đề nghị hiệu đính thông tin

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục: Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX).

g) Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã

i) Mẫu đơn, tờ khai:

Văn bản đề nghị hiệu đính thông tin

k) Kết quả thực hiện thủ tục

Thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký tổ hợp tác trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã (trong trường hợp phát hiện nội dung thông tin đăng ký trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bị thiếu hoặc chưa chính xác cần hiệu đính, cập nhật bổ sung thông tin).

h) Căn cứ pháp lý

- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023.

- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.

- Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện

*** kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác:**

- Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.

- Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.

- Trường hợp không có số định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân phải kèm theo bản sao CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

- Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài

còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân theo quy định.

* Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác:

- Các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác được lập bằng tiếng Việt;
- Trường hợp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài;

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt được sử dụng để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.

* Người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác nộp hồ sơ tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi tổ hợp tác đặt trụ sở chính Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Tên tổ hợp tác đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;
- Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;
- Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ;

- Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử được xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hoặc người được người có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký, hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại điểm a khoản này. - Thời hạn để tổ hợp tác sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

TÊN TỔ HỢP TÁC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác***(Dùng trong trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác,
đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác,
đề nghị đăng ký tổ hợp tác)*Kính gửi: (Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)¹

Tên tổ hợp tác (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số tổ hợp tác/Mã số thuế:

*Lưu ý:**- Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác: Kê khai Mục A của biểu mẫu này;**- Trường hợp đăng ký cập nhật, bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký tổ hợp tác: Kê khai Mục B của biểu mẫu này;**- Trường hợp đăng ký đối với tổ hợp tác thành lập trước ngày 01/7/2024 thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã năm 2023: Kê khai Mục C của biểu mẫu này.***A. ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ TỔ HỢP TÁC****Tổ hợp tác đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác như sau:**
(Tổ hợp tác chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký thay đổi)

¹ Trường hợp tổ hợp tác đăng ký thay đổi trụ sở của tổ hợp tác thì ghi tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi tổ hợp tác dự định đặt trụ sở mới. Các trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác khác thì ghi tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi tổ hợp tác đã đăng ký.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN TỔ HỢP TÁC

Tên tổ hợp tác viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên tổ hợp tác viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (*nếu có*):

Tên tổ hợp tác viết tắt sau khi thay đổi (*nếu có*):

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ TỔ HỢP TÁC

Địa chỉ trụ sở tổ hợp tác sau khi thay đổi:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại: Email (nếu có):

☐ Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu tổ hợp tác thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở).

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH²

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp tổ hợp tác đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký tổ hợp tác):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Chi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp tổ hợp tác đăng ký bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký tổ hợp tác):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú (Nếu có)

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp tổ hợp tác đăng ký thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký tổ hợp tác):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú (Nếu có)

4. Thay đổi ngành nghề kinh doanh chính (kê khai trong trường hợp tổ hợp tác đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính đã đăng ký với cơ quan đăng ký tổ hợp tác):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh chính	Mã ngành	Ghi chú (Nếu có)

Lưu ý:

Trường hợp tổ hợp tác thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, tổ hợp tác kê khai đồng thời tại Mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại Mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại Mục 2.

² - Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;

- Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định.

Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bổ sung hoặc ngành, nghề kinh doanh được bỏ ra khỏi danh sách đã đăng ký là ngành, nghề kinh doanh chính của tổ hợp tác thì tổ hợp tác kê khai đồng thời tại Mục 1 (hoặc Mục 2) và Mục 4 nêu trên.

☐ Đề nghị (*Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã*) cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác cho tổ hợp tác đối với các thông tin thay đổi nêu trên.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TỔNG GIÁ TRỊ PHẦN VỐN GÓP

Tổng giá trị phần vốn góp sau khi thay đổi:

Tổng giá trị phần vốn góp (*bằng số; VNĐ*):

Tổng giá trị phần vốn góp (*bằng chữ; VNĐ*):

Lý do thay đổi:

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐẠI DIỆN TỔ HỢP TÁC

Thông tin đại diện tổ hợp tác sau khi thay đổi:

Trường hợp đại diện tổ hợp tác sau khi thay đổi là cá nhân thì ghi:

Họ, chữ đệm và tên (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*):

Sinh ngày:/...../.....

Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với cá nhân là người nước ngoài*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (*nếu có*): Email (*nếu có*):

Trường hợp đại diện tổ hợp tác sau khi thay đổi là pháp nhân thì ghi:

Tên pháp nhân:

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp: .../.../...

Nơi cấp:

Họ, chữ đệm và tên của người đại diện hợp pháp của pháp nhân:

Sinh ngày: .../.../...

Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với cá nhân là người nước ngoài*):

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (*nếu có*): Email (*nếu có*):

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

Thông tin đăng ký thuế sau khi thay đổi:

1. Địa chỉ nhận thông báo thuế (*chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác trụ sở*):

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (*nếu có*): Email (*nếu có*):

2. Ngày bắt đầu hoạt động³ (*trường hợp tổ hợp tác dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác thì không cần kê khai nội dung này*):/...../.....

3. Tổng số lao động:

☐ Đề nghị (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác cho tổ hợp tác đối với các thông tin thay đổi nêu trên.

³ Trường hợp tổ hợp tác được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày tổ hợp tác được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác.

**B. ĐỀ NGHỊ CẬP NHẬT, BỔ SUNG, HIỆU ĐÍNH
THÔNG TIN ĐĂNG KÝ TỔ HỢP TÁC**

Tổ hợp tác đề nghị cập nhật, bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký tổ hợp tác như sau:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

C. ĐĂNG KÝ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TỔ HỢP TÁC

(Dùng trong trường hợp đăng ký đối với tổ hợp tác thành lập trước ngày 01/7/2024 thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã)

Đăng ký tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Hợp tác xã với các thông tin như sau:

1. Tên tổ hợp tác:

Tên tổ hợp tác viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên tổ hợp tác viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên tổ hợp tác viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại: Email (nếu có):

3. Ngành, nghề kinh doanh⁴:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

4. Tổng giá trị phần vốn góp:

Tổng giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ):

Tổng giá trị phần vốn góp (bằng chữ; VNĐ):

5. Thông tin đăng ký thuế:

5.1. Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác trụ sở):

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

⁴ - Tổ hợp tác có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;

- Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Tổ hợp tác chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định.

Điện thoại (nếu có): Email (nếu có):

5.2. Ngày bắt đầu hoạt động:/...../.....

5.3. Tổng số lao động:

5.4. Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp):

Khấu trừ	☐
Trực tiếp trên GTGT	☐
Trực tiếp trên doanh số	☐
Không phải nộp thuế GTGT	☐

6. Số lượng thành viên:.....

Danh sách thành viên tổ hợp tác: Gửi kèm (kê khai theo Mẫu số 14 Phụ lục II)

7. Đại diện tổ hợp tác:

Trường hợp đại diện tổ hợp tác là cá nhân thì ghi:

Họ, chữ đệm và tên (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Sinh ngày:/...../.....

Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (nếu có): Email (nếu có):

Trường hợp đại diện tổ hợp tác là pháp nhân thì ghi:

Tên pháp nhân:

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp: .../.../...

Nơi cấp:

Người đại diện hợp pháp của pháp nhân:

Sinh ngày: .../.../...

Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (nếu có): Email (nếu có):

Tổ hợp tác cam kết thông tin kê khai trong Giấy đề nghị này là hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Giấy đề nghị này

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ HỢP TÁC
(Ký và ghi họ tên)⁵

⁵ Cá nhân (trong trường hợp đại diện tổ hợp tác là cá nhân) hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân (trong trường hợp đại diện tổ hợp tác là pháp nhân) ký trực tiếp vào phần này.

25. Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác

a. Trình tự thực hiện:

*** Trường hợp đăng ký trực tiếp:**

Khi tổ hợp tác tạm ngừng kinh doanh từ 15 ngày trở lên hoặc tiếp tục kinh doanh trở lại, tổ hợp tác phải gửi hồ sơ thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi đặt trụ sở chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trở lại. Trường hợp tổ hợp tác có nhu cầu tiếp tục tạm ngừng kinh doanh sau khi hết thời hạn đã thông báo thì phải thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tiếp tục tạm ngừng kinh doanh. Thời hạn tạm ngừng kinh doanh của mỗi lần thông báo không được quá 12 tháng.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ thông báo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trao giấy biên nhận hồ sơ cho tổ hợp tác. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp giấy xác nhận về việc tổ hợp tác tạm ngừng kinh doanh, giấy xác nhận về việc tổ hợp tác tiếp tục kinh doanh trở lại.

*** Trường hợp trên môi trường điện tử:**

Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác thực hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử và thanh toán lệ phí theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ đăng ký trong tài khoản của người nộp hồ sơ trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Các thông tin đăng ký tổ hợp tác trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp đăng ký tổ hợp tác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện cấp đăng ký cho tổ hợp tác bằng bản giấy hoặc bản điện tử. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên tổ hợp tác yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo trên môi trường điện tử cho tổ hợp tác để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Cổng Dịch vụ công quốc gia
- Qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:

Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

* Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:

- Cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác như sau: Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.

* Đối với trường hợp thông báo tiếp tục kinh doanh trở lại:

- Thông báo tiếp tục kinh doanh trở lại.

* Đối với trường hợp thông báo tạm ngừng kinh doanh:

(1) Thông báo tạm ngừng kinh doanh;

(2) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc tạm ngừng kinh doanh.

d. Số lượng hồ sơ:

01 bộ

đ. Thời hạn giải quyết

- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ giấy tờ quy định.

e. Đối tượng thực hiện: Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)

f. Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã

g. Kết quả thực hiện: Thông báo yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp phải đăng ký thay đổi tên

h. Lệ phí: Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Thông báo tạm ngừng kinh doanh

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

* Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, tổ hợp tác phải nộp đủ thuế, bảo hiểm xã hội còn nợ; tiếp tục thanh toán các khoản nợ, hoàn thành việc thực hiện hợp đồng đã ký với khách hàng và người lao động, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

* Kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác:

- Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.

- Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.

- Trường hợp không có sổ định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân phải kèm theo bản sao CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

- Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân theo quy định.

* Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác:

- Các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác được lập bằng tiếng Việt;

- Trường hợp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài;

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt được sử dụng để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.

* Người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi tổ hợp tác đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;
- Tên tổ hợp tác đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;
- Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;
- Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ;

- Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử được xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hoặc người được người có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký, hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại điểm a khoản này;

- Thời hạn để tổ hợp tác sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

k . Căn cứ pháp lý:

- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023.
- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.
- Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

**Về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh
trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/
chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:1. Trường hợp tạm ngừng kinh doanh²⁸:

a) Đối với doanh nghiệp:

Đăng ký tạm ngừng kinh doanh kể từ ngày....tháng....năm..... đến hết ngày....tháng....năm.....

Lý do tạm ngừng:

Sau khi doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng của tất cả các chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng “Tạm ngừng kinh doanh”.

b) Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Đăng ký tạm ngừng kinh doanh kể từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày ... tháng ... năm ... đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*)

²⁸ Doanh nghiệp gửi thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp, chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đã đăng ký chậm nhất 03 ngày trước khi tạm ngừng kinh doanh.

Mã số/Mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*chỉ kê khai nếu không có mã số chi nhánh/mã số thuế*): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký tạm ngừng kinh doanh địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*chỉ kê khai nếu không có mã số chi nhánh/mã số thuế*): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Lý do tạm ngừng:

2. Trường hợp tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo²⁹:

a) Đối với doanh nghiệp:

Đăng ký tiếp tục kinh doanh kể từ ngày....tháng....năm.....

Lý do tiếp tục kinh doanh:

Sau khi doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng của các chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau đây của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng “Đang hoạt động”:

☐ Tất cả các chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.

☐ Một hoặc một số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

- Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Mã số/Mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh: .

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*chỉ kê khai nếu không có mã số chi nhánh/mã số thuế*): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

b) Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Đăng ký tiếp tục kinh doanh kể từ ngày....tháng....năm..... đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

²⁹ Doanh nghiệp gửi thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp, chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đã đăng ký chậm nhất 03 ngày trước khi tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo.

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số/Mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế*): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*): Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Lý do tiếp tục kinh doanh:

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

Người ký tại Thông báo này cam kết là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CHI NHÁNH**
(Ký và ghi họ tên)³⁰

³⁰ - Trường hợp tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đối với doanh nghiệp, chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp tạm ngừng kinh doanh/Tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đối với địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

26. Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác

a. Trình tự thực hiện:

** Trường hợp đăng ký trực tiếp:*

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua việc chấm dứt hoạt động, tổ hợp tác gửi biên bản họp về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác kèm theo phương án giải quyết nợ (nếu có) đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi tổ hợp tác đặt trụ sở.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được các giấy tờ quy định, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải các giấy tờ này và thông báo tình trạng tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, chuyển tình trạng pháp lý của tổ hợp tác trong cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, gửi thông tin về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác cho cơ quan thuế. Tổ hợp tác thực hiện thủ tục hoàn thành nghĩa vụ thuế với cơ quan thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ phát sinh trong quá trình hoạt động, tổ hợp tác gửi hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi tổ hợp tác đặt trụ sở. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông tin về việc tổ hợp tác đăng ký chấm dứt hoạt động cho cơ quan thuế. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, cơ quan thuế gửi ý kiến về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của tổ hợp tác đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của tổ hợp tác trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động nếu không nhận được ý kiến phản đối của cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác.

Hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo tình trạng tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác và ý kiến phản đối bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân và bên có liên quan khác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của tổ hợp tác trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên. Thông tin về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác được Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để cập nhật.

** Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:*

Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác thực hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử và thanh toán lệ phí theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ đăng ký trong tài khoản của người nộp hồ sơ trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Các thông tin đăng ký tổ hợp tác trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp đăng ký tổ hợp tác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện cấp đăng ký cho tổ hợp tác bằng bản giấy hoặc bản điện tử. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên tổ hợp tác yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo trên môi trường điện tử cho tổ hợp tác để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Cổng Dịch vụ công quốc gia
- Qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:

Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

* Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:

- Cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác như sau: Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính

phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.

- Trường hợp thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác:

(1) Biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác;

(2) Phương án giải quyết nợ (nếu có): Phương án giải quyết nợ phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

- Trường hợp đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác:

(1) Thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác;

(2) Quyết định về việc thu hồi quỹ chung, tài sản chung của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ hợp tác đặt trụ sở trong trường hợp tổ hợp tác có quỹ chung, tài sản chung có nguồn hỗ trợ toàn bộ từ Nhà nước;

(3) Báo cáo kết quả chuyển nhượng, thanh lý tài sản của Hội đồng thanh lý tài sản chung trong trường hợp tổ hợp tác có quỹ chung, tài sản chung có nguồn hỗ trợ một phần của Nhà nước

d. Số lượng hồ sơ:

01 bộ

đ. Thời hạn giải quyết

- Trường hợp thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ theo quy định.

- Trường hợp đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn (thời hạn 03 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo tình trạng tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác).

e. Đối tượng thực hiện: Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)

f. Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã

g. Kết quả thực hiện: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải các giấy tờ trong hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động và thông báo tình trạng tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, chuyển tình trạng pháp lý của tổ hợp tác trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động và gửi thông tin về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác cho cơ quan thuế, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của tổ hợp tác trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động nếu không

nhận được ý kiến phản đối của cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác

h. Lệ phí: Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác;

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

* Tổ hợp tác thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ phát sinh trong quá trình hoạt động của tổ hợp tác trước khi gửi hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động.

* kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.

- Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.

- Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.

- Trường hợp không có sổ định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân phải kèm theo bản sao CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

- Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân theo quy định.

* Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác:

- Các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác được lập bằng tiếng Việt;

- Trường hợp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài;

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt được sử dụng để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.

* Người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi tổ hợp tác đặt trụ sở chính: Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Tên tổ hợp tác đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;
- Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;
- Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ;

- Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử được xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hoặc người được người có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký, hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại điểm a khoản này.

- Thời hạn để tổ hợp tác sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

k .Căn cứ pháp lý:

- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023.
- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.
- Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính.

TÊN TỔ HỢP TÁC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
Về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tácKính gửi: *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)*Tên tổ hợp tác *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Mã số tổ hợp tác/Mã số thuế:

Tổ hợp tác nộp hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác và bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài trước khi nộp hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác.

Lý do chấm dứt hoạt động:

Tổ hợp tác cam kết thông tin kê khai trong Thông báo này là hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ HỢP TÁC
(Ký, ghi họ tên)³¹

³¹ Cá nhân (trong trường hợp đại diện tổ hợp tác là cá nhân) hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân (trong trường hợp đại diện tổ hợp tác là pháp nhân) ký trực tiếp vào phần này.

27. Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

a. Trình tự thực hiện:

*** Trường hợp đăng ký trực tiếp:**

Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ký văn bản đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi đặt trụ sở.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét cấp, ra thông báo dừng thực hiện thủ tục đăng ký cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và hủy hồ sơ theo quy trình trên Hệ thống thông tin đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị.

Trường hợp từ chối dừng thực hiện thủ tục, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo bằng văn bản cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và nêu rõ lý do từ chối.

*** Trường hợp trên môi trường điện tử:**

Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác thực hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử và thanh toán lệ phí theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ đăng ký trong tài khoản của người nộp hồ sơ trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Các thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện cấp đăng ký cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bằng bản giấy hoặc bản điện tử. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo trên môi trường điện tử cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Công Dịch vụ công quốc gia
- Qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần hồ sơ:

(1) Giấy đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã

* Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:

Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

* Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:

+ Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong nghị quyết Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc ủy quyền lại để thực hiện thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

+ Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP, cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau: Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực; Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

+ Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

+ Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

d. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ giấy tờ quy định.

e. Đối tượng thực hiện: Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)

f. Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã

g. Kết quả thực hiện: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải các giấy tờ trong hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động và thông báo tình trạng tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, chuyển tình trạng pháp lý của tổ hợp tác trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động và gửi thông tin về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác cho cơ quan thuế, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của tổ hợp tác trong Cơ sở

dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động nếu không nhận được ý kiến phản đối của cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác

h. Lệ phí: Mức lệ phí (nếu có) theo quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

* Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chưa được chấp thuận trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* Kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc CMND hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp không có số định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải kèm theo bản sao CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

- Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

* Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: - Các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt;

- Trường hợp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài;

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt được sử dụng để thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

* Người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;
 - Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;
 - Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ;

- Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử được xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hoặc người được người có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký, hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại điểm a khoản này.

- Thời hạn để hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

k .Căn cứ pháp lý:

- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023.
- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.
- Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính.

28. Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác

a. *Trình tự thực hiện:*

**** Trường hợp đăng ký trực tiếp:***

Trường hợp tổ hợp tác có nhu cầu dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, người đại diện tổ hợp tác, người được ủy quyền đăng ký tổ hợp tác ký văn bản đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi đặt trụ sở.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét cấp, ra thông báo dừng thực hiện thủ tục đăng ký cho tổ hợp tác và hủy hồ sơ theo quy trình trên Hệ thống thông tin đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị.

Trường hợp từ chối dừng thực hiện thủ tục, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo bằng văn bản cho tổ hợp tác và nêu rõ lý do từ chối.

**** Trường hợp trên môi trường điện tử:***

Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác thực hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử và thanh toán lệ phí theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ đăng ký trong tài khoản của người nộp hồ sơ trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Các thông tin đăng ký tổ hợp tác trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp đăng ký tổ hợp tác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện cấp đăng ký cho tổ hợp tác bằng bản giấy hoặc bản điện tử. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên tổ hợp tác yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo trên môi trường điện tử cho tổ hợp tác để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b. *Cách thức thực hiện:*

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Cổng Dịch vụ công quốc gia
- Qua dịch vụ bưu chính.

c. *Thành phần hồ sơ:*

(1) Văn bản đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác

**** Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:***

Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

*** Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:**

+ Cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác như sau: Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực; Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác.

+ Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

+ Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

d. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ giấy tờ quy định.

e. Đối tượng thực hiện: Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)

f. Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã

g. Kết quả thực hiện: Văn bản của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo lý do từ chối, Thông báo dừng thực hiện thủ tục đăng ký cho tổ hợp tác và hủy hồ sơ theo quy trình trên Hệ thống thông tin đăng ký hợp tác xã.

h. Lệ phí: Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác chưa được chấp thuận trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác:

- Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số

định danh cá nhân của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.

- Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.

- Trường hợp không có số định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân phải kèm theo bản sao CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

- Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân theo quy định.

- * Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác:

- Các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác được lập bằng tiếng Việt;
- Trường hợp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài;
- Trường hợp giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt được sử dụng để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.

- * Người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi tổ hợp tác đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;
- Tên tổ hợp tác đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;
- Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;
- Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

- * Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ;

- Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử được xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hoặc người được người có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký, hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại điểm a khoản này.

- Thời hạn để tổ hợp tác sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

k .Căn cứ pháp lý:

- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023.
- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.
- Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính.

TÊN TỔ HỢP TÁC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ**Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác**

Kính gửi: (Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Sinh ngày: / /

Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):

Ngày cấp: /.... /.... Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (nếu có): Email (nếu có):

Là người ký văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác đối với Hồ sơ có Giấy biên nhận số do (Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) cấp ngày .../.../..... về việc đăng ký/thông báo của (Tên tổ hợp tác) – Mã số tổ hợp tác/Mã số thuế (nếu có).

Tôi đề nghị (Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác đối với Hồ sơ có Giấy biên nhận số nêu trên.

Lý do đề nghị:

Tôi cam kết tôi là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác đối với Hồ sơ nêu trên và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác này.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ(Ký, ghi họ tên)³²

³² Người có thẩm quyền ký Giấy đề nghị này là người ký văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác.

29. Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

a. Trình tự thực hiện:

*** Trường hợp đăng ký trực tiếp:**

Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được nghị quyết giải thể và cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chưa chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sang tình trạng đã giải thể, nếu không tiếp tục thực hiện giải thể, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi thông báo về việc hủy bỏ nghị quyết giải thể do người đại diện theo pháp luật ký đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi đặt trụ sở chính. Kèm theo thông báo phải có nghị quyết của Đại hội thành viên về việc hủy bỏ nghị quyết giải thể.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã phải đăng tải thông báo và nghị quyết về việc hủy bỏ nghị quyết giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đồng thời khôi phục tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và gửi thông tin cho cơ quan thuế.

*** Trường hợp trên môi trường điện tử:**

Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác thực hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử và thanh toán lệ phí theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ đăng ký trong tài khoản của người nộp hồ sơ trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Các thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện cấp đăng ký cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bằng bản giấy hoặc bản điện tử. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo trên môi trường điện tử cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Cổng Dịch vụ công quốc gia
- Qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần hồ sơ:

(1) Thông báo về việc hủy bỏ nghị quyết giải thể;

(2) Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc hủy bỏ nghị quyết giải thể.

* Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:

Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

* Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:

+ Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong nghị quyết Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc ủy quyền lại để thực hiện thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

+ Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP, cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau: Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực; Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

+ Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

+ Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

d. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

đ. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ giấy tờ quy định.

e. Đối tượng thực hiện: Công dân Việt Nam

f. Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã

g. Kết quả thực hiện: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo và nghị quyết về việc hủy bỏ nghị quyết giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đồng thời khôi phục tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và gửi thông tin cho cơ quan thuế

h. Lệ phí: Mức lệ phí (nếu có) theo quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

* Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được nghị quyết giải thể và cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chưa chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sang tình trạng đã giải thể.

* Kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

- Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp không có số định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải kèm theo bản sao CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

- Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

* Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt;

- Trường hợp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài;

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt được sử dụng để thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

* Người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;
 - Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;
 - Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ; - Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử được xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hoặc người được người có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký, hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại điểm a khoản này.

- Thời hạn đề hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

k .Căn cứ pháp lý:

- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023.
- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.
- Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính.

30. Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

a. Trình tự thực hiện:

** Trường hợp đăng ký trực tiếp:*

Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi văn bản đề nghị hiệu đính thông tin đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi đặt trụ sở chính. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị nêu thông tin nêu tại văn bản đề nghị là chính xác.

Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hiện nội dung thông tin đăng ký trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bị thiếu hoặc chưa chính xác so với Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký thuế do quá trình chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi văn bản đề nghị bổ sung, hiệu đính đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi đặt trụ sở chính. Kèm theo văn bản đề nghị bổ sung, hiệu đính phải có bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận văn bản đề nghị hiệu đính, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

** Trường hợp trên môi trường điện tử:*

- Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

- Người nộp hồ sơ kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác thực hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử và thanh toán lệ phí theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ đăng ký trong tài khoản của người nộp hồ sơ trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

- Các thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện cấp đăng ký cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bằng bản giấy hoặc bản điện tử. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo trên môi trường điện tử cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Công Dịch vụ công quốc gia
- Qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:

Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

* Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:

+ Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong nghị quyết Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc ủy quyền lại để thực hiện thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

+ Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP, cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau: Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực; Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

+ Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

+ Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

* Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hiện nội dung thông tin đăng ký trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bị thiếu hoặc chưa chính xác so với Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký thuế do quá trình chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã:

- (1) Văn bản đề nghị bổ sung, hiệu đính;
- (2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;
- (3) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

* Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

(1) Văn bản đề nghị hiệu đính thông tin.

d. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ giấy tờ quy định.

e. Đối tượng thực hiện: Công dân Việt Nam, Hợp tác xã

f. Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã

g. Kết quả thực hiện: Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp lại, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hiện nội dung thông tin đăng ký trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bị thiếu hoặc chưa chính xác so với Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký thuế do quá trình chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã

h. Lệ phí: Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị Đăng ký thay đổi nội dung GCN đăng ký hợp tác xã hoặc TB thay đổi nội dung đăng ký

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

* kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, sổ định danh cá nhân của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp không có sổ định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải kèm theo bản sao CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

- Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc

CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

* Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt;

- Trường hợp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài;

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt được sử dụng để thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

* Người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

- Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

- Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ;

- Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử được xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hoặc người được người có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký, hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại điểm a khoản này.

- Thời hạn đề hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; + Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong quá trình giải thể theo nghị quyết giải thể của Đại hội thành viên;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi:

+ Đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

+ Phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phục vụ việc giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

- Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

k .Căn cứ pháp lý:

- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023.
- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.
- Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính.

TÊN HỢP TÁC XÃCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ**Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Thông báo
thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã***(Dùng trong trường hợp đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký
hợp tác xã/thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, đăng ký cấp đổi
Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu mới)*Kính gửi: (Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)³³

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

*Lưu ý:**- Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã: Kê khai vào trang tương ứng tại Mục A của biểu mẫu này;**- Trường hợp đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu giấy quy định tại Thông tư này: Kê khai Mục B của biểu mẫu này;**- Trường hợp đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu giấy quy định tại Thông tư này đồng thời thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã: Kê khai các nội dung thay đổi tương ứng tại Mục A và kê khai Mục B của biểu mẫu này.*

³³ Trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trụ sở thì ghi tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hợp tác xã dự định đặt trụ sở mới. Các trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã khác thì ghi tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hợp tác xã đã đăng ký.

**C. ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ/THÔNG BÁO THAY ĐỔI
NỘI DUNG ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**

Hợp tác xã đăng ký thay đổi/thông báo thay đổi trên cơ sở *(chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi/thông báo thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã hoặc sáp nhập hợp tác xã, đánh dấu X vào ô thích hợp)*:

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã ☐

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã ☐

Thông tin về hợp tác xã được sáp nhập *(chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã)*:

a) Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

b) Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã được sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã được sáp nhập.

- Hợp tác xã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo và xã, phường, thị trấn biên giới; xã, phường ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh³⁴: ☐ Có ☐ Không

Hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã như sau:

Lưu ý: Hợp tác xã chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi tại Mục này.

³⁴ Kê khai trong trường hợp có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài góp vốn, mua phần vốn góp vào hợp tác xã dẫn đến thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN HỢP TÁC XÃ

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (*nếu có*):.....

Tên hợp tác xã viết tắt sau khi thay đổi (*nếu có*):

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã sau khi thay đổi:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

☐ Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu hợp tác xã thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính).

Hợp tác xã cam kết trụ sở hợp tác xã dự định chuyển đến thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ sau khi thay đổi (*bằng số, bằng chữ, VNĐ*):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài (*nếu có*):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (*nếu có*) hay không? ☐ Có ☐ Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Danh sách người đại diện theo pháp luật sau khi thay đổi:

STT	Họ, chữ đệm và tên	Chức danh	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân ³ hoặc Số, ngày, cơ quan cấp CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với người đại diện là người nước ngoài)	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi thường trú	Nơi ở hiện tại	Địa chỉ liên lạc	Chữ ký
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH⁴

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (*kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã*):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Chi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (*kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã*):

³ Nếu cột số 5 ghi Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 6, 7, 8, 9, 10.

⁴ - Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;

- Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định.

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú (Nếu có)

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú (Nếu có)

4. Thay đổi ngành nghề kinh doanh chính (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh chính	Mã ngành	Ghi chú (Nếu có)

Lưu ý:

Trường hợp hợp tác xã thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại Mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại Mục 2.

Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bổ sung hoặc ngành, nghề kinh doanh được bỏ ra khỏi danh sách đã đăng ký là ngành, nghề kinh doanh chính của hợp tác xã thì hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1 (hoặc Mục 2) và Mục 4 nêu trên.

☐ Đề nghị (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã cho hợp tác xã đối với các thông tin thay đổi nêu trên.

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN THÀNH VIÊN CHÍNH THỨC,
THÀNH VIÊN LIÊN KẾT GÓP VỐN LÀ TỔ CHỨC KINH TẾ
CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI, CÁ NHÂN LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC
NGOÀI**

Thông tin thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài sau khi thay đổi:

I. Thành viên là cá nhân

ST T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm	Số định danh cá nhân ⁵ hoặc Số, ngày, tháng, năm cấp Hộ	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi thường ng	Nơi ở hiện tại	Vốn góp		Thời điểm hoàn	Mã số dự án, ngày	Ghi chú
									Giá trị phần	Tỷ lệ			

⁵ Nếu cột số 4 ghi Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 5, 6, 7, 8, 9.

II. Thành viên là tổ chức

1. Thông tin thành viên

ST T	Tên thành viên	Số, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định thành lập hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức khác	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn góp		Thời điểm hoàn thành góp vốn	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Ghi chú
				Giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I Thành viên chính thức								
II Thành viên liên kết góp vốn								

2. Thông tin người đại diện hợp pháp của thành viên

ST T	Tên thành viên	Họ, chữ đệm và tên người đại diện	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân ⁶ hoặc Số, ngày, cơ quan cấp CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài)	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi thường trú	Nơi ở hiện tại	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I Thành viên chính thức										
II Thành viên liên kết góp vốn										

☐ Đề nghị (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã cho hợp tác xã đối với các thông tin thay đổi nêu trên.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

⁶ Nếu cột số 5 ghi Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 6, 7, 8, 9, 10.

Thông tin đăng ký thuế sau khi thay đổi:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ, chữ đệm và tên Giám đốc (Tổng giám đốc):..... Số định danh cá nhân: Điện thoại:.....
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁷ : Họ, chữ đệm và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:..... Số định danh cá nhân: Điện thoại:.....
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: Tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Đặc khu: Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: Điện thoại (nếu có):..... Fax (nếu có):..... Email (nếu có):.....
4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁸ :...../...../.....
5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐
6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày...../..... đến ngày...../..... ⁹ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
7	Tổng số lao động:.....
8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: ☐ Có ☐ Không

⁷ Trường hợp hợp tác xã kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

⁸ Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

⁹ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

☐ Đề nghị (*Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã*) cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã cho hợp tác xã đối với các thông tin thay đổi nêu trên.

C. ĐĂNG KÝ CẤP ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Đề nghị được cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu giấy quy định tại Nghị định số .../2025/NĐ-CP.

Hợp tác xã đề nghị cập nhật, bổ sung mã ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam đối với những ngành, nghề kinh doanh mà hợp tác xã đã đăng ký kinh doanh như sau¹⁰:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

¹⁰ - Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;
 - Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định;
 - Hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT không cần ghi lại ngành, nghề kinh doanh tại mục này.

Hợp tác xã cam kết:

- Thông tin kê khai trong Giấy đề nghị/Thông báo này là hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Giấy đề nghị/Thông báo này;

- Người ký tại Giấy đề nghị/Thông báo này là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã theo quy định của pháp luật và Điều lệ hợp tác xã.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA HỢP TÁC XÃ/
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/GIÁM ĐỐC**
(Ký và ghi họ tên)¹¹

¹¹ Trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi người đại diện theo pháp luật đồng thời thay đổi các nội dung đăng ký khác của hợp tác xã thì Chủ tịch Hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc Giám đốc (đối với tổ chức quản trị rút gọn) ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này. Các trường hợp còn lại, người đại diện theo pháp luật ký trực tiếp vào phần này.

31. Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

a. Trình tự thực hiện:

** Trường hợp đăng ký trực tiếp:*

- Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bổ sung, cập nhật các thông tin trong hồ sơ đăng ký mà không thuộc các trường hợp đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại các Điều 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43 và 45 của Nghị định số 92/2024/NĐ-CP thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi thông báo bổ sung, cập nhật thông tin đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi đặt trụ sở chính. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã tiếp nhận thông báo, xem xét cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bổ sung, cập nhật các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp Giấy trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp thay đổi địa giới hành chính làm thay đổi địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không bắt buộc phải thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi địa chỉ với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi thông báo bổ sung, cập nhật thông tin đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã đã được cập nhật thông tin về địa chỉ khi có nhu cầu hoặc khi đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

** Trường hợp trên môi trường điện tử:*

- Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

- Người nộp hồ sơ kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác thực hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử và thanh toán lệ phí theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ đăng ký trong tài khoản của người nộp hồ sơ trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

- Các thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện cấp đăng ký cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bằng bản giấy hoặc bản điện tử. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo trên môi trường điện tử cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Người nộp hồ sơ sử dụng tài

khoản truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Cổng Dịch vụ công quốc gia
- Qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần hồ sơ:

(1) Thông báo đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin.

* Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:

Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

* Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:

+ Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong nghị quyết Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc ủy quyền lại để thực hiện thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

+ Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP, cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau: Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực; Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

+ Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

+ Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

d. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ giấy tờ quy định.

e. Đối tượng thực hiện: Công dân Việt Nam, Hợp tác xã

f. Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã

g. Kết quả thực hiện: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

h. Lệ phí: Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

* Kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

- Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp không có số định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải kèm theo bản sao CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

- Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

* Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt;

- Trường hợp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài;

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt được sử dụng để thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

* Người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

- Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

- Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ;

- Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử được xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hoặc người được người có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký, hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại điểm a khoản này.

- Thời hạn để hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong quá trình giải thể theo nghị quyết giải thể của Đại hội thành viên;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi:

+ Đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

+ Phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phục vụ việc giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

- Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

k .Căn cứ pháp lý:

- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023.

- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.

- Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính.

TÊN HỢP TÁC XÃCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ**Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Thông báo
thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã***(Dùng trong trường hợp đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký
hợp tác xã/thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, đăng ký cấp đổi
Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu mới)*Kính gửi: (Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)³⁵

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

*Lưu ý:**- Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã: Kê khai vào trang tương ứng tại Mục A của biểu mẫu này;**- Trường hợp đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu giấy quy định tại Thông tư này: Kê khai Mục B của biểu mẫu này;**- Trường hợp đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu giấy quy định tại Thông tư này đồng thời thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã: Kê khai các nội dung thay đổi tương ứng tại Mục A và kê khai Mục B của biểu mẫu này.*

³⁵ Trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trụ sở thì ghi tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hợp tác xã dự định đặt trụ sở mới. Các trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã khác thì ghi tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hợp tác xã đã đăng ký.

**D. ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ/THÔNG BÁO THAY ĐỔI
NỘI DUNG ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**

Hợp tác xã đăng ký thay đổi/thông báo thay đổi trên cơ sở *(chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi/thông báo thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã hoặc sáp nhập hợp tác xã, đánh dấu X vào ô thích hợp)*:

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã ☐

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã ☐

Thông tin về hợp tác xã được sáp nhập *(chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã)*:

a) Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

b) Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã được sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã được sáp nhập.

- Hợp tác xã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo và xã, phường, thị trấn biên giới; xã, phường ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh³⁶: ☐ Có ☐ Không

Hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã như sau:

Lưu ý: Hợp tác xã chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi tại Mục này.

³⁶ Kê khai trong trường hợp có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài góp vốn, mua phần vốn góp vào hợp tác xã dẫn đến thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN HỢP TÁC XÃ

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (*nếu có*):.....

Tên hợp tác xã viết tắt sau khi thay đổi (*nếu có*):

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã sau khi thay đổi:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

☐ Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu hợp tác xã thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính).

Hợp tác xã cam kết trụ sở hợp tác xã dự định chuyển đến thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ sau khi thay đổi (*bằng số, bằng chữ, VNĐ*):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài (*nếu có*):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (*nếu có*) hay không? ☐ Có ☐ Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Danh sách người đại diện theo pháp luật sau khi thay đổi:

STT	Họ, chữ đệm và tên	Chức danh	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân ³ hoặc Số, ngày, cơ quan cấp CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với người đại diện là người nước ngoài)	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi thường trú	Nơi ở hiện tại	Địa chỉ liên lạc	Chữ ký
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH⁴

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (*kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã*):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Chi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (*kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã*):

³ Nếu cột số 5 ghi Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 6, 7, 8, 9, 10.

⁴ - Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;

- Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định.

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú (Nếu có)

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú (Nếu có)

4. Thay đổi ngành nghề kinh doanh chính (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh chính	Mã ngành	Ghi chú (Nếu có)

Lưu ý:

Trường hợp hợp tác xã thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại Mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại Mục 2.

Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bổ sung hoặc ngành, nghề kinh doanh được bỏ ra khỏi danh sách đã đăng ký là ngành, nghề kinh doanh chính của hợp tác xã thì hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1 (hoặc Mục 2) và Mục 4 nêu trên.

☐ Đề nghị (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã cho hợp tác xã đối với các thông tin thay đổi nêu trên.

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN THÀNH VIÊN CHÍNH THỨC,
THÀNH VIÊN LIÊN KẾT GÓP VỐN LÀ TỔ CHỨC KINH TẾ
CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI, CÁ NHÂN LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC
NGOÀI**

Thông tin thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài sau khi thay đổi:

I. Thành viên là cá nhân

ST T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm	Số định danh cá nhân ⁵ hoặc Số, ngày, tháng, năm cấp Hộ	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi thường ng	Nơi ở hiện tại	Vốn góp		Thời điểm hoàn	Mã số dự án, ngày	Ghi chú
									Giá trị phần	Tỷ lệ			

⁵ Nếu cột số 4 ghi Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 5, 6, 7, 8, 9.

[illegible]

II. Thành viên là tổ chức

1. Thông tin thành viên

ST T	Tên thành viên	Số, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định thành lập hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức khác	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn góp		Thời điểm hoàn thành góp vốn	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Ghi chú
				Giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I Thành viên chính thức								
II Thành viên liên kết góp vốn								

2. Thông tin người đại diện hợp pháp của thành viên

ST T	Tên thành viên	Họ, chữ đệm và tên người đại diện	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân ⁶ hoặc Số, ngày, cơ quan cấp CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài)	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi thường trú	Nơi ở hiện tại	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I Thành viên chính thức										
II Thành viên liên kết góp vốn										

☐ Đề nghị (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã cho hợp tác xã đối với các thông tin thay đổi nêu trên.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

⁶ Nếu cột số 5 ghi Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 6, 7, 8, 9, 10.

Thông tin đăng ký thuế sau khi thay đổi:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ, chữ đệm và tên Giám đốc (Tổng giám đốc):..... Số định danh cá nhân: Điện thoại:.....
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁷ : Họ, chữ đệm và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:..... Số định danh cá nhân: Điện thoại:.....
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: Tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Đặc khu: Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: Điện thoại (nếu có):..... Fax (nếu có):..... Email (nếu có):.....
4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁸ :...../...../.....
5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐
6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày...../..... đến ngày...../..... ⁹ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
7	Tổng số lao động:.....
8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: ☐ Có ☐ Không

⁷ Trường hợp hợp tác xã kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

⁸ Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

⁹ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

☐ Đề nghị (*Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã*) cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã cho hợp tác xã đối với các thông tin thay đổi nêu trên.

D. ĐĂNG KÝ CẤP ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Đề nghị được cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu giấy quy định tại Nghị định số .../2025/NĐ-CP.

Hợp tác xã đề nghị cập nhật, bổ sung mã ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam đối với những ngành, nghề kinh doanh mà hợp tác xã đã đăng ký kinh doanh như sau¹⁰:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

¹⁰ - Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;
 - Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định;
 - Hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT không cần ghi lại ngành, nghề kinh doanh tại mục này.

Hợp tác xã cam kết:

- Thông tin kê khai trong Giấy đề nghị/Thông báo này là hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Giấy đề nghị/Thông báo này;

- Người ký tại Giấy đề nghị/Thông báo này là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã theo quy định của pháp luật và Điều lệ hợp tác xã.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA HỢP TÁC XÃ/
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/GIÁM ĐỐC**
(Ký và ghi họ tên)¹¹

¹¹ Trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi người đại diện theo pháp luật đồng thời thay đổi các nội dung đăng ký khác của hợp tác xã thì Chủ tịch Hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc Giám đốc (đối với tổ chức quản trị rút gọn) ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này. Các trường hợp còn lại, người đại diện theo pháp luật ký trực tiếp vào phần này.

32. Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

a. Trình tự thực hiện:

** Trường hợp đăng ký trực tiếp:*

Việc hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 26 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.

** Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:*

- Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

- Người nộp hồ sơ kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác thực hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử và thanh toán lệ phí theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ đăng ký trong tài khoản của người nộp hồ sơ trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

- Các thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện cấp đăng ký cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bằng bản giấy hoặc bản điện tử. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo trên môi trường điện tử cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;

- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Cổng Dịch vụ công quốc gia

- Qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hiện nội dung thông tin đăng ký trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bị thiếu hoặc chưa chính xác so với Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký thuế do quá trình chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã:

(1) Văn bản đề nghị bổ sung, hiệu đính;

(2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh;

(3) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế (áp dụng trong trường hợp hiệu đính, cập nhật, bổ sung nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện).

* Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh:

(1) Văn bản đề nghị hiệu đính thông tin.

* Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:

Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

* Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:

+ Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong nghị quyết Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc ủy quyền lại để thực hiện thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

+ Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP, cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau: Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực; Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

+ Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

+ Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

d. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ giấy tờ quy định.

e. Đối tượng thực hiện: : Công dân Việt Nam

f. Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã

g. Kết quả thực hiện: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hiện nội dung thông tin đăng ký trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bị thiếu hoặc chưa chính xác so với Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký thuế do quá trình chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

h. Lệ phí: Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Văn bản đề nghị bổ sung, hiệu đính

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

* Kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

- Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, sổ định danh cá nhân của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp không có sổ định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải kèm theo bản sao CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

- Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay

thể hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

* Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt;

- Trường hợp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài;

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt được sử dụng để thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

* Người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

- Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

- Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ;

- Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử được xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hoặc người được người có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký, hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại điểm a khoản này.

- Thời hạn đề hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không

nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Đã bị Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong quá trình giải thể theo nghị quyết giải thể của Đại hội thành viên;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi:

+ Đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

+ Phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phục vụ việc giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

- Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

k .Căn cứ pháp lý:

- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023.

- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.

- Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính.

TÊN HỢP TÁC XÃ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/
văn phòng đại diện của hợp tác xã**

Kính gửi: (Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng
đại diện sau:**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng
đại diện:**Nội dung đăng ký thay đổi:**

.....

.....

.....

Hợp tác xã cam kết:

- Thông tin kê khai trong Giấy đề nghị này là hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Giấy đề nghị này;
- Người ký tại Giấy đề nghị này là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã theo quy định của pháp luật và Điều lệ hợp tác xã.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**(Ký, ghi họ tên)¹¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

33. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã

Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

a. Trình tự thực hiện:

* Trường hợp đăng ký trực tiếp:

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh khi có thay đổi một trong các nội dung sau đây:

- (1) Đăng ký về ngành, nghề kinh doanh;
- (2) Thông tin đăng ký thuế; và
- (3) Thông tin thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài. Việc thông báo được thực hiện theo trình tự sau đây:

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ thông báo thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thông báo, cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và thực hiện thay đổi nội dung đăng ký; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

* Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:

- Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

- Người nộp hồ sơ kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác thực hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử và thanh toán lệ phí theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ đăng ký trong tài khoản của người nộp hồ sơ trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

- Các thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện và cơ quan thuế.

- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện cấp đăng ký cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bằng bản giấy hoặc bản điện tử. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo trên môi trường điện tử cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;

- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Công Dịch vụ công quốc gia;
- Qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần hồ sơ:

- * Trường hợp thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh:
 - (1) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
 - (2) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Đại hội thành viên về việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh;
 - (3) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết của Đại hội thành viên về việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh.

* Trường hợp thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập:

Ngoài các giấy tờ tương ứng với các trường hợp thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tại 3 trường hợp nêu trên thì trong trường hợp thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách thì hồ sơ phải kèm theo nghị quyết tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập thì hồ sơ kèm theo hợp đồng sáp nhập, nghị quyết thông qua hợp đồng sáp nhập của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập và được sáp nhập.

* Trường hợp thông báo thay đổi thông tin về thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài:

- (1) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
- (2) Danh sách thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài sau khi thay đổi;
- (3) Bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.

* Trường hợp thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế:

- (1) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

* Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:

Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

* Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:

+ Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong nghị quyết Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc ủy quyền lại để thực hiện thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

+ Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP, cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng

ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau: Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực; Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

+ Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

+ Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

d. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ giấy tờ quy định.

e. Đối tượng thực hiện: : Công dân Việt Nam

f. Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã

g. Kết quả thực hiện: Thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, Văn bản của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo lý do từ chối, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các giấy xác nhận khác.

h. Lệ phí: Mức lệ phí (nếu có) theo quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

(1) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

(2) Danh sách thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài sau khi thay đổi;

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

* Trường hợp tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Hợp tác xã có thể tách bằng cách chuyển một phần tài sản, quyền, nghĩa vụ, thành viên của mình (sau đây gọi là hợp tác xã bị tách) để thành lập một hoặc nhiều hợp tác xã được tách. Liên hiệp hợp tác xã có thể tách bằng cách chuyển một phần tài sản, quyền, nghĩa vụ, thành viên của mình (sau đây gọi là liên hiệp hợp tác xã bị tách) để thành lập một hoặc nhiều liên hiệp hợp tác xã được tách. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách không chấm dứt tồn tại.

- Thủ tục tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thực hiện như sau: Đại hội thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách thông qua nghị quyết

tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã 2023 và Điều lệ. Nghị quyết tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách; tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tách; phương án sử dụng lao động; nguyên tắc, cách thức và thủ tục chuyển một phần tài sản, quyền, nghĩa vụ từ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách sang hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tách, bao gồm cả quỹ chung không chia, tài sản chung không chia; thời hạn thực hiện tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Nghị quyết tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải được gửi đến tất cả chủ nợ, thông báo cho người lao động, Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua nghị quyết;

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách và hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tách phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ khác của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, trừ trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tách, chủ nợ, khách hàng và người lao động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách có thỏa thuận khác. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tách đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp được phân chia theo nghị quyết tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Tài sản chung không chia, quỹ chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách được chuyển thành tài sản chung không chia, quỹ chung không chia của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau khi tách theo phương án do Đại hội thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách quyết định.

* Sáp nhập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

- Một hoặc nhiều hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể sáp nhập bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp (sau đây gọi là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được sáp nhập) sang một hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác cùng loại hình (sau đây gọi là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập). - Thủ tục sáp nhập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thực hiện như sau: Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập và được sáp nhập chuẩn bị dự thảo hợp đồng sáp nhập và dự thảo Điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập. Hợp đồng sáp nhập bao gồm nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập; tên, địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được sáp nhập; phương án sử dụng lao động; cách thức, thủ tục, thời hạn và điều kiện chuyển đổi tài sản bao gồm cả quỹ chung không chia, tài sản chung không chia; chuyển đổi phần vốn góp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được sáp nhập thành phần vốn góp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập; thời hạn thực hiện sáp nhập; Đại hội thành viên của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập và được sáp nhập thông qua hợp đồng sáp nhập, Điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập; Hợp đồng sáp nhập phải được gửi đến tất cả chủ nợ, thông báo cho người lao động, Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; Sau khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập được đăng ký, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được sáp nhập chấm dứt

tồn tại; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ khác của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được sáp nhập. Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được sáp nhập theo hợp đồng sáp nhập. Tài sản chung không chia, quỹ chung không chia của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được sáp nhập được chuyển thành tài sản chung không chia, quỹ chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập.

* kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

- Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp không có sổ định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải kèm theo bản sao CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

- Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc CMND hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

* Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt;

- Trường hợp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài;

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt được sử dụng để thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

* Người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

- Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

- Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

- Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ;

- Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử được xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hoặc người được người có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký, hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại điểm a khoản này.

- Thời hạn để hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong quá trình giải thể theo nghị quyết giải thể của Đại hội thành viên;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi:

+ Đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

+ Phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phục vụ việc giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

- Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

k .Căn cứ pháp lý:

- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11-11-2016 của Bộ Tài chính;
 - Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20-11-2012;
 - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21-11-2013 của Chính phủ;
 - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26-05-2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08-04-2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ**Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Thông báo
thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã**

*(Dùng trong trường hợp đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký
hợp tác xã/thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, đăng ký cấp đổi
Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu mới)*

Kính gửi: (Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)³⁷

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Lưu ý:

- Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã: Kê khai vào trang tương ứng tại Mục A của biểu mẫu này;

- Trường hợp đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu giấy quy định tại Thông tư này: Kê khai Mục B của biểu mẫu này;

- Trường hợp đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu giấy quy định tại Thông tư này đồng thời thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã: Kê khai các nội dung thay đổi tương ứng tại Mục A và kê khai Mục B của biểu mẫu này.

³⁷ Trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trụ sở thì ghi tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hợp tác xã dự định đặt trụ sở mới. Các trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã khác thì ghi tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hợp tác xã đã đăng ký.

B.Đ

**ĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ/THÔNG BÁO THAY ĐỔI
NỘI DUNG ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**

Hợp tác xã đăng ký thay đổi/thông báo thay đổi trên cơ sở (*chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi/thông báo thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã hoặc sáp nhập hợp tác xã, đánh dấu X vào ô thích hợp*):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã ☐

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã ☐

Thông tin về hợp tác xã được sáp nhập (*chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã*):

a) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

b) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã được sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã được sáp nhập.

- Hợp tác xã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo và xã, phường, thị trấn biên giới; xã, phường ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh³⁸: ☐ Có ☐ Không

Hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã như sau:

Lưu ý: Hợp tác xã chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi tại Mục này.

³⁸ Kê khai trong trường hợp có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài góp vốn, mua phần vốn góp vào hợp tác xã dẫn đến thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN HỢP TÁC XÃ

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (*nếu có*):.....

Tên hợp tác xã viết tắt sau khi thay đổi (*nếu có*):

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã sau khi thay đổi:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

☐ Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu hợp tác xã thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính).

Hợp tác xã cam kết trụ sở hợp tác xã dự định chuyển đến thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ sau khi thay đổi (*bằng số, bằng chữ, VNĐ*):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài (*nếu có*):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (*nếu có*) hay không? ☐ Có ☐ Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Danh sách người đại diện theo pháp luật sau khi thay đổi:

STT	Họ, chữ đệm và tên	Chức danh	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân ³ hoặc Số, ngày, cơ quan cấp CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với người đại diện là người nước ngoài)	Giới tính	Quốc tịch	D
1	2	3	4	5	6	7	

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH⁴

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (*kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã*):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Chi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (*kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã*):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú (Nếu có)

³ Nếu cột số 5 ghi Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 6, 7, 8, 9, 10.

⁴ - Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;

- Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định.

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú (Nếu có)

4. Thay đổi ngành nghề kinh doanh chính (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh chính	Mã ngành	Ghi chú (Nếu có)

Lưu ý:

Trường hợp hợp tác xã thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại Mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại Mục 2.

Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bổ sung hoặc ngành, nghề kinh doanh được bỏ ra khỏi danh sách đã đăng ký là ngành, nghề kinh doanh chính của hợp tác xã thì hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1 (hoặc Mục 2) và Mục 4 nêu trên.

☐ Đề nghị (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã cho hợp tác xã đối với các thông tin thay đổi nêu trên.

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN THÀNH VIÊN CHÍNH THỨC,
THÀNH VIÊN LIÊN KẾT GÓP VỐN LÀ TỔ CHỨC KINH TẾ
CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI, CÁ NHÂN LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC
NGOÀI**

Thông tin thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài sau khi thay đổi:

I. Thành viên là cá nhân

ST T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân ⁵ hoặc Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi thường trú	Nơi ở hiện tại	Vốn góp	Thời điểm hoàn thành góp vốn	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký	Ghi chú

⁵ Nếu cột số 4 ghi Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 5, 6, 7, 8, 9.

[illegible]

II. Thành viên là tổ chức

1. Thông tin thành viên

S T T	Tên thành viên	Số, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định thành lập hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức khác	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn góp		Thời điểm hoàn thành góp vốn	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Ghi chú
				Giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I Thành viên chính thức								
I Thành viên liên kết góp vốn								

2. Thông tin người đại diện hợp pháp của thành viên

ST T	Tên thành viên	Họ, chữ đệm và tên người đại diện	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân ⁶ hoặc Số, ngày, cơ quan cấp CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài)	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi thường trú	Nơi ở hiện tại	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I Thành viên chính thức										
II Thành viên liên kết góp vốn										

☐ Đề nghị (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã cho hợp tác xã đối với các thông tin thay đổi nêu trên.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

Thông tin đăng ký thuế sau khi thay đổi:

⁶ Nếu cột số 5 ghi Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 6, 7, 8, 9, 10.

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ, chữ đệm và tên Giám đốc (Tổng giám đốc):..... Số định danh cá nhân: Điện thoại:.....
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁷ : Họ, chữ đệm và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:..... Số định danh cá nhân: Điện thoại:.....
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: Tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Đặc khu: Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: Điện thoại (nếu có):..... Fax (nếu có):..... Email (nếu có):.....
4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁸ :...../...../.....
5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐
6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày...../..... đến ngày...../..... ⁹ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
7	Tổng số lao động:.....
8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: ☐ Có ☐ Không

☐ Đề nghị (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã cho hợp tác xã đối với các thông tin thay đổi nêu trên.

⁷ Trường hợp hợp tác xã kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

⁸ Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

⁹ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

E. ĐĂNG KÝ CẤP ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Đề nghị được cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu giấy quy định tại Nghị định số .../2025/NĐ-CP.

Hợp tác xã đề nghị cập nhật, bổ sung mã ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam đối với những ngành, nghề kinh doanh mà hợp tác xã đã đăng ký kinh doanh như sau¹⁰:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

¹⁰ - Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;
 - Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định;
 - Hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT không cần ghi lại ngành, nghề kinh doanh tại mục này.

Hợp tác xã cam kết:

- Thông tin kê khai trong Giấy đề nghị/Thông báo này là hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Giấy đề nghị/Thông báo này;

- Người ký tại Giấy đề nghị/Thông báo này là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã theo quy định của pháp luật và Điều lệ hợp tác xã.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA HỢP TÁC XÃ/
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/GIÁM ĐỐC**
(Ký và ghi họ tên)¹¹

¹¹ Trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi người đại diện theo pháp luật đồng thời thay đổi các nội dung đăng ký khác của hợp tác xã thì Chủ tịch Hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc Giám đốc (đối với tổ chức quản trị rút gọn) ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này. Các trường hợp còn lại, người đại diện theo pháp luật ký trực tiếp vào phần này.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN CHÍNH THỨC, THÀNH VIÊN LIÊN KẾT GÓP VỐN CỦA HỢP TÁC XÃ

I. Thành viên là cá nhân, hộ gia đình

ST T	Tên thành viên ³⁹	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân ⁴⁰ hoặc Số, ngày, cơ quan cấp CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài)	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi thường trú	Nơi ở hiện tại	Vốn góp		Thời điểm hoàn thành góp vốn	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I Thành viên chính thức													
II Thành viên liên kết góp vốn													

³⁹ Trường hợp thành viên là cá nhân thì ghi họ, chữ đệm và tên của thành viên đó. Trường hợp thành viên là hộ gia đình thì ghi "Hộ gia đình + họ, chữ đệm và tên người đại diện hộ gia đình" (VD: Hộ gia đình Nguyễn Văn A) và kê khai thông tin của người này tại các cột số 4, 5, 6, 7, 8, 9.

⁴⁰ Nếu cột số 4 ghi Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 5, 6, 7, 8, 9.

II. Thành viên là pháp nhân Việt Nam, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân

1. Thông tin thành viên

ST T	Tên thành viên	Số, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định thành lập hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức khác	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn góp		Thời điểm hoàn thành góp vốn	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Ghi chú
				Giá trị phần vốn góp (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Thành viên chính thức							
II	Thành viên liên kết góp vốn							

2. Thông tin người đại diện hợp pháp của thành viên

ST T	Tên thành viên	Họ, chữ đệm và tên người đại diện	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân ⁴¹ <i>hoặc</i> Số, ngày, cơ quan cấp CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài)	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi thường trú	Nơi ở hiện tại	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Thành viên chính thức									
II	Thành viên liên kết góp vốn									

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN ĐĂNG KÝ
THÀNH LẬP HỢP TÁC XÃ
(Ký và ghi họ tên)⁴²

⁴¹ Nếu cột số 5 ghi Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 6, 7, 8, 9, 10.

⁴² Người được ủy quyền đăng ký thành lập ký trực tiếp vào phần này.

34. Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên

Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp

a. Trình tự thực hiện:

* Trường hợp đăng ký trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính:

Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 168/2025/NĐ-CP nộp hồ sơ tại Cơ quan Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và cấp đăng ký doanh nghiệp; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho người thành lập doanh nghiệp. Trường hợp từ chối đăng ký doanh nghiệp thì phải thông báo bằng văn bản cho người thành lập doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

* Trường hợp đăng ký qua mạng thông tin điện tử:

Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để đăng nhập Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số hoặc ký xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử và thanh toán phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Người uỷ quyền và người được uỷ quyền phải xác thực điện tử để được cấp đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người uỷ quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký doanh nghiệp.

Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử qua tài khoản của người nộp hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện cấp đăng ký doanh nghiệp và thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện cấp đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi thông báo qua mạng thông tin điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Người nộp hồ sơ đăng nhập vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

* Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp:

Doanh nghiệp sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải nộp phí theo quy định của pháp luật. Nội dung công bố bao gồm các nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các thông tin sau đây:

- Ngành, nghề kinh doanh;

- Danh sách cổ đông sáng lập; danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần (nếu có). Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, những thay đổi tương ứng phải được thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Thời hạn thông báo công khai thông tin về doanh nghiệp là 30 ngày kể từ ngày được công khai. Thông tin công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Việc đề nghị công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp và nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Cổng Dịch vụ công quốc gia;
- Qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần hồ sơ:

- * Trường hợp đăng ký doanh nghiệp xã hội:
 - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;
 - Điều lệ công ty;
 - Danh sách thành viên; danh sách chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp (nếu có).

- Bản sao các giấy tờ sau đây: - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân, người đại diện theo pháp luật; - Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền; giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức. Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự; - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư. Trường hợp chủ sở hữu, thành viên là cá nhân, người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên là tổ chức kê khai số định danh cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP thì hồ sơ đăng ký doanh nghiệp không bao gồm bản sao giấy tờ pháp lý của các cá nhân này.

- Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường có chữ ký của các thành viên là cá nhân; người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với thành viên là tổ chức

* Trường hợp đăng ký doanh nghiệp đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán:

- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;

- Điều lệ công ty;
- Danh sách thành viên; danh sách chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp (nếu có).

- Bản sao các giấy tờ sau đây: - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân, người đại diện theo pháp luật; - Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền; giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức. Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự; - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư. Trường hợp chủ sở hữu, thành viên là cá nhân, người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên là tổ chức kê khai số định danh cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP thì hồ sơ đăng ký doanh nghiệp không bao gồm bản sao giấy tờ pháp lý của các cá nhân này.

- Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường có chữ ký của các thành viên là cá nhân; người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với thành viên là tổ chức

- Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thành lập tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư trước khi đăng ký đầu tư để thực hiện thủ tục đầu tư đặc biệt theo quy định của pháp luật về đầu tư thì hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp thực hiện dự án không bao gồm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 5 Điều 20, điểm c khoản 4 Điều 21 và điểm c khoản 4 Điều 22 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, nhà đầu tư chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc kê khai thông tin thực hiện thủ tục đầu tư đặc biệt.

* Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh:

- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;
- Điều lệ công ty;
- Danh sách thành viên; danh sách chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp (nếu có).

- Bản sao các giấy tờ sau đây: - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân, người đại diện theo pháp luật; - Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền; giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức. Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự; - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư. Trường hợp chủ sở hữu, thành viên là cá nhân, người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền

của chủ sở hữu, thành viên là tổ chức kê khai số định danh cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP thì hồ sơ đăng ký doanh nghiệp không bao gồm bản sao giấy tờ pháp lý của các cá nhân này.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
- Bản sao văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư).

* Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp xã hội trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện:

- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;
- Điều lệ công ty;
- Danh sách thành viên; danh sách chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp (nếu có).

- Bản sao các giấy tờ sau đây: - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân, người đại diện theo pháp luật; - Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền; giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức. Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự; - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư. Trường hợp chủ sở hữu, thành viên là cá nhân, người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên là tổ chức kê khai số định danh cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP thì hồ sơ đăng ký doanh nghiệp không bao gồm bản sao giấy tờ pháp lý của các cá nhân này

- Quyết định cho phép chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

- Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở bảo trợ xã hội, giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế.
- Bản sao văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.

* Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp xã hội trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện:

Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

* Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có:

- Bản sao hợp đồng ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp.

- Giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp

* Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp:

Bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp

* Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP, cụ thể:

- Bản sao hợp đồng ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp

- Giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp

* Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên

- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp

- Điều lệ công ty

- Danh sách thành viên; danh sách chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp (nếu có).

- Bản sao các giấy tờ sau đây: - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân, người đại diện theo pháp luật; - Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền; giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức. Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự; - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư. Trường hợp chủ sở hữu, thành viên là cá nhân, người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên là tổ chức kê khai số định danh cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP thì hồ sơ đăng ký doanh nghiệp không bao gồm bản sao giấy tờ pháp lý của các cá nhân này.

d. Số lượng hồ sơ:

01 bộ

đ. Thời hạn giải quyết

- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ giấy tờ quy định.

e. Đối tượng thực hiện: Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã

f. Cơ quan thực hiện: Sở Tài chính Hà Nội

g. Kết quả thực hiện: Văn bản nêu rõ lý do từ chối của Cơ quan đăng ký kinh doanh, Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên

h. Lệ phí:

Phí : 100.000 Đồng (Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC))

Lệ phí : 25.000 Đồng (- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: Bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 1 Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC (Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân))

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp

Danh sách thành viên; danh sách chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp (nếu có)

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

* Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin để đảm bảo chính xác, thống nhất. * Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy, người nộp hồ sơ xuất trình thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc sử dụng căn cước điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp người nộp hồ sơ không có số định danh cá nhân thì kèm theo hồ sơ phải có bản sao hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài

còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định. * Trường hợp không có số định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký doanh nghiệp có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông là tổ chức, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải kèm theo bản sao hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định. * Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ, chủ sở hữu, thành viên, cổ đông, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông là tổ chức, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo quy định. * Doanh nghiệp không được sử dụng tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của tổ chức, cá nhân đã được bảo hộ để cấu thành tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp được sự chấp thuận bằng văn bản của chủ sở hữu tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đó và không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Trước khi đăng ký đặt tên, người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp tham khảo các nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đã được bảo hộ và được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về sở hữu công nghiệp của cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp. Doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu đặt tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp. * Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh và đăng ký qua dịch vụ bưu chính được tiếp nhận để nhập thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: (i) Có đủ giấy tờ theo quy định tại Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; (ii) Tên doanh nghiệp đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp; (iii) Có số điện thoại của người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp; (iv) Đã nộp đủ phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định. * Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau đây: (i) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử; (ii) Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được kê khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp phải đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ; (iii) Có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ được kê khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; (iv) Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử phải được ký số hoặc ký xác thực bởi người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp hoặc người được người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải kèm theo giấy tờ quy định tại Điều 12 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại khoản 9 Điều 3 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP. * Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh

nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: (i) Ngành, nghề đăng ký kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh; (ii) Tên của doanh nghiệp được đặt theo đúng quy định tại các điều 37, 38, 39 và 41 của Luật Doanh nghiệp; (iii) Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ; (iv) Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí. * Các trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh từ chối cấp đăng ký doanh nghiệp: - Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh từ chối cấp đăng ký doanh nghiệp nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: (i) Doanh nghiệp đã bị Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; (ii) Doanh nghiệp đang trong quá trình giải thể theo quyết định của doanh nghiệp; (iii) Doanh nghiệp đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”. - Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh tiếp tục giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp với các trường hợp nêu trên khi: (i) Doanh nghiệp đã có biện pháp khắc phục vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chấp thuận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; (ii) Doanh nghiệp phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp để phục vụ việc giải thể của doanh nghiệp theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của doanh nghiệp về lý do đăng ký thay đổi và được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chấp thuận; (iii) Doanh nghiệp không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”. - Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc doanh nghiệp không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh từ chối cấp đăng ký doanh nghiệp khi doanh nghiệp thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**Kính gửi: *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)*Tôi là⁴³ (ghi họ tên bằng chữ in hoa):
.....

Ngày, tháng, năm sinh: /..... /.....

Giới tính:

Số định danh cá nhân:

Địa chỉ liên lạc *(chỉ kê khai nếu người đăng ký doanh nghiệp là người đại diện theo pháp luật)*:Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:
.....Xã/Phường/Đặc khu:
.....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:

Quốc gia:

Điện thoại *(nếu có)*: Thư điện tử *(nếu có)*:*Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:*

Dân tộc: Quốc tịch:

⁴³ Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định kê khai thông tin vào phần này.

Số Hộ chiếu (đối với cá nhân Việt Nam không có số định danh cá nhân)/Số Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:
.....

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:

Quốc gia:

**Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên do tôi
là người đại diện theo pháp luật/Chủ tịch Hội đồng thành viên² với nội
dung sau:**

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới

☐

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

☐

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

☐

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

☐

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

☐

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

☐

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã
hội/quỹ từ thiện³

☐

² Trường hợp đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng thành viên của công ty sau chuyển đổi kê khai thông tin vào phần này.

³ Trường hợp đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện qua mạng thông tin điện tử thì người nộp hồ sơ scan Giấy chứng nhận đăng ký thành lập (đối với cơ sở bảo trợ xã hội)/Giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (đối với quỹ xã hội/quỹ từ thiện) trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử và nộp bản chính Giấy này tới Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- **Lý do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp:** (*Quyết định của .../Thành viên không góp vốn/Tiếp nhận thành viên/cổ đông mới/...*)

- **Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi** (*phải kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp*):

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Đề nghị Quý Cơ quan thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

- **Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi** (*phải kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh*):

Tên hộ kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (*nếu có*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh:

Tên chủ hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (*kê khai theo giấy tờ pháp lý của cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh*):

☐ Chứng minh nhân dân

☐ Căn cước công dân

☐ Hộ chiếu

☐ Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân (*kê khai theo giấy tờ pháp lý của cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*):/...../.....

- **Thông tin về cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện được chuyển đổi** (*phải kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp xã hội trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện*):

Tên cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số Giấy chứng nhận đăng ký thành lập (Đối với cơ sở bảo trợ xã hội)/Số Giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (Đối với quỹ xã hội/quỹ từ thiện)

thiện): Ngày cấp: ... /... /..... Nơi
cấp:

Mã số thuế của cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện (*chỉ kê khai mã số thuế 10 số*):

Địa chỉ trụ sở chính:

Tên người đại diện cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (*kê khai theo giấy tờ pháp lý của cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện*):

☐ Chứng minh nhân dân

☐ Căn cước công dân

☐ Hộ chiếu

☐ Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân (*kê khai theo giấy tờ pháp lý của cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện*):

Ngày cấp: / / Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*): ... / ... / ...

- Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư được đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt

☐ **Doanh nghiệp xã hội** (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu là doanh nghiệp xã hội và kèm theo hồ sơ phải có Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường*)

☐ **Công ty chứng khoán/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán/Công ty đầu tư chứng khoán:** (*Đánh dấu X nếu là Công ty chứng khoán/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán/Công ty đầu tư chứng khoán và kê khai thêm các thông tin sau đây*)

Giấy phép thành lập và hoạt động số: ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày: / / (*nếu có*)

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên công ty viết tắt (*nếu có*):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:

Điện thoại: Số fax (*nếu có*):

Thư điện tử (*nếu có*): Website (*nếu có*):

- Doanh nghiệp nằm trong (*Doanh nghiệp phải đánh dấu X vào ô vuông tương ứng với khu công nghệ cao nếu nộp hồ sơ tới Ban quản lý khu công nghệ cao*):

Khu công nghiệp ☐

Khu chế xuất ☐

Khu kinh tế ☐

Khu công nghệ cao ☐

- Doanh nghiệp có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo và xã, phường biên giới; xã, phường ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh ☐ ☐

Có Không

4. Ngành, nghề kinh doanh (*ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam*):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (<i>đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai</i>)

⁴ Kê khai trong trường hợp có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào doanh nghiệp dẫn đến thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (*bằng số; VNĐ*):

Vốn điều lệ (*bằng chữ; VNĐ*):.....

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (*nếu có, bằng số, loại ngoại tệ*):.....

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? ☐ Kh ☐

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Thành viên công ty: (kê khai theo Mẫu số 6 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này) Gửi kèm.

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (chỉ kê khai trong trường hợp thành viên là nhà đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư):

Mã số dự án:

Ngày cấp:// Cơ quan cấp:

8. Người đại diện theo pháp luật⁵:

Họ, chữ đệm và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh://

Giới tính:

Số định danh cá nhân:

Chức danh:

Địa chỉ liên lạc:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:
.....

Xã/Phường/Đặc khu:
.....

⁵ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Dân tộc: Quốc tịch:

Số Hộ chiếu (đối với cá nhân Việt Nam không có số định danh cá nhân)/Số Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:

.....

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:

Quốc gia:

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
9.1	Thông tin về Giám đốc/Tổng giám đốc (nếu có): Họ, chữ đệm và tên Giám đốc/Tổng giám đốc:..... Ngày, tháng, năm sinh: / / Giới tính: Số định danh cá nhân: Điện thoại:.....
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có): Họ, chữ đệm và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:..... Ngày, tháng, năm sinh: / / Giới tính: Số định danh cá nhân:

	Điện thoại:.....
9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Đặc khu: Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương: Điện thoại (<i>nếu có</i>):Số fax (<i>nếu có</i>):..... Thư điện tử (<i>nếu có</i>):.....

9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁶ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
9.5	Hình thức hạch toán (Đánh dấu X vào một trong hai ô “Hạch toán độc lập” hoặc “Hạch toán phụ thuộc”. Trường hợp chọn ô “Hạch toán độc lập” mà thuộc đối tượng phải lập và gửi báo cáo tài chính hợp nhất cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định thì chọn thêm ô “Có báo cáo tài chính hợp nhất”): Hạch toán độc lập ☐ Có báo cáo tài chính hợp nhất ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁷ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
9.7	Tổng số lao động (dự kiến):
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có ☐ Không ☐
9.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁸ : Khấu trừ ☐ Trực tiếp trên GTGT ☐ Trực tiếp trên doanh số ☐ Không phải nộp thuế GTGT ☐

⁶ Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁷ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁸ Chỉ kê khai trong trường hợp thành lập mới. Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này, trừ trường hợp doanh nghiệp mua bán, chế tác vàng, bạc, đá quý có thể chọn thêm phương pháp trực tiếp trên GTGT ngoài các phương pháp khác (nếu có).

⁹ Không kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

10. Thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội⁹:

Phương thức đóng bảo hiểm xã hội (*chọn 1 trong 3 phương thức*):

☐ Hàng tháng ☐ 03 tháng một lần ☐ 06 tháng một lần

Lưu ý:

- Doanh nghiệp đăng ký ngành, nghề kinh doanh chính là nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp và trả lương theo sản phẩm, theo khoán: có thể lựa chọn 1 trong 3 phương thức đóng bảo hiểm xã hội: hàng tháng, 03 tháng một lần, 06 tháng một lần.

- Doanh nghiệp đăng ký ngành, nghề kinh doanh chính khác: đánh dấu vào phương thức đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng.

11. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp¹⁰:

Doanh nghiệp có chủ sở hữu hưởng lợi không?

☐

Có

☐

Không

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Cơ quan đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Là người có đầy đủ quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Trú sở chính thuộc quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)¹¹

¹⁰ Trường hợp doanh nghiệp có thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 18 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP thì kê khai theo Mẫu số 10 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

¹¹ - Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng thành viên của công ty sau chuyển đổi ký trực tiếp vào phần này.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY HỢP DANH

I. Thành viên là cá nhân

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Loại giấy tờ, số, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy tờ pháp lý của cá nhân ⁴⁴	Quốc tịch	Dân tộc	Địa chỉ liên lạc	Vốn góp			Thời hạn góp vốn ⁴	Chữ ký của thành viên ⁵	Ghi chú (nếu có)
								Phần vốn góp ⁴⁵ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài: bằng số, loại ngoại tệ, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ⁴⁶			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
A. Thành viên hợp danh													
B. Thành viên góp vốn (nếu có)													

⁴⁴ Nếu cột số 5 kê khai Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 6, 7.

⁴⁵ Ghi phần vốn góp của từng thành viên. Giá trị ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, ghi bằng số, loại ngoại tệ (nếu có).

⁴⁶ Loại tài sản góp vốn bao gồm: Đồng Việt Nam; Ngoại tệ tự do chuyển đổi (ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ); Vàng; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật; Tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản).

Có thể lập thành danh mục riêng kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

⁴ - Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời hạn góp vốn là thời hạn thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời hạn góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không kê khai thời hạn góp vốn.

⁵ - Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thành viên có phần vốn góp không thay đổi không bắt buộc phải ký vào phần này.

- Trường hợp đăng ký/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài thì không cần chữ ký tại phần này.

[illegible]

II. Thành viên góp vốn là tổ chức (nếu có)

1. Thông tin thành viên

S T T	Tên thà nh viên	Số, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định thành lập hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn góp			Thời hạn góp vốn ⁸	Ghi chú (nếu có)
				Phân vốn góp ⁶ (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài: bằng số, loại ngoại tệ, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ⁷		
1	2	3	4	5	6	7	8	9

2. Thông tin người đại diện theo pháp luật/ủy quyền của thành viên

S T T	Tên thà nh viên	Tên người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy tờ pháp lý của cá nhân ⁹	Quốc tịch	Dân tộc	Địa chỉ liên lạc	Vốn được ủy quyền ¹⁰			Chữ ký của người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền ¹²	Ghi chú (nếu có)
									Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ ¹¹ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

DANH SÁCH CHỦ SỞ HỮU HƯỞNG LỢI CỦA DOANH NGHIỆP

^{6,7,8} Khai khai tương tự thành viên là cá nhân.

⁹ Nếu cột số 6 kê khai Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 7, 8.

¹⁰ Không phải kê khai phần này đối với trường hợp kê khai người đại diện theo pháp luật.

¹¹ Tỷ lệ % của phần vốn góp được ủy quyền đại diện trên tổng số vốn góp của thành viên đó tại doanh nghiệp.

¹² Người được kê khai thông tin ký trực tiếp vào phần này.

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy tờ pháp lý của cá nhân ⁴⁷	Quốc tịch	Dân tộc	Địa chỉ liên lạc	Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp ⁴⁸			Ghi chú (nếu có)
								Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết ⁴⁹	Quyền chi phối ⁵⁰	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

....., ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT/
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH
VIÊN/
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN
TRỊ CỦA CÔNG TY**

(Ký và ghi họ tên)⁵¹

⁴⁷ Nếu cột số 5 kê khai Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 6, 7.

⁴⁸ Trường hợp CSHHL thông qua sở hữu vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được xác định như sau:

- Cá nhân là cổ đông sở hữu từ 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên;
- Cá nhân là thành viên sở hữu từ 25% vốn điều lệ trở lên của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;
- Cá nhân là chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;
- Cá nhân là thành viên hợp danh công ty hợp danh.

⁴⁹ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết = Số cổ phần có quyền biểu quyết của chủ sở hữu hưởng lợi/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty cổ phần.

⁵⁰ Nếu doanh nghiệp xác định được chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP thông qua quyền chi phối, doanh nghiệp ghi rõ một trong các quyền chi phối sau: bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên; người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; tổ chức lại, giải thể công ty.

⁵¹ - Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty sau chuyển đổi ký trực tiếp vào phần này.
- Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

35. Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác

Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ trưởng tổ hợp tác hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ hợp tác nộp thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác đến Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi tổ hợp tác thành lập.

Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ

Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác.

Bước 3: Xử lý hồ sơ

Sau khi tiếp nhận hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác, Ủy ban nhân dân cấp xã cập nhật vào Sổ theo dõi về việc thành lập và hoạt động của tổ hợp tác các thông tin có liên quan.

- Nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân xã;

c. Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của tổ hợp tác nộp thông báo thì cần có

(1) Giấy thông báo về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác;

(2) Văn bản ủy quyền của một trăm phần trăm (100 %) tổng số thành viên tổ hợp tác;

(3) Biên bản cuộc họp thành viên tổ hợp tác về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác.

* Trường hợp tổ trưởng tổ hợp tác nộp thông báo thì cần có:

(1) Giấy thông báo về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác;

(2) Biên bản cuộc họp tổ hợp tác về việc bầu tổ trưởng;

(3) Biên bản cuộc họp thành viên tổ hợp tác về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác.

d. Số lượng hồ sơ:

01 bộ

d. Thời hạn giải quyết

Ngay tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ nếu có đầy đủ giấy tờ theo quy định

e. Đối tượng thực hiện: Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)

f. Cơ quan thực hiện: Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

g. Kết quả thực hiện: Cập nhật thông tin trong Sổ theo dõi về việc thành lập và hoạt động của tổ hợp tác

h. Lệ phí:

không có

h. Tên mẫu đơn, tờ khai :

Giấy thông báo về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

- Hồ sơ thông báo có đầy đủ giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật;

- Thông tin của tổ hợp tác đã được kê khai đầy đủ vào các giấy tờ trong hồ sơ thông báo thành lập hoặc thay đổi tổ hợp tác và được cập nhật vào Sổ theo dõi thành lập và hoạt động của tổ hợp tác theo quy định của pháp luật.

j. Căn cứ pháp lý:

- Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13;

- Nghị định số 77/2015/NĐ-CP của Chính phủ về tổ hợp tác;

- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

- Thông tư số 43/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính: Ban hành biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp

TÊN TỔ HỢP TÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác

Kính gửi: UBND cấp xã, phường, thị trấn¹

Tên tổ hợp tác (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Địa chỉ trụ sở:

Thông báo về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác như sau:

Lý do chấm dứt hoạt động²:.....

.....

.....

Tổ hợp tác cam kết đã hoàn thành các khoản nợ, nghĩa vụ thuế, tài sản và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ HỢP TÁC

(Ký, ghi rõ họ tên)³

Các giấy tờ gửi kèm:

-

-

-

36. Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác

Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ trưởng tổ hợp tác hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ hợp tác gửi thông báo thành lập tổ hợp tác đến Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi tổ hợp tác dự định thành lập.

Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ

Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ thông báo thành lập tổ hợp tác.

Bước 3: Xử lý hồ sơ

Sau khi tiếp nhận hồ sơ thông báo thành lập tổ hợp tác, Ủy ban nhân dân cấp xã cập nhật vào Sổ theo dõi về việc thành lập và hoạt động của tổ hợp tác các thông tin có liên quan.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân xã;

c. Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của tổ hợp tác nộp thông báo thì cần có

(1) Giấy thông báo thành lập tổ hợp tác;

(2) Hợp đồng hợp tác;

(3) Văn bản ủy quyền của một trăm phần trăm (100 %) tổng số thành viên tổ hợp tác.

* Trường hợp tổ trưởng tổ hợp tác nộp thông báo thì cần có:

1) Giấy thông báo thành lập tổ hợp tác;

(2) Hợp đồng hợp tác;

(3) Biên bản cuộc họp tổ hợp tác về việc bầu tổ trưởng.

d. Số lượng hồ sơ:

01 bộ

đ. Thời hạn giải quyết

Ngay tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ nếu có đầy đủ giấy tờ theo quy định

e. Đối tượng thực hiện: Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)

f. Cơ quan thực hiện: Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

g. Kết quả thực hiện: Cập nhật thông tin trong Sổ theo dõi về việc thành lập và hoạt động của tổ hợp tác

h. Lệ phí:

không có

h. Tên mẫu đơn, tờ khai:

Giấy thông báo thành lập tổ hợp tác;

Hợp đồng hợp tác.

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

- Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm; trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có điều kiện;

- Tên của tổ hợp tác được đặt theo quy định tại Điều 13 của Nghị định 77/2019/NĐ-CP:

“1. Tổ hợp tác có quyền chọn tên, biểu tượng của mình phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều này và không trùng lặp với tên, biểu tượng của tổ hợp tác khác trong địa bàn cấp xã.

2. Tên của tổ hợp tác chỉ bao gồm hai thành tố sau đây:

a) Loại hình “Tổ hợp tác”;

b) Tên riêng của tổ hợp tác. Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, có thể kèm theo chữ số, ký hiệu. Không được sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc để đặt tên riêng cho tổ hợp tác. Không được sử dụng các cụm từ gây nhầm lẫn với các loại hình tổ chức khác theo quy định của pháp luật Việt Nam để đặt tên tổ hợp tác.”

- Hồ sơ thông báo thành lập có đầy đủ giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật.

j. Căn cứ pháp lý:

- Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13;

- Nghị định số 77/2015/NĐ-CP của Chính phủ về tổ hợp tác;

- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

- Thông tư số 43/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính: Ban hành biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY THÔNG BÁO

Thành lập/Thay đổi tổ hợp tác

Kính gửi: UBND xã, phường, đặc khu¹

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):..... Giới tính:.....
 Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
 Chứng minh nhân dân/căn cước công dân số:.....
 Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:.....
 Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):.....
 Số giấy chứng thực cá nhân:.....
 Ngày cấp:..... /...../..... Ngày hết hạn:..... /...../..... Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:.....
 Xã/Phường/đặc khu:.....
 Tỉnh/Thành phố:.....

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:.....
 Xã/Phường/đặc khu:.....
 Tỉnh/Thành phố:.....
 Điện thoại:..... Fax:
 Email: Website:.....

Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác với các nội dung sau²:

1. Tình trạng thành lập/thay đổi (đánh dấu X vào ô thích hợp)

Thành lập mới ☐

Thay đổi trên cơ sở tổ hợp tácthành lập tại thời điểm³ ☐

2. Tên tổ hợp tác

Tên tổ hợp tác viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):.....

Tên tổ hợp tác viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

Tên tổ hợp tác viết tắt (nếu có):.....

3. Địa chỉ tổ hợp tác⁴

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/đặc khu:.....

Tỉnh/Thành phố:.....

Điện thoại:..... Fax:

Email: Website:.....

4. Ngành, nghề kinh doanh⁵**5. Tổng giá trị phần đóng góp:**

Tổng số (bằng số; VND):.....

6. Số lượng thành viên:

Tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung các thông tin khai ở trên.

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ HỢP TÁC*(Ký và ghi họ tên⁶)*

Các giấy tờ gửi kèm:

- Hợp đồng hợp tác;
- Danh sách thành viên;
-

1. Ghi tên UBND xã, phường, đặc khu nơi tổ hợp tác hoạt động. Nếu tổ hợp tác hoạt động trên địa bàn nhiều xã thì ghi tên xã, phường, đặc khu nơi tổ hợp tác hoạt động chủ yếu.

2. Trường hợp thông báo thay đổi, chỉ khai các thông tin mới thay đổi, cần được thông báo cho UBND xã, phường, đặc khu nơi tổ hợp tác hoạt động.

3. Ghi tên cũ của tổ hợp tác và năm tổ hợp tác thành lập.

4. Ghi địa chỉ trụ sở của tổ hợp tác (nếu có) hoặc địa chỉ của người đại diện của tổ hợp tác.

5. Tổ hợp tác có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, tổ hợp tác chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định.

Danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Luật Đầu tư.

6. Người đại diện của Tổ hợp tác ký trực tiếp vào phần này.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàythángnăm.....

HỢP ĐỒNG HỢP TÁC

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về tổ hợp tác;

Chúng tôi gồm các thành viên có danh sách kèm theo cùng nhau cam kết thực hiện hợp đồng hợp tác với các nội dung sau:

Điều 1. Tên, biểu tượng, địa chỉ giao dịch của tổ hợp tác

1. Tên của tổ hợp tác:

2. Biểu tượng (nếu có)

(Hợp đồng hợp tác ghi rõ tên, biểu tượng của tổ hợp tác (nếu có) không trùng, không gây nhầm lẫn với tên, biểu tượng của tổ hợp tác khác; biểu tượng của tổ hợp tác phải được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.)

3. Địa chỉ giao dịch:

a. Số nhà (nếu có).....

b. Đường phố/thôn/bản.....

c. Xã/phường/đặc khu.....

d. Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

(Địa chỉ giao dịch của tổ hợp tác là địa chỉ trụ sở của tổ hợp tác (nếu có) hoặc địa chỉ nơi cư trú của người đại diện của tổ hợp tác.)

đ. Số điện thoại/fax (nếu có).....

e. Địa chỉ thư điện tử (nếu có).....

g. Địa chỉ Website (nếu có).....

Điều 2. Mục đích, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác

(1. Mục đích:

Các thành viên tổ hợp tác sau khi thảo luận, thống nhất quyết định thực hiện các công việc sau:

a

b.....

c.....

2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác áp dụng các quy định tại Điều 4 của Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về tổ

hợp tác (sau đây gọi tắt là Nghị định về tổ hợp tác). Tổ hợp tác có thể quy định thêm các nguyên tắc khác không trái với quy định của pháp luật.)

Điều 3. Thời hạn hợp đồng hợp tác

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày thángnăm.... đến hết ngày.....tháng.... năm.....

Điều 4. Tài sản, phần đóng góp của tổ hợp tác

1. Hợp đồng hợp tác áp dụng các quy định tại Điều 504, 505 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 22, 23, 24, 25, 26, 27 của Nghị định về tổ hợp tác.

2. Trường hợp thành viên thỏa thuận về trách nhiệm hữu hạn đối với phần đóng góp của mình vào tổ hợp tác phải được thỏa thuận cụ thể và thể hiện trong hợp đồng hợp tác

3. Danh sách thành viên tổ hợp tác trong đó ghi rõ giá trị phần đóng góp của thành viên được lập thành Phụ lục kèm theo hợp đồng hợp tác và là một phần không thể tách rời của hợp đồng hợp tác (tham khảo Mẫu I.02.01 trong Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định về tổ hợp tác).

4. Hợp đồng hợp tác quy định cụ thể về tài sản chung của thành viên tổ hợp tác, cơ chế và cách thức xử lý tài sản chung của thành viên tổ hợp tác quy định của pháp luật.

Điều 5. Công tác tài chính, kế toán của tổ hợp tác

1. Hợp đồng hợp tác áp dụng các quy định tại khoản 4 Điều 22 của Nghị định về tổ hợp tác.

2. Hợp đồng hợp tác quy định hình thức, nội dung, thời hạn báo cáo tài chính trong nội bộ tổ hợp tác

Điều 6. Phương thức hợp tác, tổ chức thực hiện hợp đồng hợp tác

1. Hợp đồng hợp tác ghi rõ nội dung, phương thức hợp tác và kế hoạch thực hiện hợp đồng hợp tác căn cứ theo mục đích hoạt động và thỏa thuận của các thành viên tổ hợp tác.

2. Việc hợp tác giữa các thành viên không được trái pháp luật và các quy định của Nghị định về tổ hợp tác.

Điều 7. Phương thức phân phối hoa lợi, lợi tức và xử lý lỗ giữa các thành viên tổ hợp tác

1. Hợp đồng hợp tác áp dụng các quy định tại Điều 23 Nghị định về tổ hợp tác.

2. Hợp đồng hợp tác có thể quy định cụ thể tỷ lệ đa số tổ viên biểu quyết từ trên 50% đến 100% .

3. Hợp đồng hợp tác quy định cụ thể phương thức xử lý lỗ và rủi ro, quy định về tỷ lệ đóng góp, phân chia rủi ro đối với các thành viên theo tỷ lệ phần đóng góp hoặc theo thỏa thuận cụ thể đối với từng thành viên.

Điều 8. Điều kiện, quy trình bổ sung thành viên tổ hợp tác

1. Hợp đồng hợp tác áp dụng các quy định tại Điều 7, 10 của Nghị định về tổ hợp tác.

2. Hợp đồng hợp tác có thể quy định cụ thể tỷ lệ đa số tổ viên biểu quyết từ trên 50% đến 100% nhưng không được trái với quy định tại khoản 3 Điều 10 của Nghị định về tổ hợp tác.

3. Căn cứ ngành nghề, lĩnh vực hoạt động của tổ hợp tác để thống nhất các quy định khác về điều kiện trở thành tổ viên, như: tay nghề, sức khỏe, phần đóng góp, v.v.

4. Tổ hợp tác lập danh sách thành viên tổ hợp tác tại Phụ lục kèm theo hợp đồng hợp tác và là một phần không thể tách rời của hợp đồng hợp tác (tham khảo Mẫu I.02.01 trong Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định về tổ hợp tác).

Phụ lục “Danh sách thành viên” bao gồm đầy đủ các nội dung sau: Họ, tên, số định danh cá nhân hoặc tên, số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của pháp nhân; số tiền, giá trị tài sản hoặc sức lao động đóng góp được quy thành tiền và tỷ lệ phần đóng góp.

Điều 9. Quyền, nghĩa vụ của các thành viên

1. Áp dụng các quy định tại Điều 507, 508, 509, 510 của Bộ luật dân sự và Điều 8, 9 của Nghị định về tổ hợp tác.

2. Hợp đồng hợp tác quy định cụ thể hình thức kiểm tra, giám sát của thành viên đối với tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác.

Điều 10. Điều kiện, quy trình chấm dứt tư cách thành viên

1. Áp dụng quy định tại Điều 510 của Bộ luật dân sự và Điều 11 của Nghị định về tổ hợp tác.

2. Hợp đồng hợp tác có thể quy định các trường hợp thành viên có thể bị miễn trừ tư cách thành viên và trình tự, thủ tục thực hiện việc miễn trừ tư cách thành viên trong trường hợp này nhưng không được trái quy định tại Điều 11 của Nghị định về tổ hợp tác.

Điều 11. Đại diện của tổ hợp tác trong xác lập, thực hiện giao dịch

1. Áp dụng các quy định tại Điều 16 của Nghị định về tổ hợp tác.

2. Người đại diện của tổ hợp tác phải được toàn bộ thành viên tổ hợp tác đồng ý ủy quyền. Hợp đồng hợp tác quy định thêm các điều kiện, tiêu chuẩn đối với người đại diện, ví dụ: phải là người có năng lực, trình độ, nhiệt tình, có trách nhiệm, v.v.

3. Người đại diện của tổ hợp tác có thể là bất kỳ thành viên tổ hợp tác nào hoặc không phải là thành viên tổ hợp tác, tùy theo thỏa thuận của thành viên tổ hợp tác. Nội dung, phạm vi và thời gian ủy quyền của người đại diện của tổ hợp tác được ghi rõ bằng văn bản để tránh trường hợp lạm dụng hoặc lạm quyền.

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ của tổ trưởng tổ hợp tác

1. Áp dụng các quy định tại Điều 18 của Nghị định về tổ hợp tác.

2. Tổ trưởng phải là thành viên tổ hợp tác, hợp đồng hợp tác quy định thêm các điều kiện, tiêu chuẩn đối với tổ trưởng, ví dụ: phải là người có năng lực, trình độ, nhiệt tình, có trách nhiệm, v.v.

3. Việc trả thù lao đối với tổ trưởng được thỏa thuận giữa các thành viên tổ hợp tác.

4. Hợp đồng hợp tác quy định cụ thể phạm vi, nội dung và quyền hạn của tổ trưởng tổ hợp tác để tránh trường hợp lạm dụng hoặc lạm quyền.

5. Hợp đồng hợp tác có thể quy định bổ sung quyền của tổ trưởng không trái với quy định của pháp luật.

Điều 13. Quyền, nghĩa vụ của ban điều hành (nếu có)

1. Áp dụng các quy định tại Điều 19 của Nghị định về tổ hợp tác.

2. Hợp đồng hợp tác có thể quy định cụ thể về số lượng thành viên ban điều hành, phân công rõ nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể của thành viên ban điều hành trong quản lý, điều hành hoạt động của tổ hợp tác.

Tổ hợp tác lập danh sách thành viên ban điều hành và tổ trưởng tổ hợp tác tại Phụ lục kèm theo và là một bộ phận không thể tách rời với hợp đồng hợp tác (tham khảo Mẫu I.02.02 trong Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định của tổ hợp tác). Phụ lục Danh sách ban điều hành hoặc thông tin về tổ trưởng tổ hợp tác phải bảo đảm đầy đủ các nội dung sau: Tên, số định danh cá nhân, địa chỉ thường trú của tổ trưởng tổ hợp tác và ban điều hành (nếu có).

Điều 14. Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác

1. Áp dụng các quy định tại Điều 512 của Bộ luật dân sự và Điều 14, 15 của Nghị định về tổ hợp tác.

2. Hợp đồng hợp tác có thể quy định các trường hợp chấm dứt tổ hợp tác khác do các thành viên tự thỏa thuận.

Điều 15. Quy định phương thức giải quyết tranh chấp trong nội bộ tổ hợp tác

1. Áp dụng các quy định tại Điều 28 của Nghị định về tổ hợp tác.

2. Hợp đồng hợp tác có thể quy định về việc thành lập và cơ chế hoạt động của Ủy ban/ban hòa giải hoặc chỉ định thành viên có uy tín giải quyết tranh chấp trong nội bộ tổ hợp tác.

Điều 16. Các thỏa thuận khác (nếu có)

Tổ hợp tác có thể thỏa thuận các nội dung khác của Hợp đồng hợp tác không trái quy định pháp luật.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng hợp tác này đã được thông qua tại cuộc họp thành viên Tổ hợp tác ngày tháng năm.....

2. Các thành viên của tổ có trách nhiệm thi hành Hợp đồng hợp tác này.

3. Mọi sự thay đổi hợp đồng hợp tác phải được thành viên thống nhất thông qua.

(Hợp đồng hợp tác có thể quy định cụ thể tỷ lệ đa số tổ viên thống nhất thông qua từ trên 50% đến 100%).

Chúng tôi, gồm tất cả thành viên tổ hợp tác thống nhất và ký tên vào Hợp đồng hợp tác này:

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chữ ký (hoặc điểm chỉ)
I	Người đại diện của tổ hợp tác		
II	Tổ trưởng		
III	Ban điều hành (nếu có)		
1			
2			
.....			
IV	Thành viên		
1			
2			
3			
.....			

37. Hỗ trợ dự án liên kết

a) Trình tự thực hiện

Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt hỗ trợ liên kết đến Ủy ban nhân dân cấp xã bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản.

Bước 2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định (thành lập Hội đồng thẩm định) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, phê duyệt.

Bước 3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt hỗ trợ liên kết; trường hợp không phê duyệt liên kết thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ
 - + Đơn đề nghị của chủ dự án (theo mẫu số 01 phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018);
 - + Dự án liên kết (theo mẫu số 02 phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018) hoặc Kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (theo mẫu số 03 phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018);
 - + Bản thỏa thuận cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (theo mẫu số 04 phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau;
 - + Bản sao chụp các chứng nhận về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (theo mẫu số 05 phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018);
 - + Bản sao chụp hợp đồng liên kết.
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 18 ngày làm việc (thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết TTHC còn 09 ngày làm việc)

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định phê duyệt hồ trợ dự án liên kết.

h) Lệ phí: Không có

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01. Đơn đề nghị hồ trợ liên kết
- Mẫu số 02. Dự án liên kết
- Mẫu số 03. Kế hoạch đề nghị hồ trợ liên kết
- Mẫu số 04. Bản thỏa thuận cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết)
- Mẫu số 05. Bản cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.
- Hợp đồng liên kết được công chứng hoặc chứng thực bởi cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy chứng nhận hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.
- Liên kết đảm bảo ổn định:
 - + Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác từ 01 năm trở lên, thời gian liên kết theo dự án liên kết tối thiểu là 05 năm;
 - + Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác dưới 01 năm, thời gian liên kết theo dự án liên kết tối thiểu là 03 năm.
- Dự án liên kết có sự hỗ trợ của nhà nước được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.
- Điều 40 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**TÊN ĐỐI TƯỢNG
THAM GIA LIÊN KẾT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

V/v hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)
..... (hoặc UBND xã (phường))

Chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết):.....

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Giấy đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Căn cứ chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, (tên chủ đầu tư dự án liên kết hoặc chủ trì liên kết) đề nghị (tên cơ quan được giao phê duyệt hỗ trợ liên kết):

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Loại sản phẩm nông nghiệp liên kết:
2. Địa bàn thực hiện:
3. Quy mô liên kết:
4. Tiến độ thực hiện dự kiến:

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết:
2. Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết:
3. Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông:

4. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn:
5. Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm:
6. Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới:
7. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ.....

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

III. CAM KẾT: (tên chủ đầu tư dự án liên kết)
cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây
2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.
3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):/.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu:

CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

38. Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

a) Trình tự thực hiện

Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi 01 bộ Hồ sơ đăng ký nhu cầu hỗ trợ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ hợp tác có địa chỉ giao dịch, nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Công Dịch vụ công quốc gia
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ trong đó có nội dung cam kết không vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật Hợp tác xã 2023, không trong thời gian chấp hành bản án hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

(2) Bản sao tài liệu, hồ sơ liên quan thể hiện sự phù hợp các tiêu chí thụ hưởng theo quy định.

* Bản sao tài liệu, hồ sơ liên quan thể hiện sự phù hợp các tiêu chí thụ hưởng theo quy định: Đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Tài liệu, hồ sơ chứng minh hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đáp ứng một (bắt buộc) hoặc nhiều (nếu có) tiêu chí sau, cụ thể: số lượng thành viên tăng trong 02 năm liên tiếp liền kề với năm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ; tỷ lệ giá trị giao dịch nội bộ tăng trong năm trước liền kề với năm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ; tỷ lệ trích lập quỹ chung không chia cao hơn so với mức tối thiểu quy định tại Điều 84 Luật Hợp tác xã 2023 trong năm trước liền kề với năm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ; tăng giá trị tài sản chung không chia trong năm trước liền kề với năm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ; có ít nhất 5% tổng số thành viên, người lao động được tham gia các lớp giáo dục, đào tạo, phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn do hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tự tổ chức hoặc do các cơ quan, đoàn thể, tổ chức khác tổ chức và đã được cấp chứng nhận tham gia khóa học hoặc có danh sách thành viên, người lao động tham gia khóa học có đóng dấu của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (đối với các khóa học do hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tự tổ chức, thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải có kế hoạch tổ chức khóa học, nội dung khóa học và danh sách khóa học có chữ ký của người tham gia khóa học) tính đến thời điểm năm trước liền kề với năm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ; đã thành lập không quá 36 tháng tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư tính đến thời điểm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ;

- Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký thụ hưởng khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước có giá trị từ 03 tỷ đồng trở lên thì phải có Báo cáo tài chính năm trước liền kề đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập tại thời điểm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ.

* Bản sao tài liệu, hồ sơ liên quan thể hiện sự phù hợp các tiêu chí thụ hưởng theo quy định: Đối với tổ hợp tác:

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác;
- Tài liệu, hồ sơ chứng minh tổ hợp tác đáp ứng một tiêu chí (bắt buộc) hoặc nhiều tiêu chí (nếu có), cụ thể: số lượng thành viên tăng trong 02 năm liên tiếp liền kề với năm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ; có ít nhất 5% tổng số thành viên, người lao động được tham gia các lớp giáo dục, đào tạo, phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn do tổ hợp tác tự tổ chức hoặc do các cơ quan, đoàn thể, tổ chức khác tổ chức và đã được cấp chứng nhận tham gia khóa học hoặc có danh sách thành viên, người lao động tham gia khóa học có xác nhận của tổ hợp tác (đối với các khóa học do tổ hợp tác tự tổ chức, thì tổ hợp tác phải có kế hoạch tổ chức khóa học, nội dung khóa học và danh sách khóa học có chữ ký của người tham gia khóa học) tính đến thời điểm năm trước liền kề với năm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ; đã thành lập không quá 36 tháng tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư tính đến thời điểm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ.

- Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp tại hồ sơ đăng ký nhu cầu hỗ trợ nêu trên.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông báo cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

h) Lệ phí: 0 Đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đăng ký nhu cầu

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được xem xét thụ hưởng chính sách khi:

- Không trong thời gian thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính do vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật Hợp tác xã 2023; không trong thời gian chấp hành bản án hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

- Đáp ứng một trong các tiêu chí sau tại thời điểm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ: số lượng thành viên tăng trong 02 năm liên tiếp liền kề với năm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ; tỷ lệ giá trị giao dịch nội bộ tăng trong năm trước liền kề với năm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ; tỷ lệ trích lập quỹ chung không chia cao hơn so với mức tối thiểu quy định tại Điều 84 Luật Hợp tác xã 2023 trong năm trước liền kề với năm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ; tăng giá trị tài sản chung không chia trong năm trước liền kề với năm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ; có ít nhất 5% tổng số thành viên, người lao động được tham gia các lớp giáo dục,

đào tạo, phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn do hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tự tổ chức hoặc do các cơ quan, đoàn thể, tổ chức khác tổ chức và đã được cấp chứng nhận tham gia khóa học hoặc có danh sách thành viên, người lao động tham gia khóa học có đóng dấu của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (đối với các khóa học do hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tự tổ chức, thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải có kế hoạch tổ chức khóa học, nội dung khóa học và danh sách khóa học có chữ ký của người tham gia khóa học) tính đến thời điểm năm trước liền kề với năm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ; đã thành lập không quá 36 tháng tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư tính đến thời điểm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ;

- Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký thụ hưởng khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước có giá trị từ 03 tỷ đồng trở lên thì phải có báo cáo tài chính năm trước liền kề đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập tại thời điểm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ. (b) Tổ hợp tác được xem xét thụ hưởng chính sách khi:

- Có Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác;
- Không trong thời gian thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính do vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật Hợp tác xã 2023;

- Đáp ứng một trong các tiêu chí sau tại thời điểm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ: số lượng thành viên tăng trong 02 năm liên tiếp liền kề với năm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ; có ít nhất 5% tổng số thành viên, người lao động được tham gia các lớp giáo dục, đào tạo, phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn do tổ hợp tác tự tổ chức hoặc do các cơ quan, đoàn thể, tổ chức khác tổ chức và đã được cấp chứng nhận tham gia khóa học hoặc có danh sách thành viên, người lao động tham gia khóa học có xác nhận của tổ hợp tác (đối với các khóa học do tổ hợp tác tự tổ chức, thì tổ hợp tác phải có kế hoạch tổ chức khóa học, nội dung khóa học và danh sách khóa học có chữ ký của người tham gia khóa học) tính đến thời điểm năm trước liền kề với năm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ; đã thành lập không quá 36 tháng tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư tính đến thời điểm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã 17/2023/QH15;
- Nghị định số 113/2024/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

- Thông tư số 43/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính: Ban hành biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp

TÊN THT/HTX/LHHTXCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

Mẫu số 1**ĐƠN ĐĂNG KÝ NHU CẦU HỖ TRỢ****V/v hỗ trợⁱ**Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khuⁱⁱ

Tên THT/HTX/LHHTX (tổ hợp tác/hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã):

.....
Giấy chứng nhận đăng ký số.....ngày cấp.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:Fax:..... Email:.....

Người đại diện:.....

Chức vụ:

Số định danh cá nhân của người đại diện:.....

Căn cứⁱⁱⁱ

đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã:

I. THÔNG TIN CHUNG1. Ngày thành lập/ngày đăng ký:^{iv}2. Số lượng thành viên:^v3. Số lao động:^{vi}4. Tỷ lệ giá trị giao dịch nội bộ (đối với HTX, LHHTX):^{vii}5. Tỷ lệ trích lập quỹ chung (đối với HTX, LHHTX):^{viii}**II. THUYẾT MINH SỰ PHÙ HỢP VỚI CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**THT/HTX/LHHTX tự viết thuyết minh đơn giản theo các tiêu chí thụ hưởng
chính sách của từng chính sách cụ thể.....
.....
.....

III. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

.....
 Dự kiến kinh phí đề nghị hỗ trợ (ghi rõ tổng chi phí, trong đó nguồn vốn đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, vốn đối ứng của THT/HTX/LHHTX (nếu có))

IV. CAM KẾT:(tên THT/HTX/LHHTX) cam kết:

1. Không trong thời gian thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính do vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật Hợp tác xã^{ix}; không trong thời gian chấp hành bản án hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật^x;

2. Tính chính xác của những thông tin trên đây;

3. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung, mục đích đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền;

4. Góp vốn đối ứng của THT/HTX/LHHTX (nếu có);

5. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam;

Nếu vi phạm sẽ bị dừng tiếp nhận hỗ trợ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

V. TÀI LIỆU KÈM THEO

Liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm:

1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh trong 02 năm liên tiếp liền kề hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đối với THT/HTX/LHHTX thành lập dưới 02 năm.

2. Tài liệu khác (nếu có).

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- Lưu:...

ĐẠI DIỆN THT/HTX/LHHTX

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu^{xi})

ⁱ Ghi rõ nhu cầu của THT, HTX, LHHTX tại đây.

ⁱⁱ Ghi rõ tên của xã, phường, đặc khu nơi THT, HTX, LHHTX đặt trụ sở chính.

ⁱⁱⁱ Văn bản quy định về chính sách hỗ trợ mà THT/HTX/LHHTX có nhu cầu nhận.

^{iv} Theo giấy chứng nhận đăng ký THT, HTX, LHHTX.

^v Theo báo cáo tại thời điểm viết đơn.

^{vi} Theo báo cáo tại thời điểm viết đơn.

^{vii} Theo báo cáo tài chính năm của năm trước liền kề.

^{viii} Theo báo cáo tài chính năm của năm trước liền kề.

^{ix} Áp dụng đối với THT, HTX, LHHTX.

^x Áp dụng đối với HTX, LHHTX.

^{xi} THT nếu không có dấu thì không cần đóng dấu.